

TAO DẦN

văn học
Việt Nam đương Đại

và khi tro bụi
đoàn minh phượng

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

Và Khi Tro Bụi

Đoàn Minh Phượng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Giới thiệu:](#)

[Chương 1. Sau ngày mù sương](#)

[Chương 2. Tình yêu đã chìm sâu hơn đáy của nỗi buồn](#)

[Chương 3. Quyển sổ](#)

[Chương 4. Nửa trang giấy](#)

[Chương 5. Trong sương](#)

[Chương 6. Câu chuyện của người trực đêm khách sạn](#)

[Chương 7. Những chuyến tàu đến Lünberg](#)

[Chương 8. Đôi mắt của Marcus](#)

[Chương 9. Sophie](#)

[Chương 10. Người cha nuôi](#)

[Chương 11. Người cha](#)

[Chương 12. Những nốt nhạc là những cánh bướm ma](#)

[Chương 13. Em, anh và cha](#)

[Chương 14. Cây đàn hồ cầm của Anita](#)

[Chương 15. Tuổi thơ nào cho Marcus](#)

[Chương 16. Đêm dài không chiêm bao](#)

[Chương 17. Và khi tro bụi rơi về](#)

Giới thiệu:

Và khi tro bụi (NXB Trẻ) mở đầu câu chuyện bằng một cái chết. Xe rơi xuống núi, một buổi chiều tháng mười một mù sương. Nước Đức. Một kiếp người vội vã thành tro bụi, nhưng với người đàn bà ở lại, mất một người chồng là mất đi mọi ràng buộc mình với thế giới này. Không còn người quen, không có việc gì trên đời để làm, không nơi chốn nào để đến, người đàn bà quyết định ra đi, “tôi biết mặt đất là một thứ khó chia tay, nên tôi sẽ sống trên những chuyến tàu”.

Câu chuyện lúc này mới thật sự bắt đầu. Trên những chuyến tàu vô định người đàn bà đã chọn cho mình một cái chết, như một dấu chấm hết. “Dấu chấm hết nào cũng muốn mang ý nghĩa của cái câu đi trước nó. Tôi muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết”.

Người đàn bà đi tìm mình, muốn ghi chép mình ra trên giấy, để mình đọc được chính mình. Chị cần mua một cuốn sổ. Rồi chị gặp một chàng trai (Michael) có người mẹ bị giết. Gặp một đứa trẻ lưu lạc bị bỏ rơi (Marcus). Gặp một tâm hồn (Anita) bị đọa đày. Và một cô giáo (Sophie) đang nắm giữ mọi bí mật... Ai cũng có một quá khứ không dễ tỏ tường. Còn người đàn bà? Trên trang giấy trắng, chị ghi được hai dòng quanh quẩn: Tôi là một đứa trẻ mồ côi. Tôi đến từ một đất nước có chiến tranh. Cuộc đời trống trơn, chị có gì để tìm?

Một cánh rừng như vừa trải ra trước mắt, người đọc đi vào một con đường âm u, con đường nhỏ ngoằn ngoèo bất ngờ rẽ sang một hướng khác, rồi lại một hướng khác, và hướng khác nữa. Chưa biết sẽ về đâu nhưng ta vẫn háo hức đi, đi từ nỗi hoang mang này sang nỗi hoang mang khác, và sự thật theo đó cứ hé mở từng chút một, chậm chạp và rời rạc. Cho đến trang cuối cùng...

And when this dust falls to the urn,
In that state I came, return.
Và khi tro bụi rơi về,
Trong thinh lặng đó, cận kề quê hương.

Henry Vaughan 1622 – 1695 (The Retreat)

Chương 1. Sau ngày mù sương

Chồng tôi mất vì xe rơi xuống núi, ở một đoạn đèo, trong một đám sương mù, khoảng 5 giờ một buổi chiều tháng 11. Anh ấy đi đâu qua đoạn đường ấy vào ngày ấy, giờ ấy, không một ai biết. Anh không có công việc gì cần làm hoặc người quen ở vùng con đường ấy dẫn tới. Tôi không hoàn toàn hiểu cái chết của anh.

Tôi muốn mang chiếc bình lên một ngọn đồi ở miền trung du, đổ mớ tro của anh xuống đám cỏ và mang chiếc bình không về đặt ở thành cửa sổ, nơi tôi đã đứng suốt bảy ngày nhìn xuống con đường trước nhà. Nhưng không ai cho tôi làm như vậy. Mẹ anh sắp xếp để có một buổi lễ ở nhà nguyện nghĩa trang Friedsdorf. Sau buổi lễ đó, người ta mang anh đi thiêu và chiếc bình đựng tro từ thân xác anh được đem về đặt trong một toà nhà được xây để chứa những chiếc bình như vậy. Luật lệ không cho tôi đem chiếc bình về nhà. Tôi không biết họ sẽ cất giữ những bình tro trong bao lâu. Tôi cũng không biết bao nhiêu năm là thời gian cần thiết để lưu giữ những mớ tro có mang tên họ của một người, để nói rằng người đó đã một thời có mặt trên mặt đất, dưới bầu trời này.

Ở nơi tôi sinh ra, màu trắng là màu tang chứ không phải đen. Tôi tưởng đã quên điều này, vậy mà tôi lại nhớ, và khi nhớ lại rồi điều đó trở nên quan trọng. Quan trọng tuyệt đối trong một cuộc đời không còn gì là quan trọng nữa. Ngày tang lễ anh tôi mặc một chiếc áo trắng, dài. Lúc tôi bước vào nhà nguyện, mọi người nhìn tôi rồi vội quay đi, như tế nhị tránh nhìn một điều sai sót lớn lao. Tôi nghĩ: đừng bắt tôi làm khác, tôi chỉ có một lần này trong đời để mặc chiếc áo trắng dành cho anh.

Có một người đàn bà ở cùng khu phố tôi ở, chồng chết, bà buông tất cả các màn che cửa xuống, sống trong một căn nhà tối và không gặp ai nữa. Một người bạn của chồng tôi kể tôi nghe về bà ấy và nói: “Chị phải chấp nhận chồng chị chết rồi. Chúng ta ai cũng chết. Chị khóc bao nhiêu cũng được nhưng sau đó thì phải tiếp tục sống như một người bình thường, đừng để cái tang này biến chị thành một hồn ma.” Tôi trả lời: “Anh không phải lo cho tôi. Tôi sẽ không sống với bóng tối. Tôi sẽ quên anh ấy, tôi hứa.” Và tôi cố gắng quên, từng chuyện, từng chuyện một, từng ngày, từng ngày một trong khoảng đời ấy của tôi, từ ngày tôi gặp anh cho đến ngày anh chết.

Tôi trút lên mặt bàn những tấm ảnh của anh và những tấm ảnh anh đã chụp. Những thành phố và những núi rừng anh đã đi qua, một cái bông mồi nở trong chậu, một tách cà phê đang uống, một đôi dép... Nếu tôi nhìn lâu, không gian phía sau của những bức ảnh cũ còn dẫn tôi đi xa hơn, đưa tôi chìm sâu hơn vào những đoạn đời anh đã sống. Tôi không muốn xem những ảnh đó để quay lại quá khứ. Tôi trút chúng lên mặt bàn để tìm cách tách bỏ chúng ra khỏi đời tôi. Tôi phân loại những tấm ảnh theo nơi chốn, theo thời gian, bỏ chúng vào các túi giấy. Tôi viết lên bên ngoài túi những bức ảnh đã được chụp trong chuyến đi nào, rồi lấy dây buộc những túi giấy ấy lại. Tôi không biết làm gì với chúng, nhưng ít ra, sau những ngày những đêm

ngồi sắp xếp, tôi cảm thấy tôi đã tìm được chỗ nằm có tên tuổi cho những bức ảnh, và một khi có nơi ở rồi, chúng sẽ thôi không ám ảnh tôi nữa.

Tôi không thể đốt một đồng lửa lớn mà đốt hết những đồ vật anh để lại. Để đẩy những dấu vết rằng anh đã sống ra khỏi đời tôi, tôi phải thức ngày thức đêm để nhìn chúng, rồi cất chúng đi. Một cuốn sách đọc chưa xong, một chai thuốc nhỏ mắt, một cái khăn lông thừa có in sọc mua ở một cái chợ nghèo nào đó ở Kenya, một cái bình để mang cà phê ấm đi đường xa. Những đồ vật không biết nói nhưng không im lặng. Chúng thở khê khàng vào ban ngày, trở mình vào ban đêm vì mất ngủ. Tôi phải cầm chúng trên tay, từng món một, ngồi nhìn chúng đến khi chúng biết rằng tôi hiểu, thì chúng mới chịu thôi không trở mình. Và tôi bỏ chúng vào rương đóng nắp lại.

Tôi hiểu gì? Cái chết?

Có khi tôi nghĩ tôi không còn nhớ anh. Nhưng có khi tự nhiên, một khoảnh khắc kỳ lạ chợt trở về. Không phải là một câu chuyện, mà chỉ là một khoảnh khắc ngắn và rõ ràng. Anh ấy hay hút một điếu thuốc đến nửa rồi dụi tắt và bỏ nó vào túi áo để dành lúc khác hút tiếp. Rồi anh quên mất những nửa điếu thuốc ấy. Ngày xưa tôi thường thò tay vào túi những chiếc áo anh thay ra để lấy chúng đem vứt đi. Nhiều năm sau khi anh chết, tay tôi chợt chạm lại những mẩu thuốc ấy trong tâm tưởng, có khi vẫn còn một chút ẩm ở đầu lọc đã nằm trong miệng anh khi anh hút nó. Nỗi nhớ chỉ là sự trở lại của một khoảnh khắc. Không hề có một năm tháng nào ở giữa khoảnh khắc ấy và hiện tại. Nó là hiện tại.

Mất ba tháng tôi mới cất xong đồ đạc của anh vào những cái rương. Tôi gửi đến nhà cha mẹ anh và họ giữ chúng trong cái kho dưới hầm. Chừng mười năm sau sẽ có người không biết những thứ đó tại sao ở đó và chở chúng mang đi bỏ.

Sau khi mang đi hết những gì có thể sẽ nhắc nhở tôi rằng anh đã từng có mặt trên đời này, cương quyết giữ lấy lời hứa sắt đá rằng tôi sẽ quên anh, rằng sự quên lãng sẽ trọn vẹn, tôi chợt hiểu rằng tôi sẽ chết theo anh. Nếu sống trong thương nhớ se sắt tôi sẽ sống như một bóng ma u uất, nhưng tôi cũng không thể chịu đựng nổi thêm một sự quên lãng nào nữa trong đời. Đôi lần đốt đi ký ức, tâm tưởng tôi chơi vơi trong một nỗi hao hụt không có gì lấp nổi. Tôi không còn gì, hồn tôi chỉ là một đám tro.

Tôi chỉ mất một ngày để bỏ những đồ đạc của tôi. Tôi đem cho tất cả quần áo và sách vở, ly chén và đồ dùng trong nhà bếp. Tôi giao chìa khóa nhà cho một công ty địa ốc, nhờ họ bán nhà cùng những bàn ghế trong đó. Và tôi đi tìm cái chết trên đường.

Đáng lẽ tôi nên chết đi trong vòng hai tuần sau khi chồng tôi chết. Chết lúc chưa tin rằng anh ấy không còn; lúc chưa kịp hiểu cái chết có thật. Lúc còn chưa chịu nhận mình bất hạnh. Chết vào một trong những đêm ngủ thức giấc không thấy buồn vì tưởng chồng còn nằm gần bên; lúc còn hoảng loạn, ngày còn mơ màng nhìn thấy bóng của anh ở mọi góc phố, tối còn nhìn thấy cái đốm sáng nhỏ từ điếu thuốc anh đang hút, thấy làn khói mỏng vương lại không muốn tan đi. Chết không hề biết rằng cái chết cần được hiểu.

Nhưng tôi đã không chết vào những ngày đó. Không còn có thể có cái chết mỏng lung, tím ngắt ở giữa trung tâm cơn gió xoáy của nỗi bi thảm. Chỉ còn lại cái chết được chọn lựa. Nó cần được hiểu, cho dù người hiểu nó chỉ là tôi mà thôi.

Tôi đi khỏi nhà, một ngày nào đó sẽ chết trên đường, ở một nơi chốn không tên. Trong ba tháng tôi sẽ nhạt nhòa lại mình. Cái chết là một dấu chấm hết. Dấu chấm hết nào cũng muốn mang ý nghĩa của cái câu đi trước nó. Tôi muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết.

Tôi sẽ sống trên những chuyến xe lửa. Ở đó, tôi sẽ gặp nhiều người, nhưng tôi sẽ không gặp bất cứ một người nào biết tôi là ai. Tôi muốn họ mãi mãi là người lạ và mỗi khi tôi nói chuyện với ai đều không có lần thứ hai. Nếu tôi có một địa chỉ để ở, một tiệm bánh mì để mua bánh

mỗi sáng, một con đường mà tôi biết từng khung cửa sổ của những căn nhà, thì rồi tôi cũng sẽ có người quen, có kỷ niệm, có một nơi chốn thuộc về mình. Quê hương là gì nếu không phải là sự lập lại. Tôi không muốn tất cả những thứ ấy. Tôi biết mặt đất là một thứ khó chia tay, nên tôi sẽ sống trên những chuyến tàu. Tôi đã cần ba tháng để cất những cái chần chùng tôi đã đắp vào trong rương. Tôi cũng cần ba tháng để nhạt nhẽo, cất giữ những gì mà tôi có vào một nơi nào đó. Lần này không phải là những cái rương. Những gì tôi có, nó vô hình. Tôi chưa biết cất chúng ở đâu, cũng như không ai biết gió thì cất ở đâu. Xong việc, tôi sẽ uống thuốc độc chết. Tôi không còn người quen, không còn việc gì trên đời để làm, nơi chốn nào để đến. Ba tháng nữa, tôi sẽ mua chiếc vé cuối cùng và trên đó nơi đến sẽ không còn là một thành phố. Nó là một nơi nào khác.

Tôi nhuộm nâu mái tóc, chọn màu phấn trắng và màu son tối. Tôi mua một cái va li và vài túi xách sang trọng, cho vào đó quần áo mới: quần tây, áo lụa, áo ngủ... đồ lót mềm mại, xà phòng và mỹ phẩm đắt tiền, lược chải đầu, gương cầm tay. Những thứ đắt tiền để bù đắp cho sự thiếu tiện nghi khi sống trên tàu. Những thứ đắt tiền mang trên người nó những giá trị giả dối, làm cho người dùng nó cũng thấy mình không thật và cách xa thế giới bình thường.

Khi cần ngủ, tôi đi tàu có toa nằm. Khi cần yên vắng, tôi mua vé hạng nhất. Nhưng thường tôi tìm một ghế ngồi gần cửa sổ ở toa hạng hai.

Giữa những chuyến tàu có khi tôi xuống những thành phố lạ, bỏ quần áo ở tiệm giặt, gội đầu ở tiệm, rồi đi lên đi xuống những con phố, vào quán cà phê, tiệm giày hay tiệm sách. Khi ăn tối trong một thành phố, tôi chọn rượu ngon, rồi không bao giờ uống hết. Tôi tránh ngủ lại các khách sạn. Tôi tránh nằm xuống một chiếc giường êm ấm trên mặt đất. Tôi luôn luôn trở về những sân ga. Dần rồi tôi quen tiếng rầm rập của xe lửa trong giấc ngủ, cũng như những thủy thủ quen chiếc thuyền của họ.

Chương 2. Tình yêu đã chìm sâu hơn đáy của nỗi buồn

Người lạ ngồi trước mặt tôi trong toa xe, quay lưng về hướng đi của tàu. Hình như anh có mời tôi một điếu thuốc. Bên ngoài mặt trời cuối đông để vương trong không gian một chút sắc vàng tái, buồn và lạnh.

Anh nói chuyện thời tiết, rồi đến tin tức đêm qua trên truyền hình, những hình ảnh về nạn đói ở Eritrea. Tôi nói tôi không có máy truyền hình. Không lẽ tôi không xem báo? Anh ngạc nhiên hỏi.

“Không. Tôi có chuyện buồn riêng, nên tôi tránh tất cả những chuyện buồn lớn hơn của nhân loại.”

Người đàn ông nhìn tôi với một câu hỏi trong mắt. Tôi trả lời câu hỏi không nói ra đó:

“Tôi chỉ còn ba tháng để sống. Dài lắm thì nửa năm.”

Tôi không nói tại sao chỉ còn ba tháng, anh sẽ nghĩ tôi bị ung thư. Nét mặt anh trang nghiêm. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi không thích cái không khí khi người ta bày tỏ niềm kính trọng trước sự bất hạnh. Tôi không biết làm sao dừng câu chuyện lại.

“Tôi là bác sĩ làm việc ở phòng hồi cứu, tôi tiếp xúc với cái chết hầu như hàng ngày. Nhưng chính vì vậy mà tôi biết rằng không có cái chết. Người ta chết rồi vẫn tiếp tục sống. Có một thế giới bên kia.”

“Anh tin là người ta chết vẫn còn đi lại được?”

“Vâng. Hãy biết như vậy, cô sẽ thấy bớt đau buồn từ giã thế giới này.”

“Thế giới này không có gì khó chia tay. Nhưng tôi vẫn ước gì lòng tôi bình an hơn vào hôm tôi phải đi. Có cách nào không?”

“Cô chỉ cần giữ trong lòng cái niềm tin giản dị và tuyệt đối rằng không có một thứ gì làm cho linh hồn con người tan biến đi được. Nó tồn tại. Có sự liên tục, điều mà tôn giáo gọi là sự vĩnh hằng. Cô có thể có được niềm tin đó bằng chiêm nghiệm. Hoặc bằng lời cầu nguyện. Sự thật đó không ở ngoài tầm tay của bất cứ ai.”

Người đàn ông còn muốn nói nhiều hơn để sự tồn tại của linh hồn, để an ủi một người sắp phải chết. Nhưng đã đến trạm anh phải xuống tàu. Anh đưa tôi địa chỉ, số điện thoại và nói tôi nên gọi cho anh. Tôi từ chối và nói:

“Cám ơn anh. Đến bây giờ tôi mới đi tìm lòng tin thì không còn kịp nữa đâu. Tôi không biết có linh hồn hay không. Nhưng tôi cũng không ước ao được biết.”

Tôi ao ước được an tâm khi tôi ra đi. Làm sao có được nó? Tôi hiểu rằng người ta chết được yên lành vì đã sống xong phần đời dành cho mình, chứ không vì chết rồi thì linh hồn tiếp tục sống. Nhưng cái phần đời của tôi, làm sao tôi hiểu nó là gì để có thể sống cho hết kiếp, trong ba tháng?

Tôi không ngủ sâu. Không ai ngủ sâu bao giờ trên một chuyến tàu. Vào một đêm, khi còn nửa chìm trong một giấc mơ, ý thức tôi chập chờn, mơ hồ và buồn bã. Tôi nằm đó và nhớ tới cây dương cầm màu đen trong phòng khách nhà tôi. Cây đàn thật lớn, thật nặng, được làm thật công phu, như một viên đá chặn giấy giữ cho đời người ta, đời này qua đời khác, đừng bị gió bay đi. Tôi có cây đàn ấy. Vậy mà đời tôi vẫn bị gió bay đi.

Một hôm chiều tối tàu đi chậm lại ở khu ngoại ô một thành phố, chờ đến lượt vào ga chính. Tôi nhìn ra ngoài, thấy một căn nhà bên kia đường. Có một cái cửa thấp bằng gỗ mở vào sân. Trong sân có mấy bụi cây mùa đông, lá mang một màu xanh ảm đạm. Đèn trong nhà đã mở màu vàng ấm. Ở thành cửa sổ tôi thấy vài chậu hoa, mấy con thú bằng vải, đôi ba cuốn sách. Từ căn nhà ấy một nỗi dịu dàng khẽ khàng loang ra, khi sự dễ chịu ấy chạm đến tôi nó làm tim tôi

buốt đi trong vài nhịp.

Tôi không biết những người sống trong căn nhà đó có hạnh phúc không. Nhưng hạnh phúc của họ không hề quan trọng, chỉ có hình ảnh của sự hạnh phúc là quan trọng. Thế giới không phải là thế giới mà chỉ là cảm nhận của chúng ta về nó mà thôi.

Rồi tàu đến và rời thành phố, đi qua những cánh đồng nối tiếp nhau, có khi bằng phẳng, có lúc lên núi xuống đồi. Có những lối đi băng qua những cánh đồng đó, mất hút về phía xa. Rồi xe đi qua một cánh rừng, một khu phố lưa thưa nhà cửa, loáng thoáng ánh đèn, đường xe đi lên đi xuống. Quê hương của loài người bây giờ lại lùi xa bên ngoài khung cửa kính, lúc nào cũng chỉ lướt qua, nhạt nhòa và không tiếng động.

Một người đàn ông đi toa hạng nhất nói với tôi rằng ông ta muốn chết. Tôi không hề hỏi tại sao, nhưng ông vẫn cứ kể câu chuyện người giàu cô đơn của ông. Vợ ông yêu ông vì tiền, rồi bỏ ông vì nhiều tiền hơn. Cô con gái khinh thường ông. Ông nói:

“Tôi đã muốn chết cho rồi, nhưng không làm được.”

“Vì sao?”

“Nếu tôi biết được chết rồi mình sẽ đi đâu, gặp những chuyện gì, thì tôi đã chết từ lâu. Nhưng tôi không biết, vậy là cứ tiếp tục sống.”

“Ông ở lại đây chỉ vì không biết phía bên kia như thế nào?”

“Ừ, vì biết đâu bên kia còn khổ hơn bên này.”

Lúc đó xe chạy ngang qua một giòng sông. Tôi nói:

“Dưới gầm cầu này có mấy người vô cư ngụ, ông có muốn là họ không?”

“Không bao giờ.”

“Vì sao?”

“Họ không có tiền.”

“Ma còn ít tiền hơn họ.”

Ông nhà giàu muốn có những chọn lựa, cái chết là một. Nhưng ông không có đủ thông tin về nơi đến, nên không bắt đầu chuyển đi. Dù chán đời, ông ta đâu bao giờ muốn chết, ông chỉ nghĩ tới một chọn lựa nữa thêm vào những chọn lựa ông có trên đời. Chọn lựa nào cũng bất trắc và ít tiền hơn cái ông đang có, nên ông tiếp tục sống như thế, xem giá biểu cổ phiếu vào buổi sáng và ti vi vào buổi tối, và tiếp tục chán đời.

Tôi đã quen với tiếng xe lửa trên đường rầy, nó đã trở thành một phần của trái đất và của tôi. Vậy mà một đêm, nó làm cho tôi hoảng loạn. Có thể vì lúc đó xe đi lên dốc một đoạn dài. Có thể vì tôi đang hơi sốt. Tôi thấy lao đao cả người, bị ma quỷ đuổi đến đuổi sức, sắp ngã vào một hóc núi tối tăm. Hai tay tôi giữ lấy thành giường nằm, và tiếng sầm sập đều đặn, cấp bách và vô tận như tiếng đánh trống đục nô lệ chèo thuyền thuở xưa. Tôi nghe tiếng trống ấy mà tay chân rã rượi không chịu chèo. Bọn chủ sẽ trói tôi lại để đánh. Giây phút chờ đợi chuyện đó xảy ra còn ghê gớm hơn chính những ngọn roi quất xuống.

Tôi ngủ thiếp đi. Buổi sáng thức giấc tôi bình tĩnh trở lại. Tôi đến toa nhà hàng, ăn một bữa sáng lớn, gọi champagne trong cái chai một phần tư lít. Rượu và rất nhiều cà phê làm cho tôi vừa tỉnh táo vừa nao nao lạ lùng. Tôi nhìn ra cửa sổ, nhìn cánh đồng, nhà cửa và bầu trời chạy lui, chạy lui mãi, tôi biết mình sắp ra đi. Thời gian còn lại rất ngắn. Hàng ngày mặt trời màu vàng tái lên xuống âm thầm bên kia thành phố, bên kia những ngọn núi hay những đám mây, im lìm, nhưng nó vẫn đến vẫn đi bên trên mọi tiếng động của thế giới. Thời gian đang trôi, năm sắp tàn. Tôi sẽ chết trước khi mùa xuân đến.

Tôi nhớ có lần nghe kể là phụ nữ xứ tôi chòng chết thì để tang ba năm. Trong ba năm đó họ không trang điểm, mặc quần áo sỗ gấu và không tiếp khách. Tôi nghĩ họ không chết theo chòng được, nên phải sống gần với cái chết, nếu không thành tro than được ít nhất cũng phải héo hắt đi như những bông hoa đứng cạnh lửa.

Tôi ngồi một mình trong gian xe lửa. Một người đàn ông bước vào. Anh ta hơi cúi xuống vì quá cao. Anh ta cao bằng chồng tôi. Chỉ có vậy thôi mà trong giây đầu tiên tôi tưởng chồng mình sống lại. Người tôi bừng lên vì hoảng loạn. Khi nhận ra anh ta là một người khách lạ, tôi muốn òa ra khóc. Tôi muốn vỡ ra như mây thành nước buông mình xuống đất, khi mưa hết rồi thì không còn tôi nữa.

Chồng tôi chết, tôi không khóc. Nếu hôm đó tôi khóc thì mọi chuyện đã khác. Nước mắt xác nhận rằng chồng tôi chết và tôi sống; rằng tôi ôm lấy sự chia ly và sẽ sống với nỗi buồn. Còn tôi, tôi có nỗi buồn nhưng không có sự sống, trong khi người ta phải sống đã, rồi mới có buồn vui. Nên tôi không biết buồn. Tôi chưa bao giờ khóc, chưa bao giờ già từ với chồng tôi.

Vậy mà hôm đó tôi sắp khóc òa trước một người không quen. Chỉ vì người đàn ông đó cao chừng bằng chồng tôi. Tôi sợ quá, cứ nhìn mãi ra ngoài cửa, cố nén không run rẩy, không vỡ ra, không nhìn thấy người lạ ấy.

Thế giới ở ngoài xa lướt thướt trôi qua khung cửa kính của chuyến tàu. Tôi nhìn mãi, nhìn mãi những cây cối, những cánh đồng, những con đường đi lên đi xuống. Rồi tôi chợt nghe bàn tay của người đàn ông đặt trên vai tôi, nơi cổ nối vào thân mình. Tôi không ngước lên, không biết mình phải nói gì, làm gì...

Không một lời hỏi han nào từ miệng anh ấy hay từ tôi. Chúng tôi chạm lấy nhau.

Người đàn ông lạ kéo những màn cửa của gian tàu lại. Và chuyện ấy sắp xảy ra trong tiếng rầm rập của chuyến tàu đang lướt qua một cánh đồng trong vô số cánh đồng tôi đã đi qua.

Trong sự kề cận của da người, tôi nghe loáng thoáng làn hơi âm u của cái chết. Nó dâng càng lúc càng đầy, lẫn vào trong hơi thở, lẫn vào những chuyển động của thân thể đang sửa soạn cho ân ái. Mùi hương ở bên tôi. Mùi hương ở trong tôi. Mùi hương của cõi âm.

Trong một khoảnh khắc, tôi tưởng như chồng tôi vừa bước vào toa xe. Rồi tôi nhận ra người đàn ông không phải là chồng tôi. Rồi tôi buông mình để cho chuyện ái ân sắp xảy ra với một người lạ. Có thể tôi muốn tìm lại cái cảm giác tôi đã có bên chồng, có thể là tôi muốn thử lại những hơi thở bừng bừng hỗn loạn của chính mình. Dù thế nào, trong một đôi giây phút, tôi tưởng tôi đã quay lại với sự sống, làm cái việc nồng nàn nhất của thế giới những người sống. Nhưng ngay trong khoảnh khắc sự quay về đó sắp xảy ra, tôi thấy tôi ở gần cái chết hơn bao giờ hết. Tôi nghĩ tới chồng tôi. Tôi nghĩ tới tình yêu. Tình yêu chìm xuống sâu hơn sự sống, sâu hơn cái đáy của nỗi buồn, đã lắng vào cõi chết.

Tôi nói:

“Tôi khát nước.”

Người đàn ông để rơi vòng tay. Tôi quay đi, tự rót cho mình một ly nước đầy rồi cầm ly nước bước ra khỏi gian tàu.

Cuộc ái ân không thành với một người đàn ông làm cho tôi thấy rõ khoảng cách giữa mình với cuộc đời. Không có một con đường nào, một người nào đưa tôi trở về với thế giới của những người đang sống.

Tôi vẫn nhớ những thời khi tình yêu vẫn còn đó. Khi tôi nghe tiếng chim gọi nhau những chiều tối, hay tiếng còi của những con tàu chở than trên sông Rhein đi ngang qua thành phố, tôi tìm được chút ý nghĩa trong những âm thanh quen thuộc buồn buồn của một ngày. Hoặc khi tôi đi làm về nhà vào một chiều thu, bước vào một căn phòng chưa thắp đèn, nhìn thấy chút nắng cuối ngày hắt qua cửa sổ và rọi qua cái ly nước bằng thủy tinh uống dở còn để trên bàn, tôi tìm được cái đẹp trong cái ánh sáng mong manh đó. Những đồ vật và những khoảnh khắc của cuộc đời được gắn lại với nhau bằng một thứ keo, nối lại với nhau bằng chút ý nghĩa, một chút tình yêu, khế khàng và ít đam mê, nhưng bằng bạc đủ để cho cuộc đời được nguyên vẹn.

Nhưng vào ngày chồng tôi chết, tôi biết một cuộc đời nguyên vẹn không những cần một thứ

keo gắn những đồ vật và những khoảnh khắc của cuộc đời với nhau, mà còn cần một thứ keo để gắn tôi vào vào cuộc đời. Thứ keo này đã mất rồi. Buổi tối tôi nằm nhìn lên cái khoảng trắng mờ mờ trên trần nhà, nghĩ về những hình ảnh và những âm thanh ở những nơi khác của một thế giới càng ngày càng trôi đi xa.

Tôi vẫn mơ hồ cảm thấy mình không thể chấm dứt một thứ mà không biết nó là gì. Người ta chỉ giết được người chứ không giết được ma. Như một loài ma trôi, tôi đã sống ở bên ngoài cuộc đời, vừa sống vừa xóa đi ngày tháng và ký ức. Tôi bập bênh trong không khí, lo sợ sức hút của trái đất làm cho tôi đau đớn. Đến khi chọn lựa cái chết, tôi vẫn không hiểu nó, không tìm cho nó được một ý nghĩa nào dù rất nhỏ.

Tôi phải đi tìm tôi, ghi chép mình ra trên giấy. Tôi phải nhìn thấy mình, đọc được mình. Tôi phải có thật để cái chết của tôi có thật.

Chương 3. Quyển sổ

Tôi cần một quyển sổ. Tôi mở va li tìm mặc dù tôi biết không có quyển sổ nào trong ấy. Không phải là một mẫu giấy xin của người soát vé hay người bán nước, mà là một quyển sổ hằn hoi với nhiều trang giấy trắng, và trang nào cũng là của tôi. Tôi không thể không có nó được. Không ai có thể sống mà không có nó được. Nhưng tôi nhớ lại là tôi không sống. Tôi đã đốt hết tất cả những quyển sổ trong đời tôi. Điều đó đâu phải tình cờ. Tôi đã quyết định không bao giờ viết một câu nào nữa, không còn nhật ký, không còn thư từ, không còn ghi chép trên lịch những thứ phải làm, phải nghĩ, phải chờ đợi xảy đến.

Tối nay thì khác. Dù chỉ còn sống một năm hay một giờ thì tôi cũng phải có một quyển sổ. Và thời giờ của tôi càng ít, thì tôi càng cần nó. Tôi không thể chờ đợi thêm một khoảnh khắc nào nữa, tôi phải có nó.

Tôi xuống ga gần nhất, lúc ấy đã qua 1 giờ khuya. Trên sân, vài người vừa cùng xuống bước vội khỏi ga. Vài người chờ tàu, trông họ họ buồn buồn, ảm đạm. Tôi tìm chỗ bỏ va li trong một ngăn tủ sắt lớn, rút chìa khóa rồi nhìn quanh: không còn một cửa hàng nào mở cửa.

Tôi bước ra, phố xá tối im lìm. Chỉ còn vài ba taxi là còn thức một nửa. Tôi bước lên xe. Tôi muốn mua một quyển sổ, ông có biết mua ở đâu không? Sổ để viết? Vâng, sổ để viết chứ không để làm gì khác. Vì taxi là người ngoại quốc, nên ông ta không hỏi tại sao tôi cần nó lúc nửa đêm. Người Đức tin vào quyền lực tuyệt đối của chiếc đồng hồ, và nửa đêm không phải là giờ người ta đi cần một quyển sổ. Họ luôn luôn hỏi: Cô có biết đã mấy giờ rồi không?

Tài xế suy nghĩ rồi nói với tôi rằng chỉ có các siêu thị mini ở các trạm xăng trên xa lộ là còn mở cửa vào nửa khuya. Chúng tôi đi ra xa lộ.

Chúng tôi đi gần suốt đêm, đến những cửa hàng bán tạp hóa cho những người đi đường xa, không bao giờ đóng cửa. Họ bán trăm nghìn món hàng, có món lạ lùng như cái chuông reo lên báo động khi người đeo nó ngủ gật. Nhưng không có ai bán một quyển sổ nào.

Chúng tôi quay về nhà ga. Trên đường đi, tài xế hỏi tôi quê cô ở đâu. Tôi nói tôi không biết. Nhưng cô không phải là người Đức mà. Vâng, tôi không phải là người Đức.

Tôi đến ga lúc gần bốn giờ sáng. Lúc 5 giờ 20 có một chuyến tàu đi Liège. Tôi không muốn bước lên tàu không có quyển sổ. Còn hơn năm tiếng nữa những cửa hàng đầu tiên mới mở cửa. Tôi đi bộ xuống phố. Trời có lẽ âm 2 độ, dăm ba bông tuyết nhỏ bay trong không khí.

Tôi đi bộ trong khu trung tâm. Có vài ba người ngủ ngoài đường, vài ba chai bia không trên mặt đường lát đá, và ánh đèn hắt ra từ những khung cửa kính của những cửa hàng đóng cửa. Một người ngủ không được, ngồi trong góc hỏi vọng ra xin tiền tôi; một người khác hỏi tôi có muốn ngủ với ông ấy không. Tôi không trả lời, đi bộ về hướng sông.

Ở gần sông có một cái khách sạn lớn, tầng trệt đèn vẫn sáng. Tôi đi về hướng ấy.

Tôi bước vào sảnh chính. Một khách sạn sang trọng là một nơi thoáng và sạch, không thể xấu, không thể đẹp. Nó không có cá tính, và người ta thấy dễ chịu chính vì nó cho phép người ta vô cảm, đến không có gì để ánh mắt phải dừng lại, đi không có gì để nhớ. Tôi đi ngang một dãy những gian bán quần áo, hàng lưu niệm, hàng xa xỉ. Tất cả đều đóng cửa nhưng vẫn để đèn đủ sáng để nhìn thấy hàng trưng bày. Có một hàng bán đồng hồ và bút máy đắt tiền. Trong một tủ kính tôi thấy họ để một cây bút máy gác ngang bên trên một quyển sổ để mở. Quyển sổ có bìa da đen, không dày lắm, giấy có kẻ hàng ngang và dọc, quyển sổ ấy đẹp. Tôi đi đến quầy tiếp tân. Chỉ có một người đàn ông trẻ đứng phía sau quầy. Người này quá trẻ, tôi nghĩ.

“Đàn kia có một quyển sổ. Tôi muốn mua nó.”

“Tôi sợ là không được, thưa bà. Các gian hàng đều đang đóng cửa.”

“Vậy thì phiền ông đi lấy chìa khóa mở cửa. Khách sạn này nói rằng không có một ý muốn

nào của khách hàng các ông không làm hết sức mình để chiều. 24 giờ trong một ngày. Huống chi đây chỉ là một chuyện rất nhỏ.”

“Tôi không nghĩ là tôi được phép làm như vậy, thưa bà. Xin bà quay lại sau chín giờ ba mươi.”

“Tôi không chờ được, tàu của tôi rời thành phố này lúc năm giờ hai mươi. Tôi chỉ còn 25 phút nữa.”

“Vậy thì bà chờ đến nơi hẵng mua sổ vậy.”

“Tôi cần có quyển sổ trên tàu. Nếu không giải quyết được ông cho tôi nói chuyện với cấp trên.”

“Tôi có thể đưa bà tạm ít giấy trắng để ghi chép trên đường đi.”

“Tất cả ghi chép trên giấy rời đều sẽ bị mất hết, vậy còn ghi chép làm gì? Mà ai nói với ông rằng tôi cần ghi chép?”

Tôi đặt lên quầy thẻ tín dụng và nói:

“Xin ông tính tiền quyển sổ vào đây.”

Tôi đặt tiếp lên quầy tờ giấy một trăm quan Thụy sĩ và nói tiếp:

“Còn cái này là của ông.”

Trong sảnh khách sạn lúc ấy chỉ có tôi và anh trực đêm quá trễ này. Anh chăm chăm nhìn bàn tay tôi đặt trên thẻ và tiền. Tôi rút tay về.

“Một quyển sổ quan trọng với bà đến vậy sao?”

“Xin đừng làm tôi trễ tàu. Xin đừng hỏi những câu không liên quan gì đến ông.”

Người trực tiếp tân suy nghĩ một lúc lâu. Một trăm quan đủ làm cho anh ta thần thờ vì sắp làm một việc khác với các nguyên tắc ngu xuẩn anh ta được dạy.

Anh ta đi về phía cuối quầy, mở một cánh cửa và bước ra khỏi tầm nhìn của tôi. Chắc là anh ta đi lấy chìa khóa. Chỉ còn mình tôi trong sảnh khách sạn rộng lớn. Tôi nhìn đồng hồ trên tường, nhắm tính thời gian cần để đi bộ về lại ga, mua vé, lấy hành lý và đi ra sân ga. Tôi đứng chờ lâu hơn tôi nghĩ. Cuối cùng người đàn ông trẻ trở lại với một quyển sổ. Anh ấy đưa cho tôi không nói gì. Quyển sổ giống quyển sổ trong tủ kính, rất đẹp. Bìa da mềm mại. Tôi mở ra trang đầu, bên trong giấy mịn màng, không trắng quá, và có kẻ hàng xám rất nhạt.

Thấy người đàn ông trẻ chưa lấy tiền, tôi đưa tay đẩy thẻ tín dụng và tiền về phía anh. Anh lại nhìn tay tôi. Anh đợi tôi rút tay về rồi mới cầm thẻ lên trả ngay cho tôi chứ không mang đi tính tiền. Anh cầm tờ tiền giấy trong tay.

Tôi bỏ quyển sổ vào túi, cảm ơn và quay người bước đi. Người đàn ông trẻ bước vội ra khỏi quầy để đưa tôi ra cửa. Tôi thấy anh có một cử chỉ lịch sự quá đáng, mỗi lần nhận một ít tiền người ta lại hèn đi một chút vậy sao. Tôi bước nhanh hơn. Anh ta chạy kịp đến cửa. Tôi dừng đứng chờ anh mở cửa cho tôi.

Nhưng người đàn ông trẻ không mở cửa. Anh ta đưa lại cho tôi tờ giấy bạc.

Tôi ngạc nhiên nhìn anh ta. Anh mặc một bộ vest ủi thẳng nếp, cà vạt ngay ngắn. Tóc cắt gọn gàng, gương mặt hơi xanh. Anh có một cặp mắt đẹp hơn cần thiết cho cái nghề anh đã chọn.

“Nhưng ít ra tôi cũng phải trả tiền cho quyển sổ chứ.”

Người trực tiếp tân chỉ lắc đầu chứ không nói gì. Từ đó về sau anh không nói một câu nào nữa cả.

Tôi cầm lại tiền, muốn nói một câu cảm ơn dịu dàng nhưng sự xấu hổ làm tôi không nói được lời nào. Tôi bước đi thật nhanh.

Chương 4. Nửa trang giấy

Tôi nói với người trực toa nằm rằng tôi sẽ không ăn sáng. Tôi ngủ chập chờn sáu tiếng sau đó. Trưa tôi đổi tàu ở Liège. Cất đồ đạc xong, tôi đi ra toa nhà hàng với cái túi có quyển sổ trong đó.

Tôi đặt quyển sổ lên bàn, tôi tìm một cây bút trong túi và đặt nó lên trên quyển sổ vẫn còn đóng.

Tôi uống cà phê thật chậm. Tôi nhìn ra bên ngoài cửa kính.

Dù có ít trang tôi cũng phải viết. Không có giấy nháp. Không một chuyện gì có thể làm lại được. Phải viết dù không có nơi nào để bắt đầu.

Tôi còn rất ít của cải riêng tư. Có quyển sổ là một thay đổi lớn. Có nó, tôi sống một mình dễ dàng hơn. Tôi không còn nói chuyện với những người đi chung tàu. Nó làm tôi yên tâm, mặc dù tôi chưa biết sẽ viết gì lên những trang giấy trắng. Nó không phải là một cuốn nhật ký, không để tôi ghi lại những ý nghĩ mỗi ngày. Tôi chỉ muốn nhờ nó nhớ lại mình là ai. Quyển sổ là chuyến tàu đi ngược về những năm tháng tôi đã xóa đi rồi.

Nhưng đã một tuần rồi mà quyển sổ vẫn còn trắng.

Buổi tối, tôi đọc vài trang trong Quyển sách về cái chết của người Tây tạng. Cuốn sách chỉ lối cho người chết trong tầng trời trung gian giữa thế giới này và những thế giới khác. Nơi đó tôi sẽ không còn trí thông minh, không còn cảm xúc, không còn ý chí. Chỉ còn là một cái hồn không biết mình bắt đầu và chấm dứt nơi đâu, lang thang trong mờ mịt. Quyển sách là cẩm nang đi đường cho những linh hồn chờ tàu trong ga chuyển tiếp. Có những chuyến tàu xuống âm cung, có những chuyến lên cõi Phật, có những chuyến lại vòng về chốn cũ. Sách dạy tôi đọc các bảng hiệu để tìm ra lối đi trong trăm nghìn ngã rẽ. Ở một nơi không còn ý nghĩ, các bảng hiệu không được viết bằng chữ, không thể được hiểu bằng lý lẽ, mà được nhận ra bằng màu sắc. Màu sắc của cõi chết là màu sắc của chiêm bao, chập chờn, thăm thẳm. Những màu sắc không còn móc nối nào với cuộc đời hữu hình. Ký ức của người chết không còn ánh sáng, không còn bóng tối, nhập nhòa nhận ra sắc vàng, sắc tím, sắc xanh của những đường tàu đi vào những thế giới không còn là thế giới. Sách dạy tôi phân biệt màu sắc của mê muội, của giấc ngộ, của đau khổ, của hạnh phúc. Tôi đọc và không hiểu gì cả. Người ta bảo tôi nhắm mắt lại mà hiểu rằng màu tím là màu của quý và màu hồng là màu của phật (hay là ngược lại, chỉ một phút sau là tôi đã không còn nhớ rõ).

Tôi gấp quyển sách lại. Quyển sách đã được lưu truyền bao nhiêu thế kỷ để hôm nay nó rơi vào tay tôi, một người không biết cách đọc nó. Tôi đã tìm cách hiểu nó bằng lý trí, bằng trực giác, bằng lòng thành, nhưng đều không được. Nhưng từ mấy trang trong cuốn sách đó tôi hiểu một điều có lẽ người ta không bao giờ có ý định muốn nói: rằng hạnh phúc và đau khổ chỉ khác nhau như màu hồng và màu tím. Đứng ở xa nhìn lại, tôi sẽ không còn phân biệt được giữa hai màu, chỉ nhớ lại rằng cả hai đều là một thứ đam mê. Nhiều lần nghe bài một bài nhạc tôi đã không biết mình đang thực sự chìm sâu trong đau khổ hay là trong hạnh phúc. Khi đau thương xảy đến trong đời thật, người ta biết cái buốt của vết cắt trên da thịt, sự choáng váng ở bờ vực, màu đen mù lòa của sự suy sụp. Nhưng rồi với năm tháng, bóng tối không trở thành ánh sáng, nhưng nó loang vào trong màu thời gian. Thương đau biến thành nỗi buồn, và nỗi buồn gần với cái đẹp, cũng như hạnh phúc gần với cái đẹp. Từ lâu rồi người Hy Lạp đã xếp bi kịch vào một ngành mỹ thuật.

Trong bất hạnh cũng có cái đẹp.

Tôi viết câu trên vào quyển sổ, và trước khi viết xong câu, tôi biết rằng tôi không bao giờ muốn đã viết ra nó. Bởi vì nó vừa là sự thật, vừa trái ngược với sự thật. Bất hạnh đã tước đi tất

cả ước ao được sống của tôi. Tôi không còn muốn biết, không còn sức lực để biết rằng nếu sống, mình có còn một ngày mai nào không. Và nếu chết, sau đó có chẳng một sân ga với những chuyến tàu xuôi ngược về một thiên đường hay địa ngục nào. Có lẽ cái chết không có màu hồng hay màu tím phôi pha nhạt nhòa của một giấc chiêm bao, mà là màu đen tuyệt đối của sự vùi lấp tuyệt đối. Hoặc là nó có màu trắng tuyệt đối của sự mất mát tuyệt đối.

Tôi sẽ nghĩ như vậy vào một đêm nào rất xa. Hôm nay, với tôi, cái chết mang màu đỏ thắm nao lòng của giòng máu đang chảy ra khỏi thân thể. Chảy và không thể ngừng được nữa. Thời gian đã ngừng chứ không phải giòng máu.

Trên mặt kệ nhỏ là quyển sổ mở ra và cây bút. Tôi chỉ mới viết có hai câu.

Có người là họa sĩ nhưng không vẽ núi, không vẽ nhà, chỉ ngày đêm mài mực để một hôm phác lên giấy một vệt cong. Họ nhìn đường đi của bút trong cái khoảnh khắc thật ngắn khi nó được phóng ra, nhìn chỗ bút hết mực, nét khô đi, vỡ thành nhiều đường, rồi tắt đi trên giấy. Họ nhìn thấy cái đẹp, sức mạnh và sự già dặn ung dung của mình nơi cái biên giới tuyệt mỹ giữa mực đen và giấy trắng. Tôi cũng muốn làm như họ: không vẽ núi, không vẽ nhà, chỉ có những nét. Nhưng thế giới của tôi không nguyên vẹn để tôi có thể vẽ nên một nét nguyên vẹn. Họ vẽ sự thanh bình, màu đen của họ là khoảng không sâu thẳm, còn tôi vẽ cuộc chiến bại, màu đen của tôi là một thứ bóng tối phủ lên trăm nghìn mảnh vỡ. Họ vẽ cuộc đời của họ, cuộc đời mà họ hiểu, còn tôi vẽ cuộc đời của tôi, cuộc đời mà tôi không biết. Nhưng tôi chỉ mới nghĩ về bức tranh buồn thảm của mình. Trang giấy vẫn còn trắng.

Tôi lấy bút chì bắt đầu lại trên một trang giấy mới:

Tôi là một đứa trẻ mồ côi.

Câu thứ hai:

Tôi đến từ một đất nước có chiến tranh.

Tôi để trống nửa trang sau đó. Rồi tôi viết tiếp:

Ở Hildesheim, tôi hát trong ban đồng ca nhà thờ. Tôi không nhớ gì về ngôi nhà thờ ấy, ngoại trừ đá và hơi lạnh từ đá.

Tôi đọc lại hai câu đầu. Tôi thấy chúng không thêm hay bớt gì vào câu chuyện của tôi ngoại trừ một thứ ai oán không cần thiết và đã quá nhàm. Tôi đã gặp bao nhiêu người lúc nhỏ mồ côi vì chiến tranh, điều đó chẳng làm họ khác những người khác một chút nào.

Tôi nghiêng cây bút chì, vẽ những đường sọc phủ lên hai câu đầu tôi đã viết.

Tôi nhìn lại cả trang: Nếu tôi kết thúc những điều tôi viết về tôi ngay trang này hay viết tiếp ba trăm trang thì có khác gì đâu. Trước mặt tôi là một cuốn tự truyện gồm những câu bị những đường kẻ lấp đi, nửa trang giấy trắng không có gì đồ đầy, hơi lạnh của đá trong nhà thờ, rồi đến nửa trang giấy trắng có hơi lạnh đó đồ đầy.

Tại sao tôi tìm mọi cách để có quyển sổ vào lúc nửa đêm rồi khi có nó rồi, tôi không có gì để viết?

Đã ba tuần từ ngày có quyển sổ, hai tháng từ ngày sống trên xe lửa, tôi vẫn chưa viết được gì. Có lẽ vì tôi không có nơi để bắt đầu. Có lẽ vì tôi chỉ có cuốn sổ này thôi, không có giấy nháp để cân nhắc những điều đáng nói và những điều không đáng nói của một đời người. Hay là đời tôi viết xuống giấy chỉ được nửa trang giấy. Khi nó còn như bóng ma mờ lung bên ngoài cửa, thì tôi tưởng nó có đó. Nhưng khi thật sự nhìn mặt, thì nó không có gương mặt nào.

Nhưng biết đâu chuyện đời của hầu hết mọi người đều như vậy. Biết đâu trong đời không có sự thật nào hết ngoài những sự thật được cố ý làm ra. Những câu chuyện trong tiểu thuyết bao giờ cũng mạch lạc và ý nghĩa hơn cuộc đời. Chúng có thật còn những câu chuyện ở đâu đây, những câu chuyện của tôi, không được kể, thì không có thật.

Một cuốn tiểu thuyết giống như một chiếc áo lụa nhuộm vàng hay nhuộm tím. Khi cầm tấm lụa trên tay, khi mặc nó vào người, mấy ai biết gì về những con tằm đã nhả hết tơ và chết đi,

không bao giờ thành bướm. Tằm không chết đi thì không có tơ dệt áo. Chỉ có thể có lụa hoặc có bướm, chứ không thể có cả hai. Những cánh bướm đập chờn vào những ngày khô ráo và bất động vào những ngày mưa, sống không ai trông thấy và chết không ai hay biết. Chúng có hay không? Những con bướm thuộc về chính chúng nó, về sự im lặng và sự tàn tạ sớm chiều. Còn những tấm lụa thì bền chắc hơn, ngọt ngào hơn, chúng có thật. Nhưng sự thật thuộc về lũ bướm hay về người mặc áo?

Tôi không biết. Tôi không còn thì giờ để biết. Không còn thì giờ để nuôi nấng những câu hỏi, rồi sống để tìm câu trả lời cho những câu hỏi ấy.

Chương 5. Trong sương

Tôi xuống ga Paris, nhìn bản đồ, tìm một thành phố nào đó thật xa trên miền Bắc Âu rồi mua vé tàu đến đó. Trong mấy tiếng đồng hồ ở giữa, tôi đến bờ sông để nhìn giòng nước. Lúc đó ngày chưa qua, nhưng trời đã tối. Sông chảy êm đềm. Nó luôn luôn êm đềm mỗi lần tôi trở lại. Nhưng tôi nhận ra là đầu nguồn nó hẳn cũng có thác ghềnh, người ta chỉ tìm những nơi sông chảy hiền lành để dựng lên thành phố. Ở nơi này, giòng sông có nhớ gì về những chênh vênh ở một nơi nào khác?

Mọi người đều rảo bước, một chiều thu trời tối sớm và ẩm ướt không phải là thời khắc để lang thang nhìn sông. Ai cũng có một căn nhà có sưởi để về.

Trời chưa tối hẳn, nhưng con đường bên sông đã bắt đầu lên đèn. Trời chợt có sương mù. Sương xuống nhanh và thật dày. Trong đôi ba phút, tất cả đều mất nét viền bên ngoài, giòng sông, bờ tường đá, người qua đường, những cột đèn đường, và tôi. Tất cả mờ đi, lẫn vào trong sương, biên giới giữa mọi thứ đã tan loãng ra. Trong đôi ba phút ngắn ngủi trong buổi chiều đó, tôi thấy dễ chịu. Tôi không thể tả được sự thanh bình đó. Tôi thấy mình đang mất đi, mình không thực. Không còn một ý thức rõ nét và buồn thảm. Chỉ còn một không gian mờ lung, trong đó tôi không còn là tôi, mọi người không còn là mọi người, giòng sông không còn là giòng sông. Trong đôi giây phút nửa thôi, tất cả sẽ tan mất vào nhau, tan mất vào trong một thứ trí nhớ phôi phai, vào một giấc mộng trắng mênh mông...

Tôi vào nhà hàng ăn bữa tối trên mặt đất êm ái trước khi trở về nhà ga. Tôi ngồi ở một bàn nhỏ nhìn ra cửa sổ.

Bên ngoài là một cái sân rộng. Phía xa nữa hình như là một cái nghĩa trang xưa, nằm bên dưới những cây cao. Tôi nhìn thấy những cây lớn đứng im lìm trong bóng tối. Những tảng cây lặng lẽ và rộng lượng. Tôi nhớ lại cảm giác thanh bình ngắn ngủi lúc đi trong đám sương mù bất chợt sa xuống thành phố. Cảm giác đó chỉ có vài phút, nhưng khó quên. Hay là chồng tôi cũng đi vào một đám sương mù trên núi, cũng được bao bọc trong một sự thanh bình mênh mông như vậy, và không muốn ra khỏi đám sương mù ấy nữa?

Nếu tôi vẽ một hình người, chính tôi, cái đầu tiên tôi sẽ là một đường viền. Đường viền ấy là biên giới phân minh giữa tôi và thế giới. Bên trong đường viền là tôi, bên ngoài là không phải tôi. Nếu tiếp tục tôi sẽ tô đường viền ấy càng lúc càng đậm, chứ tôi không biết vẽ gì khác. Tại sao tôi suốt đời nhốt mình trong cái ý thức về mình hăm vây và trơ buồn này, lạnh và bất động như những bức tường đá trong ngôi giáo đường tuổi thơ. Tôi quen ở trong sự vây kín đó. Con người không là gì nếu không ở bên trong những biên giới khép chặt. Trong mấy phút mờ lung giữa đám sương mù, tôi thấy đường viền của mình đang mất đi, tôi đang tan vào mọi người, vào sương, vào giòng sông, vào ánh sáng mờ đục của những ngọn đèn đường mới thấp. Biết đâu sự thanh bình muôn thuở chỉ giản dị vậy thôi. Biết đâu cái chết không phải màu đen của tối tăm, hay màu trắng của chối bỏ, mà một đám sương mù êm ái làm nhòa nhạt những bức tường đá lạnh của tuổi thơ.

Người ta sẽ nói rằng tôi chết vì cô đơn. Cái ý thức về mình là một nhà tù chật hẹp. Tôi không thể vừa ở trong đó, vừa ở một nơi khác, cùng với người khác được. Người ta chỉ có thể thật sự yêu nhau khi không còn cái ngã, không còn mình, và không còn người. Nhưng để xóa được biên giới, người ta không biết cách nào khác hơn là phải xóa cả không gian. Một người không chịu được sự mất mát nói rằng thời gian không có thật, chỉ là một ý niệm. Một người không chịu được sự cô đơn nói rằng không gian không có thật, chỉ là một ý niệm. Bỏ chúng đi, ta còn lại gì? Không còn người yêu, không còn người được yêu, thì có còn chăng tình yêu?

Một năm xưa tôi từng đi học đạo, ngồi thiền, diệt ngã, mong giác ngộ. Tôi đã có lần đến gần

được một vùng trong tâm tưởng giống như là hạnh phúc. Nhưng trong cái hạnh phúc đó, hay đúng hơn, cái ý niệm mong manh rằng hạnh phúc có đâu đó ở một nơi không có không gian, tôi vẫn biết rằng cái chết của một người giác ngộ và một người không giác ngộ không có gì khác nhau. Cái chết vẫn là một sự tắt ngấm tuyệt đối. Cái chết dù của ai nó cũng có ý nghĩa như nhau, nghĩa là không có ý nghĩa. Người ta nói rằng các bậc chân tu ra đi trong thanh thản, những người mê muội trong đau đớn và thẳng thốt. Cái chết là cái nốt cuối của bản nhạc: nó làm cho bản nhạc toàn vẹn hay là dang dở bất thành. Sự thanh thản đó, nó từ đâu? Từ niềm tin rằng vị chân tu không chết. Chỉ bỏ cái xác trần để đi tiếp. Nhưng tôi không tin cái hồn còn sau khi cái xác đã bỏ cuộc. Không còn cuộc hành trình nào nữa, dù của một linh hồn minh mẫn hay mê muội. Vậy thì sự thanh thản ấy, cái nốt nhạc cuối êm đềm ấy cũng không có ý nghĩa gì. Không hơn sự êm dịu của một cái chết trong lúc ngủ.

Tôi bỏ chuyến tàu đêm, ở lại thành phố chờ sáng để đi mua thuốc. Tôi biết là không có toa bác sĩ, người ta sẽ không bán cho tôi hộp thuốc an thần mà tôi cần. Tôi vào khu chợ Tàu, mua một cuốn sổ Trung quốc giấy xấu, và một cuốn truyện tiếng Việt. Tôi vào quán, xé một trang giấy từ cuốn sổ, đề ngày tháng của một bức thư, rồi chép nửa trang từ cuốn truyện tiếng Việt lên bức thư đó. Tôi chen tên thuốc Phenobarbital vào đâu đó ở giữa một câu. Tôi đến tiệm thuốc, nói rằng cha tôi ở Việt Nam bị chứng động kinh, bác sĩ của ông đang chờ từng ngày những viên thuốc tôi gửi về. Những viên thuốc có thể cứu sống cha tôi trong một lần đến cơn tới. Tôi mở bức thư giả từ Việt Nam đặt lên quầy. Người ta nhìn những giòng chữ lạ lùng với một chút lúng túng, một chút thương tâm, người ta không thể không bán thuốc cho tôi. Tôi đến một cửa hàng khác để mua thuốc chống nôn.

Tối tôi lên tàu. Tôi đã mua vé đến một thành phố Bắc Âu ngút xa. Tôi sẽ đi những chặn đường dài, đổi tàu dăm ba lần, để đến một thành phố với một cái tên hoàn toàn lạ và không có nghĩa gì với tôi. Không có ai chờ tôi ở đầu bên kia của những chuyến đi. Ban đêm tôi sẽ gọi đầu trước khi đi ngủ, vùi mặt vào mớ tóc có mùi hoa quỳ xa lạ từ thuốc gọi. Đêm nay, đêm mai hay một đêm nào khác, tôi sẽ uống hai viên thuốc chống nôn bốn mươi lăm phút trước khi uống những viên thuốc cuối cùng trong một chiếc hộp khác.

Tôi không còn cần đứng trước gương, nhìn thấy bóng mình trong đó, biết cái bóng đó là ai, có ý nghĩa gì, lịch sử nào, thì tôi mới xóa nó đi được. Tôi không còn cần viết hết hai trang còn lại về đời tôi. Tôi không cần có trí nhớ, kỷ niệm hay nỗi buồn. Tôi sẽ ném ra ngoài cửa sổ cuốn sổ người trực đêm khách sạn đã cho tôi. Tôi sẽ đi vào đám sương mù của tôi, sẽ tan ra trong đó. Như chồng tôi đã đi vào đám sương mù của anh ấy một buổi chiều tháng mười, trên một con đường ngang qua núi.

Tuyết rơi suốt ngày hôm sau. Lúc đi ăn ở toa nhà hàng, tôi mang theo cuốn sổ của người trực đêm. Không phải để đọc, hay viết tiếp một câu nào nữa. Câu chuyện của tôi đã hết. Tôi mang theo để tỏ một cử chỉ cảm ơn không lời với người trực đêm trước khi ném nó ra ngoài trời tuyết. Cuốn sổ rất đẹp, có bìa da đắt tiền, mà anh thì chắc chắn không giàu. Tôi thấy có lỗi với anh. Tôi cố nhớ lại gương mặt anh. Có lẽ ai nhìn anh cũng thấy tiêng tiếc giùm anh về một điều gì đó rất mơ hồ. Có lẽ vì đôi mắt đẹp và buồn. Đôi mắt đẹp không để làm gì vì nó không nằm trên một gương mặt thiên thần. Nó không sâu hút, nó để lộ anh nhiều quá, và nó bất an.

Tôi ngồi nhìn những bông tuyết rơi không tiếng động bên ngoài cửa sổ, rơi hoài, rơi hoài. Một trong những chiều đông cuối của tôi thật im lặng dù xe lửa vẫn đi. Tôi đang mất dần những đường viền ngăn chia tôi và khoảng không, mất dần nỗi cô đơn, nỗi buồn và cảm xúc.

Tôi mở ra cuốn sổ bìa da trên bàn. Không phải những trang đầu. Tôi không muốn đọc những đoạn tôi đã viết. Tôi mở ra một trang chưa viết ở giữa cuốn sổ. Tôi chỉ muốn nhìn thấy một trang trắng. Mơ màng như những bông tuyết không trọng lượng ngoài kia, như buổi chiều không còn trí nhớ của tôi bây giờ. Như một vùng sương mù.

Tôi nhìn trang giấy trắng. Rồi một lúc không hiểu sao tôi nhìn thấy những giòng chữ trên đó. Những giòng chữ mờ nhạt. Tôi cúi xuống gần hơn để đọc. Không phải là chữ của tôi. Không phải là câu chuyện của tôi. Tôi bàng hoàng vì cuốn sổ không riêng tư như tôi nghĩ. Ai đó đã ghi chép vào đó bằng bút chì, nét nhạt và bất an, nhưng rất ngay ngắn, bắt đầu ở giữa cuốn sổ, nơi tôi mở ra, và mười trang kế tiếp.

Chương 6. Câu chuyện của người trực đêm khách sạn

Con chó Shalma

Mãi đến giữa mùa đông năm sau tôi mới biết câu chuyện xảy ra thế nào. Sau ngày giáng sinh con chó nhà tôi chết. Cha tôi bỏ nó ngoài sân sau. Qua một đêm, nó đông cứng. Tôi nhìn nó từ cửa sổ nhà bếp. Nó cứ nằm như vậy suốt năm ngày, mà cha tôi vẫn không làm gì. Tôi sợ cha tôi chờ đến thứ hai, là ngày có xe đi lấy rác, sẽ bỏ nó, nên chủ nhật tôi lấy cuốc ra đào đất để chôn. Nhưng đất cứng quá, tôi đào hoài không được.

Cha tôi ở trong bếp. Ông mang giày boots vào, lấy cái bao rác lớn, một bó dây và một cái búa mang ra chỗ tôi, bảo tôi phụ bỏ con chó vào bao. Ông vác bao lên vai, bảo tôi đi vào nhà. Nhưng tôi không vào. Tôi sợ ông đem con chó ra chỗ thùng rác. Nhưng ông vác Shalma đi ngã khác, xuống dốc núi. Phía sau nhà tôi có một đường mòn hẹp và dốc dẫn xuống hồ, chỉ có chúng tôi biết. Nó không dẫn xuống vùng hồ rộng, mà xuống một cái ngách khuất của hồ, xuống đến dưới mới biết có cái ngách này. Ở trên cao, nó khuất sau các sườn núi.

Tôi đi theo ông đi xuống đó.

Đến nơi cha tôi tìm một cục đá lớn bỏ thêm vào bao, rồi mới dùng dây cột nhiều vòng quanh người con chó lẫn cục đá ở bên trong cái bao. Nước trên hồ đã đóng băng hết. Cha tôi vác con chó đi một đoạn trên mặt hồ rồi dừng lại, dùng búa đập một một cái lỗ và ném nó xuống nước.

Tôi hiểu hết mọi chuyện. Mẹ tôi không bỏ tôi đi vào năm trước. Mẹ đã chết. Vì xác mẹ nằm ở dưới hồ, cho nên không có đám ma.

Sophie

Tôi quyết định không nói chuyện này với cha xứ. Một buổi chiều chủ nhật, tôi đến nhà cô Sophie. Tôi đi đường tắt, băng qua những cánh đồng trắng. Tuyết rơi nhiều quá, tôi đi mãi nhìn xuống mặt đất tìm chỗ đặt chân, bỏ mất một cái ngã rẽ. Tôi đi lạc, đến gần tối mới đến nhà cô Sophie. Tay chân tôi tím ngắt. Cô Sophie quần tôi trong một cái chăn dày. Cô cởi giày tôi ra, gác hai chân tôi lên người cô để xoa. Hai bàn tay cô mềm mại và ấm. Cô để nhạc Schumann, hâm sữa ca cao và lấy cho tôi bánh nướng nhân trái cây khô còn lại từ lễ Giáng sinh. Sau đó tôi ngủ quên, lúc thức dậy tôi nằm khóc vì lâu lắm không ai đắp chăn cho tôi như cô Sophie. Mãi đến tối tôi mới nói chuyện với cô được. Tôi nói tôi biết mẹ tôi chết rồi, chết như thế nào. Tôi còn biết cha tôi giấu xác mẹ tôi ở đâu. Đêm đó tôi nghe tiếng cha mẹ tôi cãi nhau, tiếng đồ đạc rơi vỡ, tiếng mẹ tôi kêu lên và tắt đi vì bị cha tôi bóp cổ.

Cô Sophie nói tôi nói sai hết cả. Mẹ tôi thấy ở đây buồn nên bỏ đi, vậy thôi. Tôi nói chỉ vì tôi còn bé mà không tin tôi sao. Tôi chạy ra cửa, dây giày còn chưa cột hết. Cô Sophie giữ tôi lại, bắt tôi hứa không được kể chuyện này cho ai nghe. Người ta sẽ không tin tôi, sẽ đưa tôi vào nhà thương ở chung với người điên.

"Còn nếu người ta tin em?"

"Nếu người ta tin em thì cha em sẽ đi ở tù, còn em thì bị đưa vào sống ở viện mồ côi, cũng buồn thảm như ở tù vậy."

Không phải tôi sợ viện mồ côi, tôi chỉ sợ vào đó thì tôi không đi tìm em Marcus được.

Cô Sophie lấy xe đưa tôi về. Đến nơi, tôi nói:

"Em nghĩ cha giết mẹ để cưới cô."

Không hiểu sao tôi lại nói như vậy. Có lẽ vì tôi thấy thân thể cô êm ái, hơi thở có mùi thơm, ai cũng muốn ở gần. Cô Sophie nhìn tôi nghiêm nghị nói tôi đã mất trí. Cô không bao giờ còn muốn thấy mặt tôi nữa. Dù chỉ một lần.

Ở cửa, cha tôi hỏi: "Nó đến nhà cô có việc gì không?" Cô Sophie trả lời: "Không có gì đáng kể,

chỉ có mấy chuyện ở trường." Cha tôi mời nhưng cô không vào nhà.

Lünberg

Cô Sophie là người đầu tiên và cuối cùng tôi nói câu chuyện này. Nhưng hôm ở nhà cô Sophie, tôi không nói một lời nào về em Marcus. Mùa đông năm trước đó, em tôi được năm tuổi. Vào buổi tối cha mẹ tôi cãi nhau, em tôi thức giấc, đi vào phòng cha mẹ. Em nhìn thấy cha giết mẹ. Em sợ quá, bỏ chạy ra ngoài. Rồi em không bao giờ dám về nữa. Em đi mãi, hết những cánh đồng trắng, là khu rừng Adernwald. Em đi vào đó trong đêm khuya. Tôi không nhìn thấy em đi, nhưng tôi biết như vậy.

Tôi đã đi tìm trong tất cả khu rừng trong ba năm. Tôi không thấy xác của em. Tôi cũng vào nhà mọi căn nhà tôi gặp, hỏi người ta có thấy một đứa con trai tóc vàng, mắt nâu chứ không xanh, tên là Marcus không. Không ai đã thấy em, nhưng không hiểu sao tôi biết là em Marcus còn sống. Tiếc rằng con chó Shalma đã chết, nên tôi không dắt nó đi tìm Marcus được. Em rất yêu Shalma.

Một buổi tối tôi nằm mơ thấy mẹ, tưởng như mẹ vẫn còn ở nhà. Sáng dậy nhớ ra mẹ chết rồi, tôi buồn quá, vào rừng lang thang mãi không muốn về nhà, chẳng muốn ăn uống gì cả. Chiều gần tối, tôi chợt thấy Marcus đang đứng chờ một người nào đó. Em mặc một cái áo màu xám và quần màu ô liu. Cả hai đều cũ và giống như quần áo của người lớn cắt khâu lại cho vừa với em. Marcus không nhận ra tôi, vì anh em tôi xa nhau đã ba năm. Em lớn hơn, tóc dài không ai cắt và không vàng như trước, nhưng em không khác lúc xưa. Chỉ đẹp hơn và đôi mắt buồn ghê gớm. Chắc tôi thay đổi nhiều trong ba năm nên em không nhận ra.

Có một người làm việc ở nhà ga Lünberg tìm được em và nuôi em. Ông ấy nghèo lắm. Em không muốn ông ấy thấy tôi, chúng tôi trốn vào một chỗ bí mật trong hốc núi để nói chuyện. Tôi nghĩ ông ấy là người tốt.

Marcus nói, ban đêm trong rừng cây cối đi lại được và nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng riêng nghe âm âm kinh người. Lúc đầu em sợ rừng lắm nhưng bây giờ thì quen rồi. Buổi tối cây cối vẫn nói chuyện với nhau và cả với em, cây trông thế mà hiền thôi, hiền hơn con người. Em hỏi về con chó Shalma. Tôi nói nó chết rồi. Em buồn lắm. Tôi bảo em đừng khóc, chỉ là một con chó thôi mà.

Từ nhà tôi tới rừng Lünberg rất xa, đi nửa ngày mới tới, nên mỗi tuần chúng tôi chỉ hẹn gặp nhau một lần vào ngày chủ nhật. Mỗi chủ nhật tôi đi từ lúc tinh mơ. Nếu người lớn bắt được anh em tôi gặp nhau, họ sẽ chia cắt anh em chúng tôi. Người đang nuôi em sẽ nộp em cho Sở thanh thiếu niên vì sợ tội giữ em bất hợp pháp. Nếu về với cha, cha sẽ giết em vì em đã trông thấy cha giết mẹ. Chúng tôi phải giữ bí mật tuyệt đối.

Tôi luôn luôn nghĩ tới Marcus. Có gì đẹp tôi cũng để dành cho Marcus. Em tôi thật tội nghiệp, thật can đảm. Marcus là một thiên thần.

Carmina

Người ta chỉ tồn tại được trong cuộc sống là nhờ biết sắp đặt. Sắp đặt xong thì làm đúng như vậy, không suy nghĩ thế này hay thế nọ, thì việc gì cũng làm xong. Đi học về tôi đi làm trong xóm: dọn chuồng bò, chẻ củi, khâu vá, làm việc ở đồng... 6 tiếng một ngày và chỉ ăn bánh mì đen cắt lát. Tôi làm được. Tôi cần tiền để lo cho em Marcus. Tôi mua bánh mì, xúc xích, kẹo sô cô la, kẹo dẻo, dặn em dấu thật kín để dành ăn.

Nhưng sau tám tháng tôi vẫn chưa để dành được nhiều. Không đủ để anh em tôi trốn đi.

Tôi không thể chờ đến năm học hết trung học. Tôi phải bỏ nhà bỏ trường ra đi, về tỉnh tìm việc làm, có chỗ ở và tiền để sống rồi sẽ quay lại Lünberg để đón Marcus. Trước khi đi xa, tôi dặn dò em rất cẩn thận. Tôi sẽ không đến thăm em được trong một thời gian dài, và chúng tôi không thể gọi điện thoại hay thư từ được.

Ra đi, tôi nhớ em và lo lắng, nhưng vẫn phải đi.

Ở Halde ban đầu tôi chỉ làm được nghề khuân vác tính lương giờ, vì không có giấy tờ. Mấy đứa da đen dẫn tôi về chỗ bọn nó ngủ. Tháng thứ sáu tôi khuân vác cho một người Thổ bán trái cây. Ông ta hỏi chuyện tôi, biết tôi trốn nhà đi, chưa đủ 18 tuổi và không có giấy tờ. Giáng sinh ông quà cho tôi mấy cái bằng cấp của ai đó tên là Michael Salascher, không biết là giả hay thật.

Tôi xin được việc làm gác dan trong khách sạn Carmina. Tôi mặc đồng phục thật sạch, đi đứng thẳng và nói tiếng Đức của người có học khi có ai hỏi đến. Nhờ vậy mà bốn tháng sau tôi được vào phụ tá trong quầy tiếp tân. Tôi có lương để thuê một căn hộ nhỏ, tôi để dành cho Marcus căn phòng đẹp nhất trong đó, có cửa sổ nhìn xuống một cái sân nhỏ có trồng hoa hồng tường vi và các bụi cây vào mùa đông lá vẫn xanh. Tôi đi làm thật gương mẫu. Đến tháng mười tôi mới dám xin nghỉ một tuần để về Lünburg đón em Marcus. Trước khi đi tôi đã mua sẵn cho em quần áo, khăn lông và chăn gối bông mềm mại.

Maibuchen

Tôi đến Lünberg vào chiều thứ bảy, lấy phòng trong cái khách sạn nhỏ duy nhất gần sân ga. Tôi vào rừng, cột một sợi dây bằng vài tím trên một cành cây để hẹn gặp em vào chiều chủ nhật như những chiều cuối tuần hơn một năm trước. Sáng chủ nhật tôi dậy thật sớm lên rừng lang thang mãi. Suốt buổi chiều em không đến. Tôi đi quanh tìm mãi không thấy em hay căn nhà nơi em ở. Tôi chưa hề thấy căn nhà đó lần nào vì em không dám cho tôi biết, sợ người đàn ông nuôi em thấy tôi. Tôi tìm mãi đến tối.

Tối tôi về khách sạn ngủ, sáng lại lên rừng tìm căn nhà nơi Marcus ở. Ngày nào cũng vậy. Đến ngày thứ tư tôi đến một cái góc lõm vào ở chân núi, chung quanh có cây che nên đến gần cũng không thấy, đứng trên sườn núi ngay gần phía trên đó cũng không thấy. Trong cái góc ấy có một chỗ đất nện cứng và bằng như là một cái nền nhà. Có người đã làm một cái nhà bằng gỗ nơi đây và đã dỡ cái nhà đó đi rồi. Gần đó, nơi có một giòng nước trong từ vách núi chảy ra, tôi thấy những hòn đá lớn được sắp thành một chỗ tắm giặt.

Tôi tìm mãi, không còn một dấu vết gì của người đã ở căn nhà đó. Trên thân một cây giẻ phía trước, có ai đã lấy dao khắc chữ Maibuchen. Tôi không biết đó là tên người, hay tên của những cây giẻ đó.

Tôi ra nhà ga Lünberg tìm tên Maibuchen trong niên giám điện thoại. Không có ai tên đó.

Tôi khóc suốt đêm. Tôi chờ ba ngày ở các cổng trường tiểu học, cuối cùng tôi vào hỏi, không trường nào có học sinh tên Maibuchen hay K (tôi không biết em mang họ gì). Những ngày còn lại của tuần đó tôi đi khắp nơi, gõ cửa hầu hết mọi căn nhà ở Lünberg, nhưng không ai biết gì về Marcus. Ở nhà ga, họ nói từ mười năm nay, không có nhân viên nào tên Maibuchen.

Tôi vật vã hàng đêm. Sáng thứ bảy cuối cùng tôi bình tĩnh hơn. Tôi biết mình cần nhiều thời gian và kiên trì để đi tìm Marcus. Tôi không thể buông mình trong tuyệt vọng rồi mất cả em trai lẫn việc làm. Tôi quyết định trở lại khách sạn C. Tôi phải đi làm thật gương mẫu, để có thể xin nghỉ không lương mà không bị mất việc. Tôi cần phải sắp đặt một chương trình đi tìm em tôi. Trên đời, mọi mục đích đều có thể đạt được, nếu biết sắp đặt cái chương trình đi đến đó và làm đúng không sai.

Tôi thấy rối bời, không đọc tiếp được nữa. Tại sao cuốn sổ này rơi vào tay tôi, và tôi lại đọc những trang này đúng vào hôm tôi muốn tìm sự thanh bình của một đám sương mù, lúc tôi muốn phá vỡ cái đường viền quanh tôi, đường viền không ôm ấp gì trong nó ngoài một nỗi cô đơn tuyệt đối? Tôi cố nhớ lại gương mặt của người trực đêm trẻ ở khách sạn. Tôi không còn nhớ những đường nét, chỉ nhớ đôi mắt anh nghiêm nghị nhưng bất an, mịt mù trong đó nỗi buồn của loài thú đi lạc. Anh giao cuốn sổ cho tôi để nói với tôi điều gì? Tại sao lại là tôi? Không, chính tôi đã đi tìm nó mà. Tôi đã tìm cuốn sổ như người ở giữa sông chơi vui tìm một mảnh ván, đã ngồi trên xe taxi với một người lái xe xa lạ đi khắp các xa lộ quanh vùng một cách vô vọng, và cuối cùng bước vào chỗ anh làm việc, cư xử như một khách hàng kiêu ngạo lạnh

lòng quen bắt người ta làm theo ý mình, để buộc anh trao cho tôi cuốn sổ quý giá của anh. Quý giá? Tôi vừa định ném nó ra ngoài kia, xuống cánh đồng mù mờ ảm đạm, vì có ai cần nó đâu. Lúc đó tôi chưa biết anh có viết trong đây, bây giờ biết rồi, tôi còn ném nó đi được hay chẳng? Tôi không biết.

Cái đường viền quanh tôi đang như vỡ ra, nhưng không phải để hòa vào một vùng sương mù êm ái. Một người đàn ông trẻ không quen với cặp mắt của loài thú đi lạc và với một câu chuyện lạ lùng đã chen lẫn vào khoảng riêng tư, chen lẫn vào nỗi cô đơn của tôi. Với những đoạn viết ngắn, những câu đơn giản và hầu như không có tính từ, anh nói về gánh nặng anh mang. So với anh, tôi nào biết thế nào là gánh nặng. So với anh, điều đánh dấu cuộc đời tôi không phải là nỗi buồn, mà là một khoảng trống không.

Tôi về phòng, gọi bồi mang đến một chai rượu vang đỏ. Nếu tỉnh táo, tôi sẽ không ngừng được giòng suy nghĩ, và tôi không biết những suy nghĩ sẽ đưa tôi tới đâu. Tôi muốn rượu làm cho tôi mơ màng và ngủ quên, ngủ quên để hoãn lại mọi thứ, kể cả những viên thuốc an thần đang nằm gần nắp trong chiếc túi da.

Sáng hôm sau tôi đổi tàu để đi tiếp. Buổi trưa, trong toa nhà hàng, tôi hỏi người soát vé: “Bác ở mãi trên tàu có chán không?”

“Quen rồi. Ai làm việc gì thì quen việc nấy thôi.”

Ông ấy chúc tôi một ngày tốt đẹp rồi đi tiếp. Đi đến cuối con tàu xong, ông quay lại, đi ngang thì tôi vẫn còn ngồi đó. Ông mỉm cười, như thể chúng tôi đã biết nhau. Cũng chỉ là thói quen. Nhưng tôi thấy quý nụ cười ấy. Hôm nay tôi không muốn bị loài người bỏ rơi một mình với câu chuyện của người trực đêm trẻ không quen. Tôi hỏi băng quơ:

“Tàu mình đi đến đâu rồi nhỉ?”

“Cô sống ở đây lâu chưa?”

“Cháu lớn lên ở đây mà.”

“Thật sao?”

“Không hẳn vậy. Cháu qua đây lúc bảy tuổi. Trẻ mồ côi vì chiến tranh. Cháu bị thương, người ta đem lên tàu bệnh viện Đức để chữa bệnh. Gia đình cháu chết hết, không ai đến nhận cháu về, người ta đưa cháu qua đây luôn.”

Ông vừa lật nhìn vào quyển sách ghi thời khoá biểu các chuyến xe vừa nói:

“Chiến tranh. Tôi biết chiến tranh là gì rồi. Tôi chẳng biết người ta nghĩ ra nó để làm gì. Tan nát, tan nát hết, chúng tôi vẫn còn nhớ mà... À, đây phải gần tới Koblenz rồi. Dù sao thì... Thôi chúc cô may mắn.”

Ông vừa bước đi, vừa nhìn đồng hồ và ghi chép gì đó vào cuốn sổ công tác mang theo bên mình. Trong 180 giây, ông vừa đi một chuyến từ chiến tranh nước tôi, ngược về chiến tranh nước ông, rồi trở lại với công việc bình yên hàng ngày của ông trên tàu. Có lẽ nề nếp là tất cả những gì con người cần.

Câu chuyện trong cuốn sổ của người trực đêm chỉ còn một lại đoạn ngắn.

Trả thù

Đã ba tháng rồi tôi vẫn chưa tìm được con đường nào để tìm Marcus. Tôi không biết em sống hay chết. Đêm qua tôi nằm mơ thấy em đứng trong một ngôi đền có ánh sáng vàng rực, người em cũng tỏa sáng và trong suốt. Gương mặt em hiền và nghiêm nghị, chỉ thoáng một chút buồn. Tôi không gọi em được.

Tôi vẫn đi làm đều đặn. Tôi biết giữ quần áo sạch sẽ và luôn được là ủi cẩn thận. Tôi đi đứng thẳng lưng, mắt luôn nhìn ra phía trước. Nhưng bên trong tôi ruỗng mục, chỉ chực đổ vỡ. Có thể cha tôi có việc gì đi ngang qua Lünberg, tình cờ gặp em Marcus và đã bắt và giết em rồi. Tôi sẽ không bao giờ biết, sẽ mãi mãi đi tìm em, vì nếu không tìm em, thì tôi sống để làm gì.

Tôi đã nghĩ nhiều rồi. Tôi không có cách nào biết em sống hay là chết. Tôi không sắp đặt

được tôi phải làm việc gì, rồi sau đó thì việc gì, để mỗi ngày đến gần mục đích hơn một chút, nếu đời còn có mục đích. Tôi không thể sống không có sự sắp đặt nào. Mà tôi đã kiệt sức, không thể tính toán gì được nữa.

Tôi chỉ còn một sắp đặt cuối cùng. Tôi sẽ về Lünberg một lần nữa. Chỉ còn một nơi tôi chưa đi tìm tên K hoặc Maibuchen. Đó là nghĩa trang thị xã. Tôi không nghĩ là sẽ tìm thấy gì, nhưng tôi vẫn sẽ đến đó, để biết rằng mình đã tìm khắp mọi nơi. Nếu cha tôi giết em rồi, thì đâu có ai làm cho em một nấm mồ.

Sau khi đã mua cây súng, tôi sẽ còn tiền để mua vé xe lửa và ăn trong hai tuần. Tôi đi đến nơi nào chuyển xe lửa kể đưa tôi đến. Không có Chúa chỉ đường, tôi chắc không thể nào lần mò được dấu vết gì của Marcus, dù em sống hay chết.

Vào ngày cuối, tôi sẽ về nhà cha tôi. Cha tôi không bao giờ trả lời ai điều gì, nhưng tôi vẫn sẽ dẫn ông xuống cái hồ đóng băng và hỏi về mẹ và em. Sau đó tôi sẽ bắn ông. Sẽ có một cái lỗ trên mặt hồ, nơi tôi đẩy xác ông xuống. Sau đó tôi không còn việc gì có thể làm được nữa trên khắp mặt đất rộng này. Tôi sẽ cột đá vào người trước, tự bắn và ngã xuống nước. Tôi không muốn ai tìm thấy tôi cũng như họ đã chưa bao giờ tìm thấy mẹ tôi.

Nếu cô Sophie không cấm tôi tới nhà, tôi đã kể tất cả những câu chuyện này cho cô và đã không có những giòng chữ trong quyển sổ này. Tôi cần một người, một người duy nhất thôi, biết câu chuyện của tôi thì tôi mới chết được. Tôi không tìm được ai để kể. Vì vậy tôi phải chép câu chuyện này vào quyển sổ này, cho một người lạ đọc. Chắc chắn phải là một người lạ rồi, vì trên mặt đất này tôi không có người quen. Tất cả mọi thứ trong đây đều là chuyện có thật.

Tôi quyết định xuống ở ga kế tiếp, lấy vé quay về Halde, gặp người trực đêm khách sạn và trả cho anh quyển sổ. Tôi từ chối làm cái người duy nhất gánh vác câu chuyện của anh, gánh vác bất cứ sự thật hay điều hoang tưởng nào trong quyển sổ này. Anh muốn biến mất khỏi mặt đất này mà không phải một mình mang đi những bí mật và nỗi cô đơn của mình. Không. Tôi từ chối.

Tôi muốn trả cho anh quyển sổ thật nhanh, không nói một câu nào, rồi trở về ga, trở về xe lửa, tiếp tục hay là chấm dứt cuộc hành trình của riêng tôi.

Lúc một mình đứng ở thềm ga Hamburg với mớ hành lý, tôi thấy lòng rối bời và nao nao. Tôi cảm thấy buồn. Điều đó có nghĩa là tôi gần sự sống hơn cái chết. Tôi gửi hành lý rồi lang thang trong sân ga rộng. Đi ngang hàng bán hoa, tôi nhớ ngày còn nhỏ, mỗi lần được ra phố tôi hay đi vợ vắn, cô trông nom ở viện mồ côi dặn nếu lạc đàn thì đến hàng hoa ở nhà ga chờ nhau. Ga nào cũng có một hàng hoa. Tôi tự hỏi nhà ga ở Lünberg có một hàng hoa hay không? Marcus có đến đó chờ anh mình không?

Tại sao tôi lại nghĩ đến câu chuyện của người trực đêm? Tôi đã quyết định từ chối câu chuyện ấy, sao tôi còn nghĩ đến Marcus?

Tôi bước ra ngoài, trời lát phất nửa mưa nửa tuyết. Tôi chui vào một chiếc taxi nhưng không có nơi nào để đến.

Tôi đến khách sạn Bốn Mùa, vì đó là cái tên duy nhất ở Hamburg mà tôi nhớ. Tôi lấy phòng, tắm, gọi một bình trà, nhờ họ đặt khay trà và đĩa bánh nhỏ lên chiếc bàn nơi cửa sổ. Tôi ngồi đó nhìn ra bầu trời xám. Tuyết đã hết rơi nhưng trời bây giờ còn lạnh lẽ hơn. Và buồn. Một đứa con trai nhỏ có thể tiếp tục một mình sống với cha, sau khi biết người cha ấy đã giết mẹ mình không? Không. Không thể được. Cô Sophie nào đó nói cậu bé nói sai hết. Người mẹ chỉ thấy buồn và bỏ đi, có vậy thôi. Có người mẹ nào có thể bỏ đứa con trai của mình, đi và không bao giờ gửi thư, không bao giờ gọi điện thoại về không? Nếu tôi có mẹ, tôi sẽ biết. Nhưng tôi không có mẹ.

Bóng đêm buông rất chậm. Không gian trong căn phòng mờ tối dần. Tôi bật một ngọn đèn ở góc phòng. Vùng ánh sáng nhỏ loang ra một chút hơi ấm, một chút êm ả. Tôi thấy buồn. Cảm

xúc này là của tôi đây sao?

Nửa đêm thức giấc, tôi lại nhớ đến câu chuyện của người trực đêm. Tại sao anh không có một lời nào nói về người cha, và người mẹ?

Chương 7. Những chuyến tàu đến Lünberg

Trên đường đến khách sạn Carmina tôi tự hỏi khi gặp người trực đêm tôi sẽ lảng lảng đặt quyển sổ xuống trước mặt anh và bỏ đi, hay tôi sẽ mời anh đến cùng ngồi ở một nơi trong quán cà phê. Tôi muốn nói về đôi thứ không ổn trong câu chuyện của anh. Có thật cha đã giết mẹ không? Lấy việc ông đẩy con chó đã chết xuống hồ làm bằng chứng nó vu vơ đến nỗi tôi không muốn bàn tới. Tìm được Marcus trong rừng cũng chưa phải là một bằng chứng. Anh không thực sự biết cha có giết mẹ không. Anh chưa có quyền giết cha. Và anh không thể tự bắn mình lúc còn nhiều việc chưa biết.

Tại khách sạn Carmina, người ta cho tôi biết là Michael Salascher không còn làm ở đó nữa. Anh ấy đã xin thôi việc vĩnh viễn trước đó ba tuần. Tôi hỏi xin địa chỉ của anh. Cô nhân viên ở quầy xin lỗi tôi để đi vào trong nói chuyện với trưởng phòng nhân sự. Một lúc sau cô ra mời tôi vào văn phòng. Trước khi cho địa chỉ họ muốn biết tôi là ai. Tôi không biết nói sao, đành nói dối tôi là bạn gái với một câu chuyện khẩn trương. Họ nghĩ tôi có thai với Salascher, cho tôi địa chỉ. Nhưng điều đó chẳng giúp được gì, vì khi đến đó, anh đã trả nhà rồi.

Tôi quyết định vứt bỏ quyển sổ và trở về với những ngày cuối của đời tôi trên những chuyến xe lửa. Không ai cần những câu chuyện, dù là của anh hay của tôi.

Nhưng không có nơi nào để tôi vứt đi quyển sổ. Tôi muốn ném nó xuống lòng sông, nhưng những người đi đường sẽ nhìn tôi kỳ lạ, nói cho tôi hiểu bằng ánh mắt rằng giòng sông chảy ngang thành phố không phải là nơi ai muốn ném gì vào thì ném. Tôi không thể để quyển sổ lại trên băng ghế xe điện hoặc một chiếc bàn trong quán cà phê, vì sẽ có người nhặt nó lên đọc. Còn ném nó vào giỏ rác thành phố, như người ta ném một cái đĩa giấy với mù tạt và sốt cà chua sau khi đã vừa đi vừa ăn xong cây xúc xích trên đó, thì tôi không đành. Trong thành phố không có một nơi nào yên lành cho một thứ người ta không còn cần nữa, nhưng vẫn còn một cái gì như là danh dự hay là cái hồn của nó. Giống như con chó Shalma của người trực đêm. Cậu bé sợ người cha sẽ vứt con chó đã chết vào xe rác.

Tôi về đến nhà ga lấy vé tàu. Người bán vé hỏi tôi địa điểm đến. Tôi nói: Lünberg. Tôi vô cùng ngạc nhiên tại sao mình lại nói Lünberg.

Nhưng không có ngôi làng, thị trấn, thành phố nào tên Lünberg. Cô bán vé hỏi có phải tôi muốn nói Lüneburg? Và có một Lundsberg, một Lunneberg ở Thụy Điển, một Lundenburg ở Tiệp Khắc. Lindberg hay Lindenberg thì có nhiều. Tôi lắc đầu. Tôi nghĩ đến làng của người trực đêm, đến căn nhà của cha anh ấy. Tôi nói tôi muốn đến một làng nào có núi, có rừng và một cái hồ vắng người. Cô ấy cười, nói cô có thể bán cho tôi ít nhất một trăm cái vé xe đến những nơi như vậy. Tôi cảm ơn cô, đi tìm phòng điện thoại công cộng gọi cho thư viện ảnh nơi tôi cộng tác trước đây. Tôi nói với ông Bauer:

“Tôi muốn đi chụp ảnh những cái hồ trên núi.”

“An Mi, tìm đề tài nào thú vị hơn đi. Ảnh hồ trên núi chẳng ai hỏi mua.”

“Không ai hỏi mua nhưng ông vẫn giữ chúng trong thư mục được chứ, có tốn kém gì đâu.”

“Nếu cô muốn thì cũng được, chẳng tốn kém gì cho công ty. Chỉ sợ không ai xem đến cô nản mà thôi.”

“Tôi sẽ không nản.”

Như vậy tôi không phải quan tâm đến khách hàng. Tôi đang muốn có công việc nhưng không muốn có quan hệ gì với ai, thì một portfolio không ai xem chính là thứ hợp với tôi nhất.

Tôi tìm tiệm, mua một cái Mamiya, một cái Leica và các thứ đi kèm. Lúc rời khách sạn, tôi để lại trong tủ tất cả những bộ quần áo đắt tiền, những đôi giày cao, dầu tắm đựng trong những chai pha lê. Trên đường ra ga tôi ghé mua quần jean, áo sơ mi vải, áo đi gió, đi mưa, giày đi bộ.

Đời tôi vẫn còn là những chuyến tàu. Nhưng tạm thời, đó không phải là những chuyến tàu đưa tôi dần dần đi đến một vũng sương mù. Chúng đưa tôi, rất giản dị, từ tỉnh này đến tỉnh kia. Tôi đi chụp ảnh, đi tìm căn nhà ở lưng chừng đồi với một lối đi riêng dẫn xuống một góc hồ khuất trong núi của người trực đêm khách sạn.

Chương 8. Đôi mắt của Marcus

Tôi đi đã được hai năm. Như một họa sĩ Nhật, tôi đi tìm ngọn núi Phú Sĩ của mình. Tôi nhìn những ngọn núi trong nắng, trong sương và trong tuyết. Tôi nhìn núi bằng đôi mắt mở hay nửa nhắm, từ một nơi rất xa hay sát bên vách đá. Một ngày nào đó, từ một góc nào đó, trong một khoảnh khắc nào đó, tôi sẽ nhìn thấy Phú Sĩ của riêng tôi. Ngày tôi tìm ra được ngọn núi ấy, có lẽ nó cũng sẽ giống như tất cả các ngọn núi trên mặt đất. Chỉ có tôi là khác. Nhưng tôi chưa đến được nơi ấy. Công việc làm cho tôi đôi khi cảm thấy yên bình hơn, ít nghĩ tới mình hơn. Đôi khi tôi thấy tôi thật xa tôi và không biết mình đang ở nơi nào. Nhiều buổi sáng thức dậy mất một vài khoảnh khắc tôi mới nhớ ra mình đang ở tỉnh này hay tỉnh kia, trong căn phòng khách sạn này hay nhà trọ này. Hôm nay là ngày thứ mấy trong tuần, và cách đây bao lâu mình đã đi chuyến tàu nào đến đây.

Câu chuyện của người trực đêm, đôi mắt của em Marcus mà tôi chưa bao giờ gặp, tất cả chìm xuống một nơi nào đó trong trí nhớ vừa xa vừa gần, như một giấc mơ. Mà là một giấc mơ tôi không bao giờ quên. Tôi đọc báo, không thấy có tin nào về một người con trai giết cha trên mặt hồ. Nhưng làm sao tôi có thể đọc báo của tất cả các ngày trên tất cả các nơi được.

Cuối mùa đông năm đó, tôi gặp em Marcus.

Đến một vùng nào có nhà cho trẻ mồ côi, tôi cũng dành vài buổi đến đó. Có lẽ vì đó là quê hương của tôi. Một ngày ở Weienthal, tôi chợt gặp một cậu bé khoảng 10 tuổi với đôi mắt y hệt như đôi mắt của người trực đêm. Nó trẻ con hơn, trong hơn, sâu hơn, và buồn hơn. Nhưng vẫn cùng một đôi mắt đó. Cậu bé đang ngồi một mình trong sân. Tôi gọi:

“Marcus.”

Cậu bé quay lại nhìn.

Tôi xin phép cô chăm nom cho tôi đưa Marcus ra một góc sân chụp ảnh. Cô tưởng sở thiếu niên gửi tôi xuống nên đồng ý không hỏi gì thêm. Nhưng cô đi theo, và tôi không nói chuyện với cậu bé một mình được. Tôi vừa làm việc, vừa bắt đầu bằng một câu hỏi băng quơ.

“Em có thích chó không?”

Marcus trả lời nghiêm nghị:

“Em thích chó.”

“Em có bao giờ có một con chó chưa?”

“Ở viện thì không được có chó đâu.”

“Thế thì em không thể thực sự biết một con chó là như thế nào.”

“Em biết một con chó là như thế nào. Ngày xưa em đã có một con.”

“Nó lớn hay nhỏ?”

“Lớn. Nó lớn như thế này.”

Em ra dấu cho tôi biết con chó lớn thế nào. Không phải chiều cao mà là chiều ôm trong vòng tay của em.

“Nó có tên chứ?”

“Shalma.”

Tôi vẫn tiếp tục làm việc. Tôi đến gần em để đo sáng. Tôi cúi xuống hỏi khế để người chăm nom không nghe thấy được.

“Cô nghĩ là cô biết anh của em.”

Marcus nói lớn, với một chút giận dữ:

“Em không có cha mẹ làm sao mà có anh được.”

Cô chăm nom nhìn và khế lắc đầu riêng với tôi. Tôi không được tiếp tục hỏi chuyện Marcus nữa.

Bốn ngày sau, người làm phòng tối ở thư viện ảnh Bauer gửi những bức ảnh chụp Marcus về khách sạn tôi ở. Bây giờ tôi đã có đôi mắt của Marcus, có cả con chó Shalma vô hình trong vòng tay em ôm nó. Câu chuyện của người trực đêm viết trong quyển sổ đã bắt đầu có xương thịt. Còn bao nhiêu sự thật nữa thì sự thật là sự thật?

Tìm được Marcus có một phần tình cờ do Chúa giúp tôi, nếu có Chúa. Còn tôi tìm được căn nhà của người trực đêm không phải do tình cờ, mà do nhiều năm tháng lặn lội. Tôi đã đi chụp ảnh ở bao nhiêu cái hồ trên núi, đã đi quanh mỗi hồ, tìm bao nhiêu con đường mòn, cho đến cái ngày tôi tìm thấy con đường mòn đó. Đốc và hẹp, nó dẫn từ một ngách khuất của hồ, lên đến sân một căn nhà duy nhất. Con đường đã lâu ngày không có người đi.

Tôi đi quanh căn nhà. Một cảm giác mơ hồ như mình đã biết căn nhà này làm tôi thấy sợ. Trong sân có một cái rìu nằm dưới đất, chung quanh là mấy khúc củi đang chẻ dở, nhưng không phải mới hôm qua, mà đã đôi ba tuần. Ở cửa không có bảng tên. Tôi vừa muốn gọi, vừa muốn bỏ đi. Rồi cuối cùng vì tiếc công tôi tìm kiếm bao lâu, tôi nhấn chuông. Không có ai trả lời. Tôi không biết nhà không có người ở, hay người ở chỉ tạm đi vắng mà thôi.

Tôi đi quanh làng, định hỏi thăm về người đàn ông ở trong căn nhà ấy. Người ta sẽ cho tôi biết ông ấy còn sống ở đây, hay đã dọn đi, hay đã chết. Nhưng có một thứ gì rất mơ hồ ngăn tôi lại. Tôi không muốn biết, chưa sửa soạn để biết rằng người đàn ông ấy sống hay chết. Câu chuyện của người trực đêm còn nhiều bóng tối phủ lên. Tôi không muốn nhìn thấy kết cục mà không hiểu kết cục đó đúng hay sai.

Chương 9. Sophie

Nhà của cô Sophie nằm cạnh một con suối chảy qua làng. Chung quanh nhà có một hàng rào gỗ thấp. Trong sân có những gốc hồng đã cắt cành để qua đông. Trên tường nhà có những dây leo bây giờ không có lá.

Khi mở cửa nhìn thấy tôi, cô rất ngạc nhiên trong một thoáng ngắn. Nhưng cô rất thân thiện. Tôi nói:

“Tên tôi là An Mi. Tôi quen một người học trò cũ của cô. Không hẳn quen, nhưng... tôi muốn hỏi vài chuyện về anh ấy...”

“Anh ấy tên gì?”

“Trước đây anh ấy ở căn nhà cuối đường Moosweg.”

“Michael Kempf.”

Sophie ân cần mời tôi vào nhà. Căn phòng thoáng thoảng mùi hoa oải hương, lẫn một chút mùi trầm. Cô mời tôi ngồi xuống một chiếc sofa mềm và thấp, với rất nhiều gối chung quanh ghế và trên mặt đất. Phòng có treo nhiều tấm vải thêu. Trên mặt bàn, mặt tủ, thành cửa sổ, trên mặt đất, đầy những món trang trí nho nhỏ. Chân đèn cây, hộp đốt trầm, tượng vũ nữ, hoa khô, bình lọ bằng sứ, những hộp tráng men có vẽ hoa... Nếu là chủ của chúng, tôi sẽ không bao giờ biết đặt chúng nơi đâu để căn phòng không có vẻ lỉnh kỉnh vụn vặt. Nhưng ở đây, hình như mọi thứ đều đúng chỗ. Không gian êm ái và mời mọc.

Tôi nhớ hôm người trực đêm đến nhà Sophie cô mở nhạc Schumann. Hôm nay cũng có nhạc, nhưng là một loại nhạc thiên êm dịu và vô tận. Người chơi đánh lên những tiếng đàn rồi để chúng vang mãi, những tiếng đàn lắng dần, chập chùng lên nhau và tan vào nhau, không bao giờ có chỗ ngắt câu, không bao giờ có lúc xôn xao hay buồn bã.

Sophie mang ra trà ướp hoa cam và bánh thơm mùi bơ và hạt dẻ mới nướng.

Tôi thấy cảm động. Tôi là người lạ mà được tiếp đãi thế này sao?

Sophie nói chuyện băng quơ về thời tiết, về những tấm vải cô mang về từ Ấn độ.

Cuối cùng cô mới hỏi:

“Cái gì đưa em tới nhà chị?”

Tôi hơi lúng túng vì từ chị em thân mật.

“Tôi... em có tình cờ đọc câu chuyện của một người trước đây là học trò của chị. Chuyện có nhắc đến chị. Em muốn hỏi ý kiến chị về đôi điều trong đó.”

“Em đưa chị xem được không?”

Giọng Sophie êm ái, như mùi hoa cam trong nước trà chị pha. Chị làm tôi thấy yên lòng. Tôi nghĩ, làm sao từ chối được.

Nhưng lúc mở túi để lấy ra quyển sổ, tôi chợt thấy lòng buồn nao nao. Tôi có một cảm giác mơ hồ hình như tôi đang làm một việc sai. Người trực đêm không viết một truyện ngắn hay truyện dài để cho mọi người đọc, mà là một câu chuyện rất riêng, rất không hoàn hảo, riêng dành cho một người lạ. Người là ấy là tôi.

Nhưng tôi lại nghĩ, ban đầu người trực đêm đã có ý định kể cho cô Sophie nghe mọi việc. Vậy thì tôi mở những trang người trực đêm viết trong quyển sổ cho Sophie xem không có gì sai.

Lúc Sophie đọc, tôi ra đứng cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài. Bên ngoài có một con đường nhỏ. Phía bên kia con đường là giòng suối. Tôi không nhìn thấy nước chảy, chỉ nhìn thấy những cây mọc chen trong đá bên bờ kia của giòng nước.

Đọc xong Sophie không đưa lại cho tôi quyển sổ mà đặt nó lên cái kệ bên chỗ chị ngồi.

Sophie hỏi:

“Chị mở máy sưởi như vậy có đủ ấm cho em không?”

Tôi gật đầu. Chị bảo tôi bỏ giày ra, rút chân duỗi lên sofa cho thoải mái. Tôi làm như chị bảo. Chị đến nhắc hai chân tôi lên, ngồi xuống ở cuối ghế và đặt hai chân tôi lên lòng chị. Chị nắm hai bàn chân tôi và xoa nhẹ, cũng với đôi tay mềm mại và ấm mà chị đã xoa chân cho người trực đêm hôm nào. Nhạc lãng đãng không bờ, mùi trầm hương, lòng bàn tay mềm của chị làm cho tôi muốn tan ra trong một nỗi dịu êm tôi chưa biết bao giờ. Đã bao năm rồi tôi sống trên những chuyến xe lửa. Chị Sophie nói:

“Nếu mệt thì em ngủ đi. Em không có gì vội, chị cũng không có gì vội...”

Chị Sophie nói:

“Đức Phật nói rằng đời là bể khổ. Nhưng cái bể khổ thực sự không ở bên ngoài. Ta không ngập lặn vô vọng trong cái vùng nước có tên là bể khổ. Bể khổ nằm bên trong chúng ta. Hạnh phúc tự bên trong, đau cũng khổ tự bên trong.

Khi người ta thấy khổ, người ta nói: cha tôi không yêu tôi, người này làm khổ tôi, người kia ác với tôi. Không ai nói: Dục vọng của tôi làm khổ tôi. Ham muốn và thù hận dẫn dắt tôi.”

“Chị có biết cha của Michael không?”

“Anh ấy cũng dạy học như chị. Chị dạy văn. Anh ấy dạy vật lý ở cùng trường. Ai cũng nghĩ anh ấy là một người thầy đáng hoàng và dễ mến.”

“Chị Sophie, em đến gặp chị để hỏi bốn điều: Michael Kempf có quay về đây không? Anh ấy còn sống không? Cha anh ấy còn sống không? Cha anh ấy có giết vợ không?”

“Dĩ nhiên là không.”

“Đó là câu trả lời cho câu nào trong bốn câu hỏi trên?”

“Dĩ nhiên là cha của Michael không giết vợ. Ông ấy còn sống, tuy không khỏe lắm.”

“Tại sao anh ấy viết như vậy?”

“Michael viết như vậy lúc anh còn nhỏ. Chỉ là trí tưởng tượng của một đứa trẻ con.

Những sự thật của cuộc đời không ly kỳ như những sự thật trong truyện và trong phim. An Mi à, em đến đây cũng chỉ vì em tưởng là câu chuyện nó như vậy, nhưng sự thật nó bình thường hơn rất nhiều. Cha của Michael lấy một người vợ không đứng đắn và nghiện rượu. Bà ta ở xứ này buồn quá, buổi tối không có quán rượu bán suốt đêm. Bà ấy bỏ đi, chỉ có vậy.”

“Nếu vì buồn chán và thiếu rượu uống, bà ta đã đi sau một hoặc hai năm, chứ tại sao mãi đến năm đó mới bỏ đi? Năm đó Michael đã được bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mười ba.”

“Có người đàn bà nào có thể bỏ rơi những đứa con của mình? Không từ già, đi rồi cũng không gửi thư và gọi điện thoại về gặp con?”

“Có những người đàn bà mà em không bao giờ hiểu nổi tâm linh của họ đâu.”

“Còn đứa em Marcus, tại sao Marcus lại bỏ trốn vào rừng lúc nửa đêm?”

“Đâu có Marcus nào trốn vào rừng lúc nửa đêm đâu. Mẹ của Michael dẫn Marcus theo bà ấy. Đi Tây ban nha, hay đi Mỹ... Ai biết được. Có lẽ đó là điều làm cho Michael đau lòng nhất. Cậu không thể tin là mẹ cậu dắt em cậu đi và bỏ cậu lại như vậy. Nên cậu tưởng tượng ra câu chuyện cha giết mẹ đêm đó. Đứa bé thầm mong rằng chẳng thà mẹ chết, còn hơn là mẹ bỏ rơi nó. Nó không phân biệt được điều nó thầm mong và sự thật.”

“Dù chỉ là một đứa bé, cậu cũng phải biết rằng cậu quá sức bất công với cha. Cậu có tội với cha. Rồi làm sao hai cha con có thể sống với nhau gần ấy năm được?”

“Em chưa có con, nên em không biết trẻ con. Chị cũng chưa có con, nhưng chị làm nghề dạy học. Khi thấy mình quá bất lực trong thế giới thật, chúng tạo ra một thế giới riêng. Trong thế giới này, chúng là chủ và quyết định được mọi việc. Một ông chủ nhỏ chưa trưởng thành về đạo đức. Với chúng bất công là mẹ cho em ăn hai cái bánh mà không cho anh ăn hai cái bánh. Chúng chưa hiểu nghĩ xấu cho cha là bất công.”

“Nhưng mà cái câu chuyện Michael nghĩ ra cho mình nó buồn bã quá.”

“Michael đang bước qua tuổi dậy thì. Ở tuổi này trẻ con không sợ buồn bằng sợ chán. Nó nghĩ ra một bi kịch, vì chỉ trong bi kịch mới có người hùng. Trong đó nó thấy mình quan trọng.”

Vậy là không có một bi kịch nào. Đáng lẽ tôi phải thấy yên lòng cho Michael. Nhưng một nỗi hụt hẫng lạ lùng loang ra trong tôi.

Chị Sophie vuốt những lọn tóc của tôi giữa những ngón tay của chị.

“Em đến đây, tưởng như mình tìm thấy một điều gì đó, nhưng thực ra là không. Không có gì cả. Chỉ là một câu chuyện nhằm chán của một người đàn bà nhằm chán chồng và bỏ đi. Đứa con trai ở lại tiếp tục sống với cái máy truyền hình. Tuổi thơ nó trống không nên nó lôi những kinh nghiệm cùng những thù hận của người khác trên truyền hình xuống và gán vào cho chính nó, cho mẹ nó và em nó, cho đời có chút hương phấn. Cuối vở bi kịch thì người hùng phải đi tìm cái chết tất yếu. Nó muốn thử đi tìm cái chết để xem như thế thì cuộc sống có ý nghĩa hơn không.”

“Cảm ơn chị đã giải thích cho em hiểu.”

Tôi không còn gì để hỏi nữa. Chỉ còn cặp mắt của Marcus.

“Marcus không đi theo mẹ. Em đã gặp nó trong viện mồ côi.”

Tôi đặt những bức ảnh của Marcus lên bàn. Sophie đến ngồi bên tôi để xem ảnh. Tôi nói:

“Những bức ảnh này em chụp ở một nhà nuôi trẻ mồ côi phát triển không bình thường. Marcus có đôi mắt của Michael. Chỉ có anh em ruột mới có đôi mắt giống nhau như vậy.”

Sophie mỉm cười. Tôi không hiểu nụ cười đó và tôi chột hoang mang. Tôi chỉ mới gặp Michael có một lần, vào một buổi tối ở khách sạn Carmina cách đây hai năm. Làm sao tôi chắc chắn nhớ rõ đôi mắt của anh như thế?

Sophie nói:

“Chị không thấy cậu này giống Michael dù là một chút xíu nào. Dĩ nhiên đây không phải là em trai của Michael.”

Tôi không biết nói gì thêm. Câu chuyện của người trực đêm chỉ có vậy. Tôi đã tìm kiếm gì trong hai năm qua? Một thằng bé chiêm bao một vở bi kịch, và tôi đuổi theo những chiếc bóng của giấc chiêm bao đó.

Tôi đã tìm thấy gì sau hai năm lặn lội? Một đôi mắt của một cậu bé tình cờ có tên là Marcus. Một đôi mắt không quen biết, không liên quan gì đến người trực đêm và không liên quan gì đến tôi.

Tôi lặng nghe trong người một nỗi mất mát lạ lùng. Một điều gì trong tôi vừa rơi xuống, vỡ ra, rồi những mảnh vỡ ấy lại rơi nữa trong một vùng trống, tối, và không có âm thanh. Sophie quay sang tôi, cúi hôn lên vai tôi. Rồi chị đứng dậy, đi đốt một ít hương trầm, thắp nến, lấy thêm trà và mật ong.

Chị dẫn tôi lên lầu, cho tôi xem căn phòng nơi chị ngồi thiền mỗi sáng, và đôi khi vào buổi chiều. Giữa phòng có những miếng thảm nhỏ để ngồi, đối diện, trên một cái bàn thấp, là một tượng Phật gương mặt yên lành, mắt không nhắm và không mở. Cửa sổ trông về hướng suối. Từ đây, cao hơn, tôi có thể nhìn thấy giòng nước.

Tôi vừa muốn vùi đầu vào mớ chăn gối êm ái nhà chị Sophie mà khóc, vừa muốn bỏ về và không bao giờ đặt chân đến ngôi nhà này nữa. Tất cả mọi thứ ở đây đều yên lành và đáng yêu. Giọng nói và bàn tay của chị Sophie thật bao dung, mềm mại và chậm rãi. Vậy mà trong một đôi khoảnh khắc, vẫn có một thứ gì đó tôi không biết tên làm gợn lên trong tôi một nỗi hoang mang mơ hồ. Có lẽ vì tôi không quen với hạnh phúc. Một thiên đường ấm áp làm cho con chim chỉ quen bay dưới bầu trời tuyết thấy mình nhỏ nhoi và lạc lõng thêm.

Chương 10. Người cha nuôi

Buổi sáng tôi sẽ quay lại Moosweg hỏi thăm về ông Kempf. Dù không cần thiết. Dù không quen. Nhưng tôi đã lặn lội hơn hai năm để tìm ra căn nhà của ông. Và sẽ không bao giờ quay lại đây nữa. Tôi muốn nhìn thấy ông một lần.

Buổi trưa tôi sẽ đến nhà Sophie để từ giã. Sau đó thì tôi không còn việc gì để làm ở làng này nữa. Không còn việc gì ở làng này và hay bất cứ nơi nào trên trái đất.

Nhà ông Kempf vẫn hoang vắng. Tôi đi bộ về phía đầu đường và nhấn chuông ngôi nhà ở ngã rẽ vào đường Moosweg. Một người đàn ông mở cổng cho tôi.

“Thưa tôi cần tìm ông Kempf ở cuối đường này, nhà số 17. Hình như ông ấy đi vắng đã lâu, không có ai mở cửa.”

“Ông ấy bị tai biến mạch máu não, nằm ở nhà thương Treuwasser.”

Tiếng người vợ từ phía trong:

“Không, người ta chuyển ông Kempf qua Trung tâm hồi phục rồi.”

“Còn người con, ông Michael Kempf, ông ấy có về nhà không?”

Tiếng người đàn bà:

“VẬY RA CÔ TÌM ÔNG KEMPF CON HẢ? NÓ CƯỚI TÌNH NHÂN CỦA ÔNG GIÀ RỒI, NÓ Ở NHÀ VỢ NÓ.”

“VỢ ANH ẤY Ở ĐÂU?”

Tiếng người vợ:

“CÔ QUEN ANH MICHAEL KEMPF À? CÔ TÌM ANH ẤY CÓ VIỆC GÌ KHÔNG?”

Người chồng nhìn tôi và tiếp tục hỏi:

“CÔ LÀ Y TÁ PHẢI KHÔNG? CHẮC CÔ LÀ NGƯỜI PHILIPPINES? CÔ TỪ BỆNH VIỆN PHẢI KHÔNG?”

“DẠ TÔI MUỐN TÌM MICHAEL KEMPF THÌ TÌM Ở ĐÂU?”

Người vợ bước ra và mời tôi vào nhà. Trong phòng khách, họ có một cái bàn trải khăn và bày đĩa tách cho buổi uống cà phê lúc xế chiều. Họ mời tôi ngồi vào bàn, rót cà phê và sẻ bánh cho tôi. Tôi thấy ngại vì tôi là khách không mời.

Người chồng nói:

“CÔ ĐỪNG NGẠI. CÓ CÔ ĐẾN CÙNG UỐNG CÀ PHÊ CHÚNG TÔI THẤY VUI HƠN. CON GÁI TÔI – CHẮC TRẺ HƠN CÔ BA BỐN TUỔI – NÓ LÀM THƯ KÝ Ở THỊ XÃ, HẸN CHỦ NHẬT VỀ CHƠI VỚI CHA MẸ MÀ LẠI KHÔNG VỀ ĐƯỢC. BÁNH NÀY DO VỢ TÔI LÀM ĐẤY.”

Người vợ nói:

“NẾU ÔNG GIÀ NHỜ CÔ ĐI TÌM THẲNG CON THÌ CÔ KHỎI TÌM. NÓ CHỈ MONG ÔNG GIÀ MAU CHẾT ĐỂ NÓ KHỎI BÁN CÁI NHÀ TRẢ TIỀN CHO NGƯỜI TA NUÔI CHA NÓ.”

Người chồng:

“CHẲNG PHẢI VIỆC CỦA MÌNH. CÔ ĐI ĐẾN NHÀ CÔ GIÁO SOPHIE KIRCH Ở TALWEG, CON ĐƯỜNG DỌC THEO SUỐI. TÔI KHÔNG BIẾT SỐ NHÀ, CÔ XUỐNG ĐÓ HỎI.

Dù sao cô giáo Sophie cũng là người tốt. Ông Kempf ngã bệnh, cô ấy là người duy nhất thăm nuôi ông ấy đều đặn.”

“CÔ TA LÀ NGƯỜI KHÔNG TỐT.”

Tôi hỏi:

“TẠI SAO?”

Người vợ hướng mắt sang người chồng, chờ đợi sự đồng tình cho bà nói xấu người trong làng với một khách lạ. Người chồng giả vờ lơ đãng một cách rộng lượng.

Người vợ trả lời tôi.

“CÔ ẤY LÀ MỘT CÔ GIÁO. CÔ ẤY ĂN Ở VỚI CHA CỦA MỘT ĐỨA HỌC TRÒ, MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG BỊ VỢ BỎ. RỒI KHI ÔNG TA BỊ BỆNH NẶNG, CÔ ẤY ĐÓN CON TRAI ÔNG TA VỀ NHÀ MÌNH.”

Không hiểu sao tôi cảm thấy tôi không muốn biết điều đó. Tôi lặng yên. Tôi cảm ơn sự hiếu khách của họ và xin về. Bỗng dưng người chồng nói.

“Sophie Kirch là một người tốt. Chỉ có trời mới biết điều đó. Những người đàn bà khác không biết.”

Người vợ nhìn ông ngạc nhiên, cơn giận chợt dâng lên.

“Tốt? Một người tốt? Tôi ở với ông ba mươi năm, đến hôm nay mới biết đây chính là loại đàn bà mà ông thích. Cô ta có cái gì chứ?”

“Em đừng hiểu lầm anh. Cô ấy có một tấm lòng làm anh cảm phục. Không có nghĩa là anh thích cô ta.”

“Anh cảm phục một người đàn bà vừa đưa người cha vào viện xong thì quay về đón thằng con về ngủ chung?”

“Em không hiểu sự tuyệt vọng của hai cha con ông Kempf sau khi người vợ dắt thằng con trai nhỏ bỏ đi.”

“Tiếc gì thứ đàn bà ấy. Chỉ mê rượu. Lũ đàn ông trong quán, chỉ mua cho nó một ly thì nó vén váy lên. Thứ đó đi thì may cho cha con ông Kempf chứ, tuyệt vọng gì. Chỉ khổ thân thằng con nhỏ, chẳng biết bà mẹ nghiện ngập dắt đi lênh đênh ở đâu rồi.”

“Dù cô ấy thế nào thì khi cô đi rồi, ông Kempf và Michael cũng phải buồn chứ. Buồn lắm.”

“Thế là cô giáo Sophie Kirch nhảy vào an ủi, bằng cách ngủ với họ. Cha và con.”

“Ừ, thì cô ấy ngủ với họ. Nhưng đó không phải là chuyện chính.”

“Giữa đàn ông và đàn bà chỉ có một chuyện đó thôi. Đó là chuyện chính, không có chuyện gì khác hết.”

Tôi nhìn tấm khăn trải bàn bằng vải lanh dày màu vàng nhạt, bộ tách cà phê bằng sứ dành cho ngày chủ nhật, đĩa bánh nướng với một lớp mận chín tím thẫm trên mặt, đứa con gái đi làm ở thị xã hẹn nhưng không đến. Cái nề nếp êm dịu và buồn tẻ này mới là chuyện chính. Cuộc đời chúng ta cuối cùng rồi cũng chỉ nương nhờ vào những thứ ấy để tiếp tục: những người thân vắng mặt hoặc đến ngồi chung quanh chiếc bàn quen, có tiếng ấm reo lúc nước chế cà phê vừa mới sôi, tiếng người nói với nhau những mẩu chuyện thuộc về những ngày tháng trên một quả đất có sức hút vừa phải.

Tôi chào đôi vợ chồng không quen và bước ra đường. Tôi không còn tìm đâu được lực hút của trái đất cho mình. Đã có một lần nào tôi biết nó chưa?

Có lần tôi đã biết tình yêu. Lần thứ nhất từ năm tôi lên 7 đến năm tôi 13 tuổi. Tôi có một người cha nuôi, một người yêu tôi như con gái thật. Cha tôi chơi nhạc thánh ca ở nhà thờ. Ông đón tôi ở trường, mua giày cho tôi và dạy tôi hát. Những chiều thứ ba ông đưa tôi dạo chơi trên con đường ven sông, trong những cánh rừng, vào mùa đông và vào mùa hạ. Năm tôi mười ba tuổi ông tự bắn chết trong nhà thờ, tự bắn mà không nói cho tôi một câu nào, không dặn dò tôi phải tiếp tục sống ra sao khi ông không còn ở đó nữa. Nếu tôi là con ruột của ông, tôi có đủ là cái lực hút của trái đất để ông không làm chuyện đó không? Nếu tôi là con ruột, chắc chắn mọi việc đã khác. Không một người cha nào có thể bỏ con gái thật của mình như vậy, bằng một tiếng nổ duy nhất và một sự im lặng duy nhất không bao giờ dứt. Thời gian xóa đi mọi ký ức và nỗi đau, nhưng nó không xóa niềm im lặng. Im lặng biến thành thời gian và nó không rời bỏ tôi nữa. Tôi nhớ tình yêu, nhớ sự mát mẻ, nhưng lạ lùng thay, tôi không giữ được ký ức về người cha. Tôi không nhớ gương mặt, dáng người. Tôi biết ông có vuốt tóc tôi, nhưng tôi không nhớ bàn tay ông như thế nào. Tôi biết ông có dạy nhạc cho tôi, tên những nốt nhạc thì tôi nhớ, nhưng giọng nói của ông đã mất.

Tôi nhớ giòng sông và những cánh rừng ông dẫn tôi đi qua, mùa đông và mùa hạ, nhưng tôi không nhớ lúc ông nắm tay. Trí nhớ là gì mà phản trắc như vậy? Hay vì tôi không phải là con ruột của ông nên tôi không mang ông trong người, để ông tiếp tục sống trong tôi khi tôi tiếp

tục đi mãi trong đời? Hay là năm đó tôi đã quyết định quên ông, vứt đi cái sức nặng đã trĩu kéo tôi xuống cái hố sâu mịt mùng của buồn đau? Nỗi buồn xóa đi, hoặc là không bao giờ đến, cùng với nó, trái đất và mặt đất cũng mờ nhạt đi, mờ như một ảo giác, một cuốn phim mà tôi không hiểu nhưng vẫn phải ở trong đó cho đến khi nó hết. Người ta sống trong những thế giới của giác quan, hoặc của ý nghĩ, hoặc của tình cảm. Người ta sống trong ngày hôm nay, hoặc ngày mai, hoặc ngày hôm qua. Người ta tự nuôi mình bằng ao ước, hay là hạnh phúc, hay là hoài niệm. Tôi không tin giác quan, không tin ý nghĩ, không biết tình cảm. Tôi không có ao ước, không có hạnh phúc. Chỉ còn hoài niệm. Hoài niệm của tôi nghiệt ngã, nó chỉ là một tiếng vang dội ngẩn ngui của một phát súng trong nhà thờ. Trước và sau tiếng nổ ấy, mọi thứ mờ ảo. Tôi bước đi qua cuộc đời không cảm nhận được mặt đất dưới chân mình.

Mẹ nuôi nói rằng tôi đã làm cho cha nuôi tôi chết. Trước khi có tôi, ông là một người yêu kính Chúa. Chiến tranh qua rồi, ông trở về tiếp tục học xong chương trình ở trường nhạc. Ông tìm được việc làm ở giáo phận nhà mẹ tôi. Vào cuối những mùa đông ông chôn xuống đất những giò thủy tiên, ông tỉa cành cho những cây táo, cây mận trong vườn. Mùa hạ ông ngồi đọc sách cạnh chiếc bàn nhỏ trong sân, dưới bóng đám lá cây thưa, ăn bánh kẹp với táo nấu với đường và quế. Mỗi tuần ông tập hát cho ban đồng ca nhà thờ ba buổi. Thỉnh thoảng ông đi dạo với cha xứ, cuối buổi dạo, cha thường mời ông một ly rượu mạnh cất từ trái lê, ướp thật lạnh. Nhưng rồi Chúa yêu cha nuôi tôi và muốn thử thách ông. Chúa khiến cho mẹ tôi rước về nhà một đứa con gái mồ côi bảy tuổi.

Mẹ nuôi đã đặt tất cả những gì mình có vào cuộc sống với cha nuôi tôi. Bà luôn cố gắng làm một người toàn diện. Điều Chúa không ban cho bà, và vì thế bà không thể ban cho chồng bà – một đứa con – bà bù đắp bằng cách mở trái tim và cánh cửa nhà ra cho một đứa con nuôi đến từ một vùng đất đau thương của trái đất. Bà nuôi con người khác, yêu thương như con của chính mình.

Nhưng con gái nhỏ không nhỏ hoài, nó lớn dần lên và trông rất đáng yêu. Mẹ tôi không nhớ chuyện xảy ra năm nào, nhưng nó đã xảy ra. Cha tôi đổi khác. Cha tôi quên châm nước cho chim uống. Những con vẹt nhỏ màu vàng chanh và màu xanh lục chết khát trong lồng. Lúc đó ông mới nhớ là từ mấy hôm rồi chúng im lìm không tiếng hót. Ông vứt những chiếc lồng ngoài góc sân. Ông không bao giờ nhớ tới những con chim, cũng như ông đã không bao giờ nhớ lại chiến tranh. Ông không có lời nói nào dành cho những chuyện đã qua. Ông hay nhìn tôi, và ông không ngủ nữa. Ông hay quên những buổi tập hát với ban đồng ca ở nhà thờ. Một hôm, cây thánh giá treo trên tường, phía trên giường ngủ của cha mẹ nuôi tôi bị sút ốc, rơi xuống. Mẹ tôi đem cất trong hộc tủ, chờ cha tôi về khoan một cái lỗ mới treo nó lên lại. Nhưng khi mẹ tôi mở hộc tủ tìm, nó không còn đó. Mẹ tôi hỏi, ông không biết. Vài hôm sau mẹ tôi tìm thấy cây thánh giá nơi những chiếc lồng chim ở góc sân ẩm ướt. Mẹ tôi hỏi có phải ông đem nó vứt ngoài ấy, ông cũng không biết, không nhớ gì. Ông không có lời nói nào dành cho những chuyện đã qua. Trên bức tường bên trái chỗ ông ngồi đánh đàn trong nhà thờ, có treo một bức tranh nhỏ vẽ Beethoven. Chính ông đã treo bức tranh ấy ngày ông vào nhận việc, nó đã ở đấy suốt mười bảy năm, ở một mảng tường ít ánh sáng, hầu như không ai còn để ý tới nó. Một hôm ông hỏi người quét dọn nhà thờ người trong tranh là ai. Người quét dọn không biết, không phải vì ông già không nhận ra Beethoven, mà vì mắt ông ấy kém. Cha tôi hỏi sao ai lại treo hình một người lạ lên tường.

Mẹ nuôi tôi nói ông chỉ còn biết nhìn tôi. Ban ngày, lúc tôi ăn cơm, nói chuyện, và ban đêm, lúc tôi ngủ. Mùa đông, lúc tôi ngồi trên ghế nệm, rúc trong mấy lần áo len, và mùa hè, lúc tôi chạy trên con đường dọc bờ sông, vai để trần và tóc cột đuôi ngựa.

Mẹ nuôi tôi nói tôi có tội, tôi làm cho cha tôi chết. Tôi có tội vì có một thân thể. Tôi không mãi mãi là đứa nhỏ 7 tuổi xác xơ mà bà rước về nuôi. Tóc tôi dày và mượt ra, thân thể chớm

kéo các đường nét báo trước nhiều pháp phông và truân chiên. Tôi bắt cha tôi yêu tôi. Cha tôi không cưỡng lại được, nên ông hóa điên và tự bắn chết. Bà buộc tội tôi và bắt tôi nhận nó, khốc liệt như thể nếu tôi lỗi được phân định rõ ràng xong, được xóa đi bằng sự trừng phạt hay sám hối thì cái hệ quả của tội lỗi cũng sẽ không còn. Nếu tôi xóa được tội lỗi của tôi bằng cách này hay cách khác, thì Chúa sẽ quay ngược đoạn phim, và cho cha tôi sống lại. Không những sống lại, ông còn trở lại là người chồng nguyên lành của mẹ nuôi tôi mà Chúa ban tặng theo lời cầu nguyện của bà. Mẹ tôi nói việc đầu tiên là tôi phải nhận tội. Tôi đầy sợ hãi. Lúc đầu tôi phản kháng mãnh liệt, rồi tuyệt vọng, rồi tôi không phản kháng nữa. Tôi tin mẹ nuôi tôi. Mẹ tôi nói tôi làm cho cha nuôi tôi ham muốn tôi, hai chữ đó sẽ còn làm cho tôi hoang mang gần hết cuộc đời. Ban đầu khi nhớ lại những khi cha nuôi tôi nhìn tôi, tôi không thấy ánh mắt ông chứa đầy ham muốn, như mẹ nuôi tôi nói. Nhưng tôi nào biết ham muốn thế nào để nhận ra nó. Mẹ tôi chỉ ra cho tôi, bằng cách nào tôi không nhớ, nhưng rất hiển nhiên. Thân thể mười ba tuổi của tôi chưa được sửa soạn để bị xâm chiếm, để có thai và đẻ con. Nếu để chuyện đó xảy ra, thân thể ấy sẽ bị xé nát. Con gái chưa dậy thì tự bảo vệ mình bằng sự kinh sợ sự mời mọc tình dục đến quá sớm. Mẹ tôi kêu gọi, đánh thức nỗi kinh sợ bản năng của tôi. Tiếng kêu của bà là tiếng kêu của một con thú bị thương, của một đời đàn bà bị lừa dối và không hề hiểu sự lừa dối đó. Từ đó, mỗi lần nhớ lại ánh mắt của cha tôi tôi thấy sợ hãi. Nỗi sợ hãi không cần được nuôi bằng kinh nghiệm có thật, nó tự nuôi nó lớn nhanh lạ thường, mọc lông mọc cánh che khuất những ngôi sao trong sáng thời thơ ấu. Tôi sợ cả thân thể và tâm trí mình, mong ước xóa được cả hai dưới những ngọn roi trừ tà đuổi quỷ của một ông giáo sĩ nào đó. Cha xứ không đuổi quỷ cho tôi. Ông chỉ nói tôi nên cầu nguyện và đọc kinh sám hối.

Tôi quỳ trên nền đá nhà thờ, hay trên những bậc thềm dẫn xuống hầm nhà tôi, gần như không ăn uống. Tôi sám hối, nhưng không xóa được tội lỗi, chỉ xóa đi trí nhớ của tôi về những ngày tháng trước khi tiếng súng của cha tôi nổ vang trong nhà thờ. Một lúc nào đó mẹ nuôi tôi và tôi biết rằng cha tôi đem chôn rồi thì không sống lại nữa. Chúng ta chỉ hiểu những thứ được ý nghĩa rọi sáng. Cái chết của cha tôi không có ý nghĩa nào rọi sáng, chúng tôi không hiểu. Nhưng ba tháng sau thì vẫn phải chấp nhận nó hoàn toàn. Đó là lúc sự sám hối của tôi trở nên vô nghĩa. Cả mẹ nuôi tôi và tôi đều không quan tâm tôi có được tha thứ hay không. Tôi đứng dậy trên hai đầu gối đầy những vết chai và những vết thương còn mới. Sau ngày ấy, tất cả kinh nghiệm thật đều bị xóa. Mọi kỷ niệm êm đềm đã chết. Sự thật đã mất. Chỉ có lại cái cách hiểu về nó. Còn lại những ý nghĩ trừu tượng mà sau nhiều năm, người ta lăm vớ ký ức.

Nhiều năm sau, tôi cố hiểu cái chết của cha nuôi tôi. Cuộc đời không đầy những bí ẩn, nhưng sự thật về cuộc đời luôn ở một nơi nào xa hơn tầm với của con người. Bởi vì con người chỉ chấp nhận sự thật khi nó đi kèm với ý nghĩa, ý nghĩa hiếm hoi, nên hiểu biết của con người cũng nhỏ nhoi. Ý nghĩa chủ quan, nên chỉ có sự thật của mẹ nuôi tôi và sự thật của tôi, chứ không có sự thật đứng riêng một mình nó. Nếu đứng riêng một mình, nó đứng trong bóng tối. Khi được nhìn thấy, nghĩa là nó đã đứng trong ánh sáng của tôi hoặc là của mẹ nuôi tôi. Ánh sáng có thể nhiều dối trá. Bóng tối thành thật, nhưng nó đồng nghĩa với im lặng.

Có một lần cha tôi nói với tôi rằng âm nhạc không nằm ở những nốt nhạc mà ở cái khoảng không ở giữa những nốt nhạc. Giữa những nốt nhạc là âm nhạc. Giữa những con người là tình yêu. Những nốt nhạc và những con người không có ý nghĩa. Ý nghĩa nằm ở giữa chúng, ở giữa họ. Tôi mười ba tuổi. Tôi hiểu, như một cô gái cách mười ba tuổi hiểu, rằng cha nuôi tôi yêu âm nhạc và yêu tình yêu, rằng con người không thể đứng một mình. Nhưng sống với cha mẹ nuôi, tôi cũng hiểu như một cô gái mười ba tuổi hiểu rằng ông là một người cô đơn ghê gớm. Ông ẩn náu trong nỗi cô đơn mịt mù. Ông là âm nhạc không có âm thanh.

Ông chết rồi, tôi cố hiểu nỗi buồn của ông. Khi ông còn sống, vào mùa hạ vợ ông nấu anh đào với đường để dành cho mùa đông. Bà biết làm rượu với trái mận vàng. Mùa thu bà đan cho cả

nhà những chiếc áo len dày ấm. Bà biết giữ cái lạnh ở bên ngoài những khung cửa sổ. Những bình cà phê luôn luôn được chế đúng lúc, những chiếc vớ luôn luôn đủ đôi trong tủ. Bà luôn biết ông cần gì trước khi ông biết. Dù bà không hiểu Bach, ông vẫn là một người đàn ông may mắn nhất. Chính sự may mắn ấy đã nuốt đi mọi can đảm ông cần có để đi tìm chính mình ở một nơi nào khác, ở một quê hương không có tên và không có bàn tay của người vợ ở mọi thứ ông chạm đến.

Cha tôi làm việc ở nhà thờ công giáo, ở đó có một cha xứ không tốt bụng nhưng cũng không khó tính và không biết nhạc, có số người đi lễ đủ chiếm gần nửa số ghế vào ngày chủ nhật, những người ít xưng tội và ít đặt câu hỏi, vì họ chỉ có vừa đủ lòng tin để đi lễ, chứ không còn đủ lòng tin để tin rằng nhà thờ là nơi giải quyết tất cả những vấn đề dù tâm linh hay không của cuộc đời bên ngoài nó. Ban đồng ca do cha nuôi tôi phụ trách may mắn lắm là hát được những nốt nhạc không sai độ cao thấp được ghi, họ thấy hài lòng vì mình hiểu được lời nhạc, ý nghĩa của chúng họ biết là sâu xa, và vì hát chúng họ thấy họ tham dự vào một truyền thống nào đó đáng quý hơn là xem ti vi cho hết những buổi chiều không đi làm. Lương cha nuôi tôi không cao, nhưng nhà thờ cấp cho chúng tôi một căn nhà có vườn, và trả tất cả các khoản bảo hiểm, nhà tôi không bao giờ cần nhiều tiền hơn số tiền cha tôi có.

Gia đình tôi có một đời sống yên ấm, bảo đảm, và khi tôi bước vào nhà thờ, nghe nhạc của Bach vang rền và cao vút từ những ống sáo ngất trời của cây đàn organ của cha tôi, tôi thấy một chút gì như là vinh dự nữa.

Cha tôi đáng lẽ đã có thể sống như vậy cho đến năm 65, về hưu, và hai mươi năm sau nữa thì chết. Thêm hai năm nữa thì vợ ông theo ông. Chuyện rất có thể đã như vậy và không ai thấy rằng họ làm lỡ dở cuộc đời duy nhất của nhau, phản bội nhau sâu đậm hơn những kẻ ngoại tình và những kẻ lãng du. Họ đáng lẽ đã có thể chết già, được chôn bên cạnh nhau, được nhớ tới như đôi vợ chồng chung thủy.

Nhưng một hôm cha tôi không ngủ nữa. Ông tự bắn chết trong nhà thờ không một lời báo trước. Chấm dứt một thiên đường yên ấm và buồn tẻ.

Ông yêu Bach và Beethoven, âm nhạc ông yêu nó mong manh, hùng vĩ và u buồn, nhưng ông lại sống bằng thứ âm nhạc được đóng khung trong những ngày chủ nhật vô cảm, những bình trà nửa ấm nửa nguội chỉ vừa mang lại một chút ý nghĩa trung bình, một chút tâm linh trung bình cho đám giáo dân ơ hờ, đời sống luôn cân bằng vì không có trọng lực ở bên đúng cũng như bên sai. Nếu là người can đảm, ông đã không dùng âm nhạc để kiếm cơm; đã từ chối căn nhà có vườn và tất cả các loại bảo hiểm do nhà thờ cấp, chỉ để tình yêu dành cho Bach được bình thường và trong sáng. Đáng lẽ ông đi làm thợ đóng giày, hay làm sổ sách cho hãng buôn, chắt góp lắm mới mua được cây đàn piano, rồi hiếm có thì giờ động tới nó, giữ âm nhạc ở một khoảng cách nếu với thêm một chút thì tới, chứ không ở bên dưới tài sức và tình yêu của mình. Và lấy một người vợ biết buồn, may mắn hơn một chút, người vợ ấy hiểu Brahms.

Nhưng ông chọn một căn nhà có vườn, giả mạo một tình yêu Chúa và ca ngợi nó bằng một thứ nhạc ê a, mỗi năm mỗi lạc giọng thêm một chút, giống như trái tim càng ngày càng nghèo đói trong lồng ngực.

Tôi nhớ đến ông như tình yêu quan trọng nhất đời tôi. Năm tôi nhỏ, tình yêu ấy hiển nhiên và toàn vẹn. Bây giờ nhớ lại tôi không biết tình yêu ấy có thật, hay nó có vì tôi mồ côi và cần nó một cách tuyệt vọng. Tôi muốn tìm vết tích của tình yêu để hiểu nó, nhưng tôi đã mất những dấu chân trên cát. Chỉ còn lại ý niệm trừu tượng về một tình yêu, chứ không còn tình yêu, vì tôi không còn nhớ ông là ai, gương mặt, giọng nói, bàn tay ông thế nào và ông ước ao những gì. Tôi nhớ, không phải tôi nhớ mà là tôi tin, rằng tôi, một đứa bé mười ba tuổi, là người duy nhất ông đủ yêu và tin để nói về cái điều mong manh ở giữa những nốt nhạc và ở giữa những con người. Giữa ông và mẹ nuôi tôi không có điều mong manh đó. Giữa cha mẹ tôi có cái nền tảng kiên cố

của một cuộc hôn nhân được nhà thờ Công giáo và nghề nghiệp của ông bảo hộ. Giữa họ là sự cần thiết, là thói quen. Và lưng chừng giữa bốn phận và sự lệ thuộc có một sự thuần phục dịu dàng rất giống như tình yêu. Không có gì phân chia được cái nền tảng đó, ngoại trừ cái chết. Mùa xuân năm đó, cha tôi quyết định đó là điều duy nhất ông còn phải sắp đặt cho nó xảy ra. Sau đó thì không còn gì nữa.

Mẹ nuôi tôi cho rằng cha tôi chết vì ham muốn, vì không chịu được sự giằng xé. Mẹ tôi đã lầm. Tôi cho rằng cha tôi chết vì sống quá lâu cuộc đời của một người khác, không phải của mình. Vào năm đó, nỗi buồn đến. Ông không hiểu nó và không biết chứa nó ở đâu.

Nhưng biết đâu tôi cũng lầm?

Chương 11. Người cha

Câu chuyện của người trực đêm khách sạn đã thực sự chấm dứt. Tôi còn đến nhà Sophie làm gì. Michael đã trở về quê, tìm được tình yêu cho đời mình, hay ít nhất cũng là một đôi bàn tay êm ấm cho vết thương của anh. Tôi nghĩ tới những dây leo mùa hè sẽ nở hoa tím trước nhà chị Sophie, tới cửa sổ trên lầu nhìn ra giòng suối. Tôi nghĩ tới giọng nói và bàn tay êm đềm của chị. Có những con người sinh ra để ôm ấp người khác khi họ lạnh và khi họ chơi vui. Tôi tưởng tượng ngày người trực đêm trở về nhà với một khẩu súng. Anh ấy rủ cha đi dạo ở ven hồ. Cha anh mặc vào áo khoác của ông ấy, anh cũng mặc vào chiếc áo của anh, chiếc áo anh đã để sẵn khẩu súng trong túi. Khi chạm tới nó tim anh run và tay anh run. Anh xin lỗi cha, bỏ chạy ra đường. Anh chạy mãi, chạy mãi cho đến khi anh thấy mình đứng trước căn nhà trong sân có tuyết phủ trên những gốc hồng mùa đông. Chị Sophie cầm lấy bàn tay anh lạnh, hà hơi ấm của mình vào đó. Chị hâm cho anh một bình rượu vang nóng có đinh hương và quế.

Hãy ngồi xuống đây và thở sâu. Ở đây mọi thứ đều yên lành. Thế giới bên ngoài cũng yên lành, tất cả khổ đau đều tại tâm mình. Hãy thở sâu và nhắm mắt lại, tất cả mọi chuyện đều là một giấc mộng dữ, Chị đốt hương trầm cho anh buông rơi mọi muộn phiền vào hương khói.

Người trực đêm sẽ khóc hết một buổi; sẽ kể cho chị nghe về tuổi thơ cô quạnh và u mê, về cơn ác mộng thấy cha bóp cổ mẹ chết và chìm xác dưới hồ. Kể xong anh sẽ ngủ thiếp đi vì kiệt sức. Khi thức dậy anh thấy mình ở một nơi ấm và có mùi thơm.

Mẹ cậu bé bỏ cậu đi, cuộc đời cậu vỡ ra thành nhiều mảnh. Cậu cần cơn ác mộng ấy để gắn những mảnh vỡ lại và tiếp tục sống. Bây giờ cậu đã lớn, cậu đã có Sophie, cậu không cần nó nữa.

Tôi không còn việc gì để làm ở Treuwasser. Tôi phải đi, và trở về với những chuyến hành trình không nơi đến của riêng mình.

Đêm cuối cùng ở khách sạn, tôi lấy giấy viết thư cho ông Kempf. Cho người cha. Tôi nhớ tôi đã đi tìm người trực đêm ở khách sạn nơi anh đã làm để trả lại câu chuyện của anh ấy. Tôi đến quá muộn, anh không còn đó để nhận lại quyển sổ. Tôi lang thang tìm nơi vứt nó đi, rồi vì không có can đảm ném câu chuyện của một đời người vào giỏ rác bên đường, tôi đã lặn lội hai năm đi tìm những bóng ma trong câu chuyện ấy. Người trực đêm bây giờ đang sống cuộc đời êm đẹp trong một căn nhà quanh năm có hương thơm. Anh từ chối câu chuyện chính anh đã kể trong quyển sổ.

Chỉ còn lại mình tôi với câu chuyện dang dở và buồn bã ấy. Chỉ còn mình tôi ở bên ngoài cánh cửa, với đôi mắt tổn thương và vừa ngỡ ngàng vừa buốt lạnh của Marcus. Tại sao lại là tôi? Và tôi làm gì với câu chuyện này đây?

Đêm cuối cùng ở khách sạn, tôi lấy giấy ra để viết cho ông Kempf, người cha, một bức thư dài. Ông là người tôi sẽ mang trả lại câu chuyện của con ông, sẽ kể thêm cho ông những ngày tôi lặn lội tìm những bóng ma của gia đình ông, và câu chuyện của Sophie. Để ông là người kết luận nó, không phải tôi.

Tôi viết suốt đêm. Nhưng khi đọc lại bức thư lúc năm giờ sáng, tôi thấy rằng không có chữ nghĩa nào nói được nỗi buồn và sự phi lý tôi mang. Tôi lấy một tờ giấy khác, bắt đầu một bức thư khác. Hoàn toàn khác.

Cô y tá ngồi ở bàn tiếp nhận người thăm bệnh hỏi tôi:

“Tôi sẽ báo với ông Kempf người đến thăm là ai đây?”

“Wienandski.”

Một cái tên hoàn toàn xa lạ với ông Kempf. Tôi phải nói mình là ai để ông chịu gặp tôi?

“Tôi là bạn của con trai ông ấy, Michael Kempf.”

Rồi tôi sửa lại:

“Xin cô nói với ông ấy rằng tôi là bạn của vợ ông ấy.”

Người ta đệm gối cho ông Kempf nửa nằm nửa ngồi trên giường. Tâm trí ông bình thường, nhưng thân thể ông bất động, chỉ cử động được từ cổ trở lên. Tôi biết ông bị tai biến mạch máu, nhưng không nghĩ là ông bị nặng như thế. Nếu biết, có lẽ bức thư tôi viết đã khác.

Tôi không đoán được tuổi của ông. Thời gian đã lấy đi các góc cạnh trên gương mặt. Mí mắt ông dầy lên, làm cho đôi mắt nhỏ lại và hơi lồi ra, nhưng tôi vẫn còn nhận ra nét giống đôi mắt của con ông.

“Tôi tên là Wienandski. Tôi là bạn của vợ ông. Tôi ở Canada về đây. Tôi có mang cho ông một bức thư của bà Kempf.”

Tôi đưa cho ông phong bì, trong đó có thư và ảnh. Nhưng ông không cầm lấy được. Ông nói:

“Phiền cô đọc giùm thư viết gì.”

“Lunenburg, Nova Scotia, ngày

Anh Herman,

Sau bao nhiêu năm em ra đi không gửi về nhà một lời nào, em chắc anh tin là em đã chết.”

Ông Kempf ngắt lời tôi.

“Cô nhầm rồi. Bức thư này không phải gửi cho tôi.”

“Trên bao thư là tên của ông, Herman Kempf.”

“Tôi không phải là người duy nhất có tên ấy.”

“Ông không muốn nghe tôi đọc thư? Tôi còn những bức ảnh chụp vợ ông nơi bà ở bây giờ, ông không muốn xem sao?”

Tôi lấy cặp mắt kính để trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường gắn vào mắt ông, rồi cầm những bức ảnh đưa lên trước mắt ông. Đó là những bức ảnh tôi chụp mặt hồ dưới chân đồi nhà ông. Mặt hồ đóng băng, với một cái lỗ vừa đủ để đẩy một xác người xuống.

Ông Kempf im lặng. Đáng lẽ tôi phải chăm chú nhìn gương mặt ông để nhìn thấy những ý nghĩ bên trong, nhưng tôi lại đến đứng nơi cửa sổ nhìn ra ngoài.

“Cô là ai, cô muốn gì?”

“Tôi không là ai cả. Tôi muốn biết sự thật.”

“Nếu cô có được sự thật, cô làm gì với nó?”

Tôi không có câu trả lời.

“Cô muốn kết tội tôi giết vợ chẳng? Bỏ tù tôi chẳng? Tôi nằm như một khúc cây, nằm ở đây hay ở trong tù thì có khác gì? Cô làm việc cho ai?”

“Tôi không làm việc cho ai hết. Ban đầu thì tôi nghĩ tôi làm việc cho con ông. Nhưng đó là lúc ban đầu. Bây giờ thì không phải vậy.”

“Tôi không có tội gì để nhận. Và cô không có sự thật nào để biết.”

“Vợ ông lang chạ. Vợ ông nghiện rượu. Ông nghĩ bà ấy không xứng đáng được sống. Ông nghĩ ông là công lý, đúng không?”

“Ai nói với cô vợ tôi lang chạ và nghiện rượu?”

“Sophie.”

Ông nói buồn rầu:

“Vợ tôi không phải là người xấu.”

“Nhưng giữa vợ ông và cô Sophie thì ông chọn cô Sophie. Tôi có thể hiểu được. Cô ấy thật hoàn hảo.”

“Trên đời này ít có ai bằng vợ tôi. Không ai hiểu. Chính tôi cũng không hiểu hết điều đó.”

Tôi ngạc nhiên

“Nhưng có một việc vợ tôi không bằng Sophie. Anita không biết làm cho ấm một ngôi nhà.”

Chúng tôi yên lặng một lúc lâu. Cuối cùng ông nói:

“Tôi cần những điều thật bình thường. Vợ tôi không hiểu bất cứ điều gì bình thường.”

Một lúc sau, tôi nghe ngoài hành lang có tiếng xe đẩy những cái khay đựng thức ăn buổi chiều.

Tôi đến bên giường, nắm cánh tay ông để gỡ tay, nhưng ông không còn cảm giác gì ở phần thân thể đó. Ông khóc, và ông không nhấc tay lên để chùi giọt nước mắt đi được. Tôi tự hỏi tại sao trên một thân thể chín mươi phần trăm bất động, cái tuyến nước mắt vẫn làm việc, để làm gì? Tôi tìm một chiếc khăn để lau giọt nước mắt cho ông, nhưng không có khăn, tôi rút cặp mắt kính ra cho ông rồi tôi quệt nước mắt cho ông bằng lưng bàn tay của mình.

Tôi nói:

“Tôi xin lỗi ông vì tôi đã đến ngày hôm nay. Tôi thực sự xin lỗi.”

Tôi nhặt bức thư và những tấm ảnh trên người ông, bên trên lớp chăn. Tôi xé chúng đi và bỏ những mảnh vụn vào giỏ rác ở góc phòng. Tôi vẫn chưa được nghe chính cho tôi biết là ông có giết vợ không. Nhưng giờ này tôi không còn cần biết nữa.

“Tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông nữa. Tôi xin hứa.”

Khi đi đến cửa, tôi nghe tiếng ông gọi:

“Cô ơi, cô...”

Tôi quay lại.

“Tôi không biết tôi sẽ chết một năm nữa, hay là trong tuần này. Nếu may thì tôi chết trong tuần này.”

Tôi không đi nhà thờ, không xưng tội. Tôi cũng không biết cách dùng lời nói... Tôi biết tôi chết thì linh hồn không còn, nhưng tôi vẫn không muốn mang chuyện này xuống mồ.”

“Ông hãy kể câu chuyện của ông với bất cứ ai trong nhà thương này. Hãy tìm một vị bác sĩ hay một cô y tá nào hiểu đời và nhân hậu. Hãy kể cho họ chứ đừng kể cho tôi. Họ biết làm gì với sự thật: họ tha thứ. Còn tôi, nếu biết được sự thật, tôi làm gì với nó? Tôi không biết làm gì với nó hết.”

“Tôi không tìm sự tha thứ. Tôi chỉ thấy quanh quẽ quá... Có lẽ cả đời tôi chưa bao giờ biết nói một câu nào.”

Thật lạ, những người không quen muốn kể cho tôi câu chuyện của họ vì tôi không có câu chuyện nào của riêng mình.

“Tôi sẽ trở lại.”

“Cô mở hộc tủ cạnh giường tôi. Phía trong có một chùm chìa khoá. Đó là chìa khoá nhà tôi. Cô vào nhà, xuống tầng hầm. Có một cái phòng nằm phía sau bồn đựng dầu sưởi, cửa lúc nào cũng khoá. Chìa khoá giấu trong chậu hoa địa liên trong phòng ngủ. Nó nằm lẫn trong rễ. Cô phải đồ đất ra mới lấy được. Tôi giữ các lưu vật của vợ tôi trong đó. Nhờ cô chở chúng đi xa, đi đâu cũng được. Tôi không muốn Michael sau này trông thấy chúng. Nó không biết việc tôi đã làm.”

“Tôi không có xe. Sao ông không nhờ Sophie?”

“Nếu Sophie chạm đến những thứ ấy... Tôi nghĩ là.. Tôi có cảm giác như vợ tôi bị xúc phạm.”

Tôi bỏ chùm chìa khoá vào túi và bước ra. Tôi nói với cô y tá gặp ngoài hành lang:

“Phiền cô vào chùi mặt cho ông Kempf. Ông ấy khóc, mà tôi không có khăn.”

Tôi đến nhà ông Kempf, tìm thấy chậu hoa địa liên đã chết khô, đất trong chậu cứng lại. Tôi nhổ cây hoa và đập đất để lấy chìa khoá một căn phòng dưới tầng hầm. Cánh cửa đã lâu không ai mở. Cái phòng nhỏ chứa mấy món kèm búa để sửa chữa máy đốt lò sưởi và những cái thùng carton không. Một trong những cái thùng đó có một ít sách vở của bà Kempf được bó lại, vài cái đĩa nhạc. Tôi đã sợ phải nhìn thấy những thứ riêng tư nhiều nước mắt như chiếc áo mặc vào ngày cưới, một cái khăn kashmir mềm, một cái khung hình với bức ảnh của hai đứa con trai, gương lược và vòng đeo tay. Nhưng không có những thứ ấy. Tôi nhấc lên từng chiếc thùng giấy, nhìn lên mọi nơi trên mặt kệ. Không còn gì.

Nhưng ở góc phòng, khuất sau những tấm ván kệ gắn vào tường và cánh cửa mở ra để bước vào phòng, có một chiếc hộp đen lớn cao bằng vai người. Tôi nhận ra nó ngay và tìm tôi lạc mất một nhịp. Nó đựng một cây đàn hồ cầm.

Chương 12. Những nốt nhạc là những cánh bướm ma

Ba tháng sau ngày cha nuôi tôi chết, tôi bỏ nhà ra đi, chỉ mang theo chiếc hộp đựng cây đàn vĩ cầm mà ông mua cho tôi năm tôi chín tuổi. Đó là vật duy nhất của tình yêu mà tôi còn giữ, còn chạm lấy được. (Sau này, tôi bán nó để mua một cây đàn lớn hơn. Năm mười sáu tuổi tôi đổi qua đàn hồ cầm).

Sở thanh thiếu niên đưa tôi về sống với một gia đình cha mẹ tạm. Họ có một đứa con gái 9 tuổi, đáng yêu, tôi cũng ước có được một đứa em như thế. Họ theo đạo, nhưng không bắt tôi đi lễ nhà thờ cùng cả nhà. Những chiều chủ nhật, bạn từ nhà thờ của cha mẹ tạm tôi đến nhà chơi, họ gặp tôi, hỏi: "Con khỏe không, Anna Michaela Wienandski? Ai cũng nhớ con." Tôi cúi đầu, nói một lời cảm ơn nhỏ. Một hôm, tôi ngẩng đầu nói tôi không phải là Anna Michaela Wienandski, tôi cũng không muốn ai nhớ tôi. Rồi tôi quay qua xin lỗi cha mẹ tạm và xin phép cho tôi ngày mai trở vào viện mồ côi. Lúc tôi đi, đứa em gái tạm tặng cho tôi một quyển sổ đẹp để viết nhật ký. Quyển sổ ấy nhiều năm sau vẫn còn trắng.

Những năm sau đó tôi sống ở những viện mồ côi, những trại thanh thiếu niên không nhà. Tôi sống không nương nhờ vào sự lo lắng của ai, không chờ đợi một người nào. Điều giúp cho tôi tiếp tục sống không phải là tình yêu, cũng không phải là một tương lai trừu tượng nào ở phía trước. Điều giữ cho giòng chảy của cuộc đời là những công việc nhỏ và một chút tình yêu nhỏ dành cho chính mình được phân lượng dè xẻn mỗi ngày. Tôi cần tự yêu mình đủ để thấy quý mến những gì tôi làm được, điều này đem lại cho tôi sức lực để đi qua một ngày, rồi một ngày nữa. Nếu tình yêu tự dành cho mình quá nhiều, tôi sẽ thương thân, rồi hung nhớ, rồi tuyệt vọng, tôi sẽ có những ao ước làm kiệt quệ chính mình. Buổi sáng, buổi chiều và buổi tối sẽ là những khoảng thời gian cô đơn, dằng dặc, ngày của tôi sẽ sụp đổ. Cái công việc nhỏ giúp tôi tồn tại chính là những giờ học nhạc. Thầy dạy nhạc ở trường trung học nhận dạy vĩ cầm cho tôi ở nhà ông. Tôi giữ những giờ tập đàn thật đều đặn. Nếu thầy cho tôi tập một bản nhạc hay, tôi biết ơn cái đẹp nó mang đến. Cái đẹp của nhạc không giống như của một bài thơ tôi đọc ở trường. Cái đẹp của nhạc không đại diện cho một cái đẹp khác, nó tự tại, không nương nhờ vào kỷ niệm hay ý nghĩa, vào một gian phòng ấm và bàn tay dịu dàng của người mẹ. Nếu nó đem tôi về ký ức thì chính nó là ký ức chứ nó không dẫn dắt tôi đến một vùng đất khác. Âm nhạc không cần lời lẽ. Tôi thích sự im lặng của nó.

Tôi thi đậu vào nhạc viện, học hồ cầm. Tôi đi qua ba năm đầu tốt đẹp. Đến năm thứ tư tôi quy. Tôi không ngại việc học vất vả, hay khô khan. Tôi lạc lõng, đã đuối, rồi đổ vỡ dưới áp lực của thành công và thất bại, của một đời không được phép có lỗi, không được đứng hạng ba.

Mùa thi đến, đêm ngủ tôi chiêm bao thấy mình đi thi. Tôi ngồi chờ ở hàng ghế trống. Tôi được gọi lên bục. Tôi lên dây đàn xong, bắt đầu kéo đàn. Nhưng dây đàn đã biến mất hết, cần đàn không có dây. Tôi không dám ngưng, tiếp tục kéo, lông ngựa căng chạm vào phím gỗ của đàn kêu lạt xạt, lạt xạt. Một đêm khác tôi thấy tôi ngồi kéo đàn, mắt nhìn bản nhạc, nhưng những nốt nhạc bắt đầu bay lơ lửng trên những giòng kẻ, hiện ra rồi biến mất, chập chờn như những con bướm ma. Tôi không hiểu điều gì đã xảy ra. Âm nhạc là tình yêu duy nhất trong đời. Tình yêu to lớn, thực lòng, ngút ngàn. Nó đòi hỏi trọn vẹn con người của tôi, và đó chính là điều tôi cần. Nhưng tôi không biết chuyện gì xảy ra. Có khi âm nhạc tự đến như một cơn gió, chiếm lấy những ngón tay của tôi, hơi thở của tôi, nó như con ốc mượn hồn, nó là con ốc tôi là cái vỏ. Nó chiếm lấy tôi rồi chảy ra khỏi tôi như một giòng suối ung dung óng ả. Có khi nó không đến. Tôi để cây đàn giữa hai chân, tôi nhìn bản nhạc, tôi rờ rẫm phím cần đàn. Tôi hoàn toàn u mê như cái vỏ ốc khi con ốc đã đi rồi. Tôi không có trí thông minh, không có cảm giác và không

biết làm thế nào để có cảm giác. Tôi làm bằng vô.

Tôi bỏ học, đi bung nước nhà hàng. Trước thì vừa đi bung nước vừa đi học bây giờ chỉ còn lại bung nước. Tôi vớt vát sự mất mát bằng cách vác đàn đến tập nhạc jazz với mấy bạn sinh viên nhạc viện, họ đi tìm một chút vui, một chút thăng bằng cho mình trong khi học nhạc cổ điển, chứ không chơi chuyên nghiệp. Buổi tối chúng tôi chơi ở mấy quán dưới hầm. Jazz không làm tôi bớt buồn. Tình yêu với một nhạc sĩ thành công hơn tôi cũng không làm tôi bớt buồn. Tôi bán cây đàn, mua vé máy bay sang Ấn độ học đạo. Không phải đạo Phật, cũng không phải Bà La Môn. Tên gọi của nó tôi không mấy hiểu, nội dung của nó, dù cách nói có thể này hay thể khác, cũng là một con bò thiêng liêng, con người, và tình yêu, tình yêu, tình yêu. Tình yêu vừa là thiên đường vừa là con đường đi đến nơi đó. Cuộc sống đã có câu trả lời rồi: chúng ta chỉ còn một việc cuối cùng nữa thôi: mở con tim ra, và yêu. Tôi lơ mơ cảm thấy trong tất cả những điều hiển nhiên mà họ nói, có một cái gì đó sai rất cơ bản, mà tôi không sao nghĩ ra được đó là cái gì.

Tôi nói với một người lúc đó là thầy tôi: “Con không nghĩ người ta có thể mở con tim ra hoài mà không mất mát một cái gì đó.” Thầy tôi trả lời một câu dài, đại ý tình yêu là một thứ cho đi mà không mất, người cho còn nhận lại bằng năm bằng mười. Tôi không thể ôm nghi ngờ nào về sự thật trong câu trả lời đó, nhưng tôi vẫn không hết băn khoăn về sự mất mát vẫn xảy ra mỗi ngày trong tình yêu. Không phải là sự mất mát khi đam mê không được đáp lại hoặc bị bội phản, mà là sự mất mát lặng lẽ không tiếng động của một phần chúng ta khi sống những năm tháng đắm thắm gần gũi những người yêu mình. Tình yêu thích hòa nhập và san bằng, tình yêu không thích cái phần lưu lạc trong linh hồn chúng ta, những căn nhà ấm không thích những cơn gió ban đêm không tên tuổi. Chúng ta gài cửa nẻo, giữ những cơn gió ở bên ngoài.

Thời của tôi đã quá muộn màng để trở thành một hippie, quá muộn màng để có bạn bè không biên giới, quá muộn màng để gắn hoa trên tóc lang thang tìm chân lý. Tôi đã thôi không mong đợi mình có thể thấu đáo được bất cứ điều gì của cuộc sống. Con người chỉ có thể sống, mở mắt và nhìn và không hiểu, hay nhắm mắt và tưởng tượng ra một cuộc đời đẹp đẽ hơn và dễ hiểu hơn cuộc đời thật. Khi ngồi thiền, tôi nhắm mắt. Đi học đạo giống như một cuộc đi trốn chứ không phải đi tìm. Tôi biết rõ như vậy. Có lẽ để cân bằng lại điều đó, để còn là một người mở mắt, tôi mua máy ảnh, dựng phòng tối. Tôi chụp ảnh, bán được một ít cho mấy tạp chí. Tôi bung nước cho mấy quán bán rượu cho người Âu Mỹ đi du lịch, cũng đủ tiền để không chết đói.

Một hôm thức dậy ở một phòng trọ rẻ tiền ở Rajasthan, tôi không biết mình đang ở đâu. Thường người ta chỉ cần một giây là nhớ lại. Buổi sáng đó tôi hoang mang trong ba mươi giây, và một nỗi sợ to lớn, mịt mùng chột trờn tới. Mất không gian và thời gian, tôi mất cả trọng lực, tôi như đang rơi trong khoảng không. Ba mươi giây vô tận sau tôi mới nhớ lại mình đang ở Rajasthan. Tôi nhớ lại tôi là khách lạ ở đây. Tôi nhớ lại tôi là khách lạ ở bất cứ nơi đâu. Con người không có quê hương giống như một hạt cỏ gió đưa đến bám rễ trên vách đá, tôi biết thân phận của mình rất dễ vỡ.

Tôi vội vã trở về Đức. Máy bay đáp ở phi trường Frankfurt vào một buổi chiều tháng mười hai trời tối sớm. Tôi nhìn ra chiếc cửa sổ nhỏ thấy ánh đèn vàng của những chiếc xe chở xăng dầu hay hàng hóa trên sân bay chiếu những đường ngang dọc vào một bầu trời mờ mờ đục vì sương, nửa sáng nửa tối, mênh mông và bất động. Tôi lại thấy sợ. Nỗi sợ không kinh hoàng như buổi sáng ở Rajasthan, nhưng mà nó chìm xuống thành một nỗi bàng hoàng ngấm vào xương thịt. Tôi biết rõ hơn bao giờ hết là ra khỏi sân bay rồi, tôi không có một nơi nào để đi về, không có cánh cửa nào để tôi xoay chìa khóa bước vào một nơi chốn của mình, không có một số điện thoại của một người thân nào để gọi, con đã về.

Năm đó tôi gặp chồng tôi. Chúng tôi cưới nhau được hai năm chồng tôi mất vì xe rơi xuống núi, ở một đoạn đèo, trong một đám sương mù.

Cuộc đời tôi bị cắt thành nhiều đoạn, và cứ ở mỗi khúc quanh, tôi lại xóa đi cái đoạn trước đó. Có khi tôi ra sông, nhìn giòng nước chảy êm xuôi, trăm năm vẫn một giòng liền lạc, tôi nghĩ giòng sông có trí nhớ còn tôi thì không.

Chương 13. Em, anh và cha

Em

Tôi đến gặp ban giám đốc nhà nuôi trẻ tâm thần để hỏi về Marcus. Họ cho tôi biết nhà trẻ thành lập năm nào, trực thuộc tổ chức nào, trong năm nào có bao nhiêu đứa trẻ được nuôi, vân vân, nhưng họ không cho tôi biết bất cứ điều gì về bất cứ đứa trẻ nào. Chúng được bảo vệ trong sự an toàn của im lặng và của khoảng không. Không tuổi thơ, không quá khứ.

Tôi nghĩ ra một cái tựa cho một bài báo tưởng tượng. "Tại sao em ở đây? - Những câu chuyện của các em sống ở nhà nuôi trẻ bệnh tâm thần" Tôi năn nỉ ông Bauer tìm cho tôi một tờ tạp chí chịu đăng bài ấy và viết cho tôi một bức thư giới thiệu để tôi phỏng vấn ban giám đốc nhà nuôi trẻ.

Tôi được cho biết nhà nuôi trẻ có 122 em. Nhóm I gồm 97 em phát triển bị rối loạn do bẩm sinh (chứng Down, chứng tự kỷ). Nhóm II gồm 25 em do trải qua khủng hoảng tâm lý nặng nề hoặc do nguyên nhân không được biết. Mức độ rối loạn nặng nhẹ và hy vọng hội nhập vào cuộc sống bình thường khác nhau ở mỗi em. Một khi có khả năng hội nhập vào cuộc sống bình thường, các em có hy vọng trở về sống với gia đình hoặc tìm được cha mẹ nuôi.

Nhưng những con số chỉ là những con số, chúng không nói được gì về những mảnh đời có thật. Tôi nói với ban giám đốc tôi muốn có một bài báo trong đó có những con người, không phải những con số. Tôi hứa sẽ không ghi tên thật các em. Họ đồng ý cho tôi xem hồ sơ về trường hợp nhập viện của một em nào đó nếu tôi yêu cầu.

Marcus ở nhóm II, rối loạn do trải qua khủng hoảng lớn hơn sức chịu đựng. Trường hợp của em được chắp nối lại từ nhiều mảnh thông tin thiếu sót và từ những lời kể lại ít ỏi và mơ hồ của em. Nhiều suy diễn và ước đoán đã cần thiết để có được một câu chuyện tương đối tin được về em.

Marcus được một người giữ rừng tên là Maibuchen tìm thấy trong rừng, vào mùa đông, một thời gian ngắn trước khi ông ấy nghỉ hưu. Vào tháng giêng, nhiệt độ trung bình ở miền trung du này âm 8 độ vào ban đêm và âm 2 độ vào ban ngày. Có thể tin là em hôn mê và thân thể giá lạnh trầm trọng. Có thể tin là em bị mất trí nhớ từ lúc ấy. Em vào độ 5 tuổi. Có lẽ vì cô đơn, người giữ rừng không báo và giao em cho công an hoặc sở thanh thiếu niên, mà giữ lại để nuôi. Ông Maibuchen nuôi em cách biệt với xã hội trong một căn nhà tự cất ở trong rừng. Ông ấy có một căn nhà ở thị xã, hầu như bỏ hoang, và có xe hơi. Dĩ nhiên là em không được đi học.

Khủng hoảng tâm lý lần thứ nhất của em vẫn nằm trong bóng tối. Khủng hoảng lần thứ hai đến vào bốn năm sau, khi ông Maibuchen qua đời do truy tim. Người ta tìm thấy em ở trên rừng, suy nhược trầm trọng vì đói, một mình trong căn nhà với một người đàn ông đã chết được hai mươi ngày.

Cảnh sát xem lại hồ sơ trẻ con thất lạc ở Đức và các nước Tây châu Âu trong vòng mười năm cho đến hôm đó nhưng không tìm được báo cáo thất lạc của cha mẹ em.

Trí nhớ của em cho đến năm 6 tuổi không còn. Trí nhớ của em từ 6 đến 10 tuổi có lẽ không mất hẳn, nhưng em từ chối bất cứ ai muốn biết những kinh nghiệm của em.

Em không xem ti vi, trị liệu tâm lý với chuyện tranh và chuyện kể đều bị từ chối. Phát triển ngôn ngữ kém. Phát triển ở các lãnh vực khác như toán và khoa học tốt. Thông thường Marcus là đứa trẻ can đảm, nhưng hay có những cơn khiếp sợ bất ngờ vào ban đêm, có lẽ do chiêm bao. Em không bao giờ kể về chúng.

Anh

Tôi trở lại Treuwasser. Ở nhà số 10 đường Talweg, Sophie mở cửa cho tôi. Tôi nói: "Em muốn gặp Michael."

“Michael không có nhà.”

Chị nhìn tôi rất lâu không nói gì.

“Em đi vừa đi đường xa tới đây. Đường rất xa. Chị không cho em vào nhà chờ Michael được sao?”

Sophie nắm tay tôi kéo sát về phía người chị để chị hôn phía bên trái của tóc tôi. Chị mời tôi vào nhà và đi pha trà.

Trên bàn có một bình hoa. Căn phòng vẫn có mùi thơm êm đềm của trầm và oải hương như hôm nào. Chị mang ra bình trà và hai cái chén màu ngọc rất đẹp.

“Em vừa từ ở đâu đến đây?”

“Em đến từ một nơi xa.”

“Em có chuyện gì kể cho chị nghe không?”

“Không. Không có chuyện gì khác những chuyện chị đã biết rồi.”

“Em có chuyện gì muốn hỏi không?”

“Chị đã trả lời cho em hết cả rồi.”

“Em muốn gặp Michael có chuyện gì?”

“Chuyện riêng của Michael.”

“Chị đưa em về khách sạn chờ, bao giờ Michael về chị sẽ gọi.”

“Em đi thẳng từ nhà ga đến đây. Em không có phòng ở khách sạn.”

“Vậy thì bây giờ lấy phòng.”

“Em không định lấy phòng. Em gặp Michael rồi sẽ đi khỏi Treuwasser ngay.”

“Chị bận xem bài của lũ trẻ, và sửa soạn bài cho ngày mai.”

“Chị cứ làm việc. Em ngồi đây chờ.”

“Chị sợ em phải chờ quá lâu.”

“Bao lâu em cũng chờ. Em chỉ gặp Michael một lần. Sẽ không có một lần nào khác nữa.”

Sophie đứng dậy, chị nắm tay tôi và mỉm cười ân cần, nhưng tôi không hiểu nụ cười của chị.

Chị đi mở nhạc. Một cái đĩa nhạc để ngồi thiền, để tịnh tâm mượt mà như những tấm lụa giăng từ trời. Hôm nay tôi không thấy thích thú nhạc chỉ buông vào trong không gian và không có dấu ngắt đó, nó làm tôi thấy khó thở.

Sophie đi về bàn làm việc của chị.

Tôi bỏ ra đứng nơi cửa sổ nhìn ra hướng có suối. Tôi không nhìn thấy giòng nước, không nghe tiếng suối chảy. Chỉ biết rằng giòng suối ở đó, điều đó làm tôi thấy an tâm hơn. Tôi đứng chờ rất lâu, gần như bất động.

Tôi nghe tiếng xe chạy vào sân, rồi tiếng Michael mở cửa bước vào nhà. Sophie bước đến nói:

“Michael, đây là An Mi, người đã đọc câu chuyện hoang đường Michael viết trong quyển sổ lúc mới đi làm ở khách sạn.”

“Vâng, tôi nhận ra chị. Mời chị ngồi.”

Michael và Sophie ngồi xuống cạnh nhau trên chiếc ghế dài. Tôi đến ngồi trên chiếc ghế đối diện họ. Michael hỏi:

“Tôi được phép cho biết điều gì đưa bà đến đây?”

Tôi thấy ngỡ ngàng. Tôi chỉ gặp Michael trong mấy phút hôm anh trực đêm ở khách sạn. Nhưng từ lâu nay anh là một phần của đời tôi. Anh và tôi đã kể lại câu chuyện duy nhất của mỗi đời người trong cùng một quyển sổ. Chúng tôi đã viết chữ, có lẽ bằng máu, và bằng nỗi chơi vơi vô tận của mỗi người.

Sự lịch sự và xa lạ của anh làm tôi hơi bàng hoàng.

“Tôi muốn nói chuyện với anh. Giữa anh và tôi thôi, đây là một câu chuyện riêng. Xin chị Sophie thứ lỗi cho em.”

Michael quàng tay qua người Sophie ôm cô sát vào mình. Anh nói:

“Bất cứ chuyện gì của tôi Sophie đều nghe được. Chúng tôi có hai tên, nhưng chỉ là một người.”

Họ mỉm cười đầm ấm, dụi người vào nhau.

Nỗi thất vọng chột đến, và càng lúc càng tràn ra, dù tôi chưa kịp biết vì sao. Người tôi cứng lại. Có một bàn tay của ai đó chặn ngang cổ họng tôi. Tôi không nói được.

Michael nhắc:

“Bà mở đầu đi, cả hai chúng tôi đều đang lắng tai đây.”

Tôi mở túi tìm trang giấy tôi đã ghi chép về Marcus đưa cho Michael. Sophie đọc nó trước, rồi đưa qua cho Michael.

Họ không nói gì. Sophie xin phép đi làm cơm và đứng dậy. Tôi tưởng có thể nói chuyện riêng với Michael nhưng anh ấy cũng đi ra nhà bếp để phụ Sophie sửa soạn bữa chiều.

Tôi ngồi lại một mình. Căn phòng vẫn thoảng hương trầm, tiếng nhạc vẫn buông như lụa là, và tôi biết giòng suối bên ngoài cửa sổ vẫn trôi êm đềm. Nhưng tôi thấy mình chơi vui quá. Tôi cố ngồi yên và bình tâm lại, cố không nghe thấy tiếng nhạc và ngửi thấy mùi hương. Nhưng tôi chỉ thấy đang rơi trong một bầu trời đầy những đám mây lạ màu xám.

Tôi nghe tiếng chén đĩa, tiếng Michael và Sophie nói cười. Rồi Michael bày bàn ăn.

Tôi nhìn thấy Michael chỉ đặt lên bàn có hai bộ đĩa ăn đối diện nhau. Anh nói với tôi:

“Tôi có việc phải chạy ra bưu điện. Tiện xe tôi đưa bà ra ga nhé.”

Tôi gật đầu. Lúc ôm hôn tôi ở cửa để già từ, Sophie nói:

“Chị thực sự mong em tìm được an lạc cho tâm linh. Michael đã tìm được điều đó rồi. Mẹ và em Marcus hiện ở Canada, Michael vừa nhận được thư của hai người.”

Cha

“Vợ tôi muốn ra đi. Lúc đó không có cách nào khác giữ cô ấy lại được. Tôi nghĩ là nhìn thấy con dao Anita sẽ sợ. Nhưng đêm đó cô không màng thứ gì nữa cả, dù là cái gia đình này hay mạng sống của mình. Cô ấy chết vào lúc nửa đêm, lúc đó hai đứa con trai ngủ yên trên lầu. Sáng sớm tụi nó tự làm đồ ăn sáng rồi đi xe đạp đến trường. Tôi định chúng đi học về sẽ nói là mẹ bỏ đi rồi. Chúng sẽ tin, vì đã nhiều lần mẹ nói muốn bỏ đi chứ không chết già ở Treuwasser. Marcus tan học trước. Nhưng 12 giờ Marcus không về. Tôi thấy cái xe đạp của nó ở nhà, tôi nghĩ anh nó chở nó đi. Đến 2 giờ Michael về, không có em nó. Nó hỏi Marcus ốm hay sao, sáng gọi cửa phòng Marcus không dậy, nó đi học có một mình. Tôi phải nói mẹ dắt em Marcus bỏ nhà đi rồi. Nó hỏi đi bao giờ về. Tôi nói không bao giờ về nữa. Nó nghe vậy vội chạy đi tìm cái đàn hồ cầm của mẹ, nó biết nếu còn cây đàn ở nhà, thì mẹ sẽ về. Mẹ không thể đi đâu, sống ở đâu mà không có cây đàn. Nó không tìm thấy cây đàn.

Tôi đến nhà cô giáo của Marcus xem nó có qua nhà cô không. Tôi không nhớ tôi nói gì với cô giáo Sophie. Tôi thấy lạnh buốt và quị xuống. Cô đỡ tôi lên ghế nệm, quấn chăn, ôm tôi cho tôi đừng run. Cô hâm rượu ấm cho tôi uống. Tôi ngủ đi một lúc.”

“Ông nói sai thứ tự thời gian rồi. Ông đến nhà Sophie vào buổi sáng, chứ không phải buổi trưa sau khi Marcus không về nhà.”

“Sophie dạy cho tôi khi hoảng loạn thì ngồi như Phật ngồi, nhắm mắt lại, thở sâu. Hít khoảng không vào bên trong mình và để cho nó lắng xuống, lắng xuống mãi. Mọi việc đều yên lành. Tất cả đau khổ đều tại tâm, và muốn diệt khổ thì diệt từ trong, không thể diệt từ ngoài. Sophie đốt hương trầm cho tôi an định lại.”

“Sophie có biết ông giết Anita không?”

“Tôi không nhớ trước khi tôi quị xuống tôi đã nói những gì.”

“Sau đó Sophie không bao giờ hỏi sao?”

“Không. Chính Sophie là người giúp tôi tìm lại sự an lành. Giúp tôi tiếp tục sống và tìm hạnh phúc. Cô ấy luôn luôn nói rằng Anita ra đi không phải là lỗi của tôi. Mỗi người đi theo con

đường thiên mệnh của mình. Nếu hai người có mệnh nghiệp khắc nhau xa nhau, đó là một giải thoát. Tôi không có tội. Không cần phải tự trừng phạt mình.”

“Buổi sáng đó Sophie giúp ông kéo xác Anita xuống hồ có phải không?”

Ông Kempf không trả lời tôi.

“Ông giết vợ để được gần Sophie? Hay Sophie muốn vợ ông chết bằng tay của ông? Hay Sophie là một thiên thần chỉ đến cứu ông sau khi ông đã phạm tội một mình?”

“Tôi xin gặp lại cô để nói lời xưng tội của riêng tôi. Tôi không thể nói gì về Sophie.”

“Tại sao ông không để cho vợ ông ra đi?”

“Anita không có quyền bỏ rơi gia đình của mình. Vả lại, cô không có ai khác trên đời. Cô ấy không phải người xứ này. Máu Do Thái chảy trong người cô ấy. Quê hương cô ấy ở Nga. Cô ấy yếu đuối, cô ấy sa ngã, ra đi chết ngoài đường sẽ còn buồn thảm hơn.”

“Ông không đi tìm Marcus sao?”

“Tôi đi tìm mãi trong nhiều ngày.”

“Ông tìm thế nào thì gọi là tìm? Ông có nhìn tất cả mỗi gốc cây trong rừng, gõ cửa tất cả mỗi căn nhà trên nước Đức không?”

“Cô hiểu là tôi không thể để cho mọi người chú ý đến tôi. Tôi nói với tất cả mọi người là Anita đã dẫn Marcus đi.”

“Vì ông giết mẹ rồi thì phải giết luôn con mình phải không?”

“Marcus chưa chắc là con tôi. Càng nghĩ tôi càng tin rằng nó là con rơi của người khác. Cha ruột nó bỏ rơi nó trước cả tôi. Sophie nói ơn phúc của nó được tôi lo cho từng ấy năm là hết. Phần số nó được bấy nhiêu. Tôi không có tội, không phải tự dằn vặt mình. Tất cả đau khổ đều tự trong tâm mình mà ra. U mê làm cho người ta đau khổ. Nhầm lẫn làm cho người ta đau khổ. Sophie giúp cho tôi diệt khổ từ bên trong. Từ ngày gặp cô ấy tôi sống hài hòa và an bình.”

“Ông có thể an bình được khi một đứa trẻ ông đã nuôi đến năm 5 tuổi đi vào rừng một mình lúc trời lạnh âm 10 độ và ông không biết nó ở đâu?”

“Marcus đã chết ngay vào đêm hôm ấy. Trong cái lạnh đó, chỉ cần quy xuống ngủ là máu sẽ đông lại.”

Không hiểu sao tôi không muốn nói với ông Kempf rằng Marcus còn sống. Khi nói chuyện với ông, người ta chỉ muốn nói những câu chấm dứt chứ không muốn nói những câu thuộc về một câu chuyện còn để mở.

Chương 14. Cây đàn hồ cầm của Anita

Tôi lau bụi cây đàn của Anita bằng bàn tay của mình, bàn tay đã quệt nước mắt cho ông Kempf. Tôi căng lại dây đàn. Tôi vuốt nhựa thông lên những sợi lông đuôi ngựa của cánh cung. Tôi tìm một nơi để ngồi xuống, dang chân ra, đặt cây hồ cầm vào giữa, sát người tôi. Tôi nhắm mắt nhớ lại những nốt nhạc đầu tiên của một bài sonate của Bach và tôi bắt đầu kéo đàn, lần đầu tiên sau bảy năm kể từ ngày tôi đem bán chiếc đàn của mình.

Cây đàn có tiếng vang tuyệt vời. Nó hơi khan và chững chạc, mong manh nhưng không mất tiếng. Tiếng nó đẹp, đồ đầy một không gian bao la vừa dồn dập vừa nhạy cảm. Giản dị đây là một cây đàn quý.

Tôi chơi bị sai nhiều nốt. Tôi nghe thấy mình sai, kịp sửa lại cho đúng, cố không bỏ nhịp. Dù vấp vấp, tôi cũng cứ đi, cứ buông mình theo giòng nước dù có lúc chói với và lạc giọng. Tôi chơi rất lâu, không nhớ tới chỗ ngồi của mình và buổi chiều đang tắt đi ở bên trên, ngoài kia. Lúc chơi nhạc tôi có một ý thức khác, một hồn phách khác, một cuộc đời khác, dường như có một con người ở một cõi riêng không vướng vào những chuyện của tháng ngày hiện tại. Âm nhạc không nằm trong không gian, nó là không gian. Âm nhạc không xảy ra trong thời gian, nó đã trở thành thời gian. Nếu tôi mở mắt ra, buông cây cung kéo đàn xuống, nó sẽ biến mất muôn đời.

Cuối cùng bản nhạc hết, tôi để rơi chiếc cung kéo đàn. Tôi đặt cây hồ cầm dựa tường và tôi ngồi thật im trong bóng tối. Tôi chợt nhận ra rằng tôi đang khóc, không biết từ lúc nào. Khi nước mắt đã bắt đầu rơi, nó không ngưng được nữa. Tôi nhớ lại trọn vẹn nỗi buồn của Anita. Tôi không nhớ lại những câu chuyện buồn đã xảy đến với chị mà tôi đã dần dần biết được, chỉ nhớ nỗi buồn. Những chuyện buồn là những điều riêng lẻ, những mảnh vụn của một cuộc đời không còn nguyên lành. Còn nỗi buồn là một đại dương, trọn vẹn, mênh mông không có các đường viền.

Tôi mang cây đàn của Anita lên trên nhà. Tôi đi tìm gian phòng trước kia chị đã ở. Căn nhà chỉ có ba phòng ngủ, hai phòng cho hai đứa con trai và một phòng của hai vợ chồng, chị không có phòng riêng. Tôi mở tủ tìm tấm trải, phủ nó lên một trong hai cái nệm trần dày và cứng trên chiếc giường lớn và hơi quá cao. Tôi trở xuống hầm lần lượt khênh hai cái thùng đựng những thứ của chị lên để ở giữa phòng. Tôi leo lên giường nằm và nhìn lên cái trần nhà chị đã nhìn vô số những buổi tối trước khi ngủ. Gian phòng không còn một chút mùi hương nào của Anita. Chỉ có mùi của chiếc nệm cũ, mùi của đau yếu và hơi ẩm đọng lại từ nhiều năm. Mùi của một sự chết kéo dài, kiên nhẫn và bất dịch. Tôi thấy sợ. Tôi bước ra hành lang. Tôi đẩy cửa bước vào một căn phòng nhỏ, tôi nghĩ là phòng của Marcus. Vẫn còn đó chiếc giường nhỏ và cái bàn học, nhưng phòng đã trở thành một nơi chứa những thứ không dùng đến, một cái nhà kho không nhiều đồ lắm. Tôi trở qua căn phòng lớn mang cây đàn rồi kéo hai cái thùng đựng đồ đạc của Anita qua đây. Căn phòng này cũng có mùi ẩm mốc, nhưng ít nhất, nó không có mùi của ông Kempf.

Tôi băng qua phòng khách lớn và tối, đi đến nhà bếp nằm bên phải của căn nhà. Tất cả đều hoang tàn. Tôi đứng ở nơi có chiếc cửa sổ nhìn ra ngoài sân, nơi vào mùa đông cuối cùng Michael đã đứng nhìn ra thấy cái xác con chó đã đông cứng nằm bên ngoài, nó chết đã nhiều ngày rồi mà vẫn chưa được đem chôn. Bây giờ chỉ có mình tôi, một người lạ, đến ở cùng âm hồn của người đã chết và âm hồn của những người còn sống. Tôi nhìn ra cửa sổ, không thấy gì, chỉ thấy ánh sáng từ cửa sổ bên trong hắt ra một ánh vàng nửa đục nửa trong rồi ngấm mất vào bóng tối.

Trên mấy tấm ván bắc làm kệ dưới hầm tôi tìm được vài hộp đậu hòa lan nấu với nước muối

loãng. Tôi mang lên bếp tìm đồ khui, mở một hộp đặt trên bàn. Tôi vắn nước rửa một cái muỗng. Tôi ngồi ở bàn múc đậu ăn. Đêm nay tôi sẽ ngủ lại đây, cùng với những âm hồn.

Buổi sáng tôi tìm thấy một chiếc xe đạp trong nhà kho ngoài sân. Tôi tìm thấy đồ nghề, tôi sửa dây sên, canh tay lái, vá ruột xe ngoài kho gần hết một ngày. Buổi chiều, tôi đạp xe xuống thị trấn mua bánh mì, thịt hộp, thuốc gội đầu, bột giặt và thuốc chùi nhà. Hôm sau tôi giặt giũ, lau nhà suốt cả ngày không suy nghĩ và không buồn vui gì cả.

Buổi tối, tôi thắp ngọn đèn ở chiếc bàn học cạnh cửa sổ, ngồi đọc những thứ tôi tìm được của Anita và của Marcus. Nhưng những gì tôi tìm được quá hiếm hoi. Tôi không biết ông Kempf đã đốt đi bao nhiêu sách vở của họ. Anita chỉ còn lại hai cuốn nhạc, tôi mở ra, thấy chị thỉnh thoảng dùng bút chì đánh dấu những đoạn nhạc khó hay tự dặn dò mình phải chơi chậm và nhiều chú ý hơn. Thỉnh thoảng, cũng bằng những nét bút chì mong manh, chị ghi lại dấu đó trên lề những trang nhạc: Tối lúc đi ngủ Marcus bị sốt 39,5 độ, buổi sáng 38 - Michael không thích nhạc. Marcus thích ngồi nghe tôi chơi, nhưng bảo cậu học cậu cũng lắc đầu - Tại sao tôi không mơ những giấc mơ khác, những giấc mơ khác, những giấc mơ khác - Mùi hương gió thoảng bên đường nghe còn quen thuộc hơn hơi thở của anh ấy.

Một đời người chỉ để lại bốn giòng ngắn viết bằng bút chì trên lề giấy. Hai giòng dành cho con, hai giòng kia thật bằng quơ. Chỉ có vậy thôi sao? Tôi không biết Anita có một cuốn sổ ghi chép nào không. Nếu có, hẳn ông Kempf đã đốt đi rồi.

Tôi dỡ từng trang hai quyển sách nhạc, cố tìm thêm một ghi chú nào đó. Chợt tôi thấy hai tờ giấy xé ra từ vở học trò gấp lại, nằm ở giữa những trang nhạc. Có thể Anita trước khi vứt đi một quyển sổ nhật ký viết lúc còn rất trẻ, đã xé ra và giữ lại vài trang ghi chép mà chị không muốn đánh mất, nhưng cũng không biết phải giữ nó ở đâu..

Đây là một trang giấy trắng. Trên đó có những đường kẻ song song, những chấm đen, những vệt cong. Đây là âm nhạc. Tại sao những tần số rung dài ngắn khác nhau của âm thanh, kéo dài trong một khoảnh khắc nào đó; tại sao những khoảng cách lên xuống từ một vệt đen này đến một vệt đen khác lại nói với chúng ta được câu chuyện của riêng nó?

Có những lúc tôi nhìn một trang nhạc, dù bản nhạc ấy tôi đã từng chơi, tôi vẫn không nghe thấy gì hết, như lúc người ta dỡ ra một cuốn sách chép bằng một thứ cổ tự mà họ chưa khám phá ra cách đọc. Cũng có lúc tôi dỡ ra một trang nhạc trước mặt mình trong một căn phòng yên lặng và tôi nghe thấy tiếng trôi của nước, tiếng kêu của một loài chim nhỏ dưới một bầu trời mây vẩn vù u buồn. Mắt tôi lướt theo những chấm đen trôi trên những đường kẻ song song, và tôi nghe hơi tê đau ở những đầu ngón tay như khi tôi đang nhấn trên những dây đồng dù lúc đó tôi đang ngồi bất động trong một gian phòng hoàn toàn im lặng.

Khi tập đàn, tôi đặt những chấm đen trên những đường kẻ song song lên cây đàn bằng những đầu ngón tay của tôi. Dẫu chơi đàn đã lâu nhưng tôi vẫn còn cảm giác hơi đau ở những ngón tay bấm phím. Cảm giác đau đau đó là một phần của công việc tạo ra âm thanh. Như độ cao của mặt ghế tôi ngồi, như một chút hơi ẩm của mồ hôi trong lòng bàn tay, như độ nghiêng rất khẽ của chiếc hồ cầm buồn bã dựa vào tôi. Và tôi ngồi tập đàn giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác, năm tháng và tuổi tác của tôi tan biến đi, ý niệm thời gian chỉ còn nằm trong những khoảnh khắc của những nốt nhạc rơi rớt theo nhau. Mới đầu mắt tôi dẫn tôi đi theo đường đi lên xuống của những chấm đen trên những đường kẻ song song. Nhưng sau đó những chấm đen đó bị quên mất và tôi đi theo âm thanh đã trở thành ký ức. Những ngón tay trái bấm phím và những ngón tay phải cầm thanh kéo cũng có ký ức của riêng chúng.

Khi chơi nhạc tôi cảm nhận được cả thân thể mình hơn bao giờ hết. Ý niệm và cảm xúc chảy theo tất cả những mạch máu trong người đến những đầu ngón tay và thoát ra ngoài bằng tiếng nhạc. Chúng thoát ra như thế nào vẫn là một bí mật muôn đời. Nhiều lần, nhiều lần lắm, sự màu nhiệm ấy không đến và tôi nhốt mình trong vô số những giờ tập đàn lăm than, những đầu

ngón tay tôi tím đi vì tuyệt vọng.

Mùa đông qua tôi chỉ chơi Dvorak. Khi kỹ thuật mới tạm xong, tôi vẫn chưa cho phép mình đem những cảm xúc riêng tư vào bài nhạc. Tôi sẽ ở một nơi âm thanh chỉ chuyên chở chính nó chứ không có điều gì khác. Tôi không có kỷ niệm, chữ viết, hình ảnh, ước mơ. Chiều sâu và nỗi buồn là của những khoảnh khắc ở giữa những nốt nhạc chứ không phải của một kỷ niệm nào đó tôi đang nhớ tới. Một hôm nào đó khi đoạn nhạc tôi chơi đã đủ mạnh mẽ để tồn tại như một bài thơ toàn vẹn bằng âm thanh, tôi sẽ thả nó bay qua rừng núi, biển cả và lịch sử của riêng tôi. Tôi sẽ vẫn ngồi rất cô đơn trong căn phòng đóng cửa. Tôi sẽ nhớ tới tiếng sóng âm thầm dưới đáy sông của giòng sông mênh mông nơi quê hương ở miền Đông, nhớ tới màu tím ngắt của bầu trời tôi thấy vào năm mười bảy tuổi. Nỗi buồn của tôi sẽ là vực thẳm để tiếng nhạc tôi rơi vào đó. Tôi chưa nhìn thấy đáy của cái vực thẳm đó.

Một tờ giấy khác xé từ cùng một quyển vở, chỉ chép có nửa trang...

Buổi tối, tôi nằm trong căn phòng tắt hết đèn, với tất cả cửa mở ra ngoài khoảng sân ngập ánh sáng và bóng tối của con trăng hạ tuần già cỗi. Có khi chồng tôi đến ngồi hút thuốc lá ở cửa sổ. Tôi chỉ thấy bóng của anh, chỉ thấy đường nét của một người ngồi được đóng khung trong thành gỗ của cửa, còn thân thể của anh thì tan vào đêm tối. Đêm tối một nửa là thực, một nửa nằm trong giấc ngủ. Và nơi anh ngồi làn khói bay lên từ cái chấm sáng của điếu thuốc lá, đằng sau là ánh trăng đang thở thật chậm, phả ra một vùng sáng mờ lặng.

Chúng tôi không nói với nhau một lời nào. Có thể anh không biết tôi đang ở trong phòng, hoặc anh nghĩ tôi đang ngủ. Tôi muốn tưởng tượng anh có một chuyện gì đó đang kể cho tôi nghe, một câu chuyện không có tiếng nói bởi vì tôi đang ở một nơi khác nên không thể nghe nó. Mà tôi đang ở một nơi khác thật, bởi vì tôi đang nghe một bài hát của Brahms, Người thổi đã biết buồn. Tôi nhớ tới giọng hát của người đàn bà đã hát bài đó và thâu vào đĩa, tôi đang nghe nhạc bằng trí nhớ. Và tôi cứ nằm rất im, tan biến đi trong tiếng hát không có đó, trong nỗi buồn ai đó gây cho người mình yêu đã từ hơn một thế kỷ trước.

Đêm đó tôi nằm mơ thấy Anita. Không hẳn là tôi thấy chị, mà là thấy cái khung cửa sổ trước mắt chị, khung cửa nhìn ra khu rừng bên ngoài. Chị ngồi im trên chiếc ghế đặt giữa phòng quay mặt ra ngoài. Chị giữ lưng thẳng, cổ thẳng, tôi thấy gương mặt của chị, nhưng không có nét. Rồi chợt dừng tôi thấy những gì chị thấy, như chính tôi là người ngồi trên chiếc ghế đó nhìn ra ngoài. Những cây thông màu xanh thẫm, gần như đen, đứng yên trong một ngày không gió. Bầu trời giăng đầy mây màu xám bất động, chỉ còn một chút vàng yếu ớt ở một góc xa mờ nhạt. Đóng khung trong cái khung cửa sổ bằng kính hình chữ nhật, bầu trời và rừng thông đã mất đi không gian. Chúng là một ý niệm về một ngày đông không có tuyết hơn chính chúng là cái ngày đông đó. Rồi hình như người đàn bà ngồi trên chiếc ghế cũng chỉ là ý niệm về Anita chứ không phải chính là Anita. Trong gian phòng của giấc mơ, Anita khi có khi không. Đôi khi tôi nhìn thấy cái ý niệm về chị, đôi khi tôi mất cái ý niệm đó, chỉ còn tôi trong phòng, tôi là Anita. Hay tôi không phải là chính chị, mà là cái ý niệm về chị ấy.

Hai giờ đêm tôi thức dậy nằm nhớ lại giấc mơ. Trí nhớ mông lung, chập chùng. Tôi vẫn còn ý thức, còn ý nghĩ, nhưng tôi không kiểm soát được giòng chảy của nó.

Anita đứng bên cạnh khung cửa sổ màu đen, vẫn gương mặt không nét đằng sau một làn sương.

“Chị Anita, chị đã chết rồi, chị hãy đi đi, đừng trở về, đừng làm em sợ.”

“Cô là ai mà đến nhà tôi?”

“Em là An Mi.”

“Tại sao cô chơi nhạc bằng cây đàn của tôi?”

“Chồng chị giết chị. Con trai lớn của chị hứa sẽ báo thù. Nhưng rồi nó bỏ rơi chị. Mọi người đã quên chị. Em cứ nghĩ tới chị.”

“Người ta có nhớ hay quên thì tôi cũng đã chết rồi An Mi à. Cô nhìn lại mình đi kìa: cô còn sống, cô lang thang qua bao nhiêu chuyến tàu u buồn, có ai nhớ cô không?”

“Không. Em không còn ai trên đời là người thân.”

“Vậy thì cô nghĩ tới cô chứ đâu phải nghĩ tới tôi. Cô chỉ mượn tôi để có cớ ngồi khóc về chính mình thôi.”

“Em hứa sẽ không khóc nữa.”

“Cô còn ngồi khóc như thế thì không ra đi được đâu. Còn buồn tủi, còn thương lấy tấm thân, làm sao xa rời nó đi được.”

“Em sẽ không thương thân nữa, để có thể chết được. Chị Anita ơi, nếu bây giờ có ai cho chị sống lại, chị có muốn sống lại không?”

“Sống lại? Có lại da thịt để biết ấm lạnh? Có lại đôi tay để chơi đàn? Và con tim để buồn thương?”

Tôi không ngờ câu hỏi làm cho Anita chột run lên. Chị bàng hoàng quay đi, bước ra khỏi cửa, đi vào bóng đêm, vừa đi vừa kêu những tiếng kêu lạ lùng vừa như tiếng sói gọi trăng, vừa như tiếng hồ cầm lạc giọng. Tôi chạy theo chị để xin lỗi đã hỏi một câu như vậy. Tôi ra khỏi nhà, không còn thấy chị đâu. Tôi đi vào bóng đêm, tôi lần theo tiếng kêu vắng lại từ một nơi nào đã xa, xuyên qua cây rừng và gió đêm, tôi đi mãi, đến lúc chính tôi cũng tan biến đi vào bóng đêm trong lúc mải mê tìm Anita.

Chợt có một người ôm lấy tôi, ý thức tôi nhạt nhòa đi, lẫn vào trong người đó, lẫn vào bóng tối, chiêm bao, giấc ngủ. Tôi vẫn còn nghe tiếng kêu như sói gọi trăng vắng lại từ phía trước, nhưng dường như những tiếng kêu ấy là của chính tôi.

Chương 15. Tuổi thơ nào cho Marcus

Ngày thứ ba người vợ từ căn nhà mà tôi đã hỏi đường đến thăm. Bà ấy đứng ngoài đường kêu réo vì cổng khóa và tôi đã tắt chuông. Bà ấy hỏi tôi làm gì trong căn nhà của ông Kempf. Tôi nói ông ấy nhờ tôi đến quét dọn. Tôi cầm chùm chìa khóa đặt lên bàn để bà ấy biết rằng ông ta đã đưa chìa khóa cho tôi chứ tôi không phá ổ khóa mà vào. Bà ấy hỏi tôi quen thế nào với ông Kempf. Tôi nói tôi làm việc ở Trung tâm hồi phục, nơi đang chăm lo cho ông Kempf. Bà ấy hỏi:

“Cô là bác sĩ hay y tá?”

“Y tá”

“Cô chăm sóc cho ông ấy à?”

“Vâng.”

“Bệnh tình ông ấy thế nào?”

“Gọi là Trung tâm Hồi phục nhưng chúng tôi cũng nhận những người không hồi phục. Ông Kempf thuộc về loại này.”

“Ông ấy không cử động được cả người à?”

“Cái đầu thì được.”

“Cô săn sóc cho ông Kempf thì làm những việc gì?”

“Bà có thể tưởng tượng ra được.”

“Cô cho ông ấy ăn bằng thìa hay bằng ống dẫn?”

“Tôi không nghĩ là tôi được nói về bệnh tình của bệnh nhân với người lạ.”

“Chúng tôi không phải là người lạ. Chúng tôi là hàng xóm.”

“Hàng xóm không phải là người thân.”

“Chúng tôi thân với ông Kempf hơn cô. Chúng tôi biết nhau đã gần ba mươi năm. Cô không biết từ đâu tới đây.”

Tôi không trả lời.

Tôi nghe tiếng xe gầm rú giận dữ và ngừng lại. Michael bước nhanh vào nhà.

“Nếu chị không rời khỏi căn nhà của chúng tôi ngay lập tức, tôi sẽ gọi cảnh sát.”

“Cảnh sát tới, tôi sẽ nói với họ lý do tôi ở đây.”

“Lý do nào?”

“Tôi ở đây là để tìm hiểu sự thật về những điều anh viết trong quyển sổ bìa da anh đã đưa cho tôi.”

“Tôi không có viết gì hết. Không có quyển sổ nào hết.”

“Michael, dù anh có muốn chối bỏ những điều anh đã viết vì anh muốn xóa tội cho cha, thì anh cũng phải nghĩ tới em Marcus chứ. Marcus đang rất cần một người thân.”

“Tôi cũng cần một người thân.”

“Tại sao người đó là Sophie mà không phải là đứa em trai?”

“Bà không có quyền chen vào chuyện tình cảm của Sophie và tôi. Với bà không còn một thứ gì trên đời này là thiêng liêng hết hay sao?”

Tôi thấy Michael giận dữ, anh hơi run và mặt tái đi. Tôi biết mình không thể nói gì thêm. Tôi đã thua hết, mất hết. Những tháng năm đi lầm than một mình đi tìm Marcus.

“Có, có một thứ đối với tôi là thiêng liêng trên đời này. Đó là tình anh em. Đừng bỏ rơi Marcus.”

Tôi ngạc nhiên vì chính miệng mình đã nói ra câu đó. Tôi là một cô gái mồ côi. Tất cả mọi cố gắng để có một người thân đều đã không thành. Tôi không tin ở tình yêu. Tôi biết gì về tình anh em?

“Không ai bỏ rơi Marcus. Mẹ tôi bỏ nhà đi, và dẫn nó theo rồi.”

Michael nhắc tới mẹ làm cho tim tôi chột nhói lên. Tôi gắng nói chậm để câu nói không chứa xúc động:

“Anita đã chết rồi. Cha anh giết mẹ anh. Từ năm 13 tuổi, anh đã biết điều ấy.”

“Bà đã bị điên, chị hoàn toàn loạn trí rồi. Bà nên đi gặp một bác sĩ thần kinh, không phải là một nhà tâm lý học, mà là một bác sĩ thần kinh.

Và tôi không để cho một người điên tới chiếm ngụ bất hợp pháp căn nhà của chúng tôi. Sophie đã gọi cho cảnh sát rồi.”

Đáng lẽ tôi phải cho Michael xem cây đàn của Anita, nhắc rằng mẹ anh không bao giờ đi đâu, sống ở đâu mà không có cây đàn. Nó còn đây nghĩa là Anita chưa từng đi khỏi căn nhà này. Nhưng có một điều gì, không phải là một điều gì, mà là một ai đó ngăn tôi lại. Người đó là ai? Có thể là ông Kempf. Dù ông ấy là người thế nào, tôi cũng không thể làm sai điều quan trọng cuối cùng của một đời người mà ông đã nhờ tôi, tôi và không còn ai khác. Hay người đó là Anita. Chị không muốn cây đàn về với Michael, hay là Sophie. Cây đàn cũng có một cái hồn biết thấy tổn thương và u uẩn.

Sau khi Michael đi rồi, tôi gọi điện thoại cho nhà ga. Chuyển tàu cuối trong ngày rời Treuwasser lúc 9 giờ 40. Tôi mang theo chiếc hồ cầm của Anita. Tôi sẽ đem nó đến cho Marcus. Đây là một cây đàn quý. Ước gì em sẽ học chơi được nó một ngày nào đó. Nếu không, nó cũng đáng giá một khoản tiền lớn khi bán đi. Tôi về khách sạn trả phòng rồi mang cây đàn và hành lý lên tàu, bỏ lại phía sau cái khung cửa sổ nhìn ra cánh rừng thông màu xanh thẫm vào những ngày không gió. Khung cửa mà trong giấc mộng của tôi, Anita đã ngồi trên ghế nhìn ra.

Tôi ngủ đêm tại München và lấy chuyến tàu sớm đến H vào lúc 7 giờ rưỡi sáng. Từ đó lên Weilenthal còn mất 17 cây số, nhưng tôi phải chờ gần 2 tiếng mới có tàu để đi tiếp. Tôi sẽ giao cây đàn cho ban hiệu trưởng Nhà nuôi trẻ tâm thần nơi Marcus đang sống. Trên suốt đoạn đường đi tôi thấy lòng hắt hiu, buồn thăm thẳm. Trước mặt tôi là khoảng trời mênh mông, không còn lại một thứ gì trên đời, không còn một tình yêu nào, một kỷ niệm nào trong tôi. Tôi sẽ khép lại cái khoảng đời hai năm tìm kiếm Marcus. Hai năm vay mượn, tôi đã sống bằng câu chuyện của người khác, đã nuôi thân thể mình bằng máu từ nhịp đập trái tim của họ, người chết và người sống. Hai năm tôi lạc vào một cuốn phim. Nhiều lúc tôi không biết mình có hiểu nó hay không. Nhiều lúc tôi không biết cuốn phim kể một câu chuyện thật về gia đình Kempf, hay là một cuốn phim về những ảo giác của chính tôi. Nhiều lúc tôi đi trong cuộc đời như người mộng du, bập bênh ở giữa đời thật và chiêm bao. Trong khoảng đời mộng lung đó, cây đàn là thật. Nó kể cho tôi nghe rằng Anita là thật. Nó nhớ lại những ngón tay của chị đã bấm trên phím, còn để lại những vết mờ trên dây đồng. Nó nhớ lại bờ vai nó đã dựa vào, nhớ hơi thở và nỗi buồn của chị. Cây đàn là vật đã gắn bó tôi với Anita. Tôi đã chơi cây đàn của chị, tưởng mình là Anita, đã mơ những giấc mơ, buồn những nỗi buồn của chị. Tôi đã mang nỗi uất ức của người chết, đã thương nhớ sự sống, quý báu cái da thịt, cái thân thể còn biết ấm lạnh. Nhưng cây đàn không phải là của tôi, tôi phải trả lại nó cho đứa con trai nhỏ của Anita. Trả nó lại rồi, tôi có còn câu chuyện nào, tình yêu nào, sự thật nào để tôi chạm lấy được? Còn kỷ vật nào cho tôi biết rằng tôi cũng đã sống trong một câu chuyện thật, dù rất buồn, nhưng là một câu chuyện thật?

Tôi xin gặp ông hiệu trưởng nhà nuôi trẻ phát triển không bình thường. Vì không hẹn trước, tôi phải chờ đến 11 giờ 30 mới gặp được ông.

“Tôi biết một đứa con trai sống dưới sự bảo bọc của mái nhà này. Tên em là Marcus Maibuchen. Tôi mang đến cho em cây đàn hồ cầm, nó là của em.”

“Nhưng Marcus đâu có biết chơi đàn. Ở đây cũng không có ai dạy đàn. Ngay cả một lớp nhạc cũng không có.”

“Đây là một vật có giá trị, mong ông cất giữ nó giùm cho Marcus. Biết đâu có ngày em sẽ học chơi hồ cầm. Hay lúc trưởng thành em có thể quyết định bán nó đi.”

“Ồ, chúng tôi không nhận đâu. Chúng tôi đâu có biết cất nó ở đâu.”

“Không lẽ trại không có một nơi cất giữ những thứ quý giá?”

“Không. Cái hộp đàn này cồng kềnh chứ có nhỏ đâu. Nếu Marcus giữ nó trong phòng, hay để ở phòng đọc sách, rơi vào tay bọn trẻ là chúng phá hỏng hay đập vỡ trong 3 phút.”

Tôi nhớ lại những năm ở viện mồ côi, giữ một cây đàn trong phòng không phải là chuyện dễ. Bọn trẻ chỉ chờ chực mở nắp hộp đàn rồi dùng hết sức lực đập các cây cung kéo đàn lên thùng đàn rầm rầm, nếu tôi phản đối, năn nỉ hay khóc lóc chúng càng làm già.

“Tôi biết làm gì với cây đàn này bây giờ?”

“Bán nó đi. Cô có thể tặng tiền cho Nhà nuôi trẻ qua Hội Bảo trợ, cô sẽ được trừ thuế. Tôi không biết cây đàn này đáng giá bao nhiêu. Nếu cô muốn dành trọn số tiền đó cho riêng Marcus thì cô có thể mở một tài khoản dành cho em, năm 18 tuổi Marcus sẽ là chủ nó. Nhưng em có được quyền dùng số tiền đó vẫn còn tùy sức khỏe tâm thần của em có cho phép em làm chủ đời mình không. Nếu không, người đại diện của em sẽ quyết định.”

“Người đó là ai?”

“Chúng tôi không biết. Hiện giờ thì sở Thanh thiếu niên là người đại diện, nhưng lúc em lớn hơn thì là một sở khác.”

“Ông không nhận giữ dùm cây đàn thì tôi đành phải mang nó về vậy.”

Tôi đứng dậy để ra về, nhưng ông hiệu trưởng không đứng dậy để tiễn tôi. Ông vẫn ngồi ở ghế và tiếp tục như thể buổi nói chuyện chỉ vừa mới bắt đầu.

“Cô có chuyện gì để kể cho tôi chẳng?”

“Chuyện gì?”

“Không ai đem một cây đàn hồ cầm đến tặng một cậu bé bị bệnh tâm thần mà không có một câu chuyện đi kèm theo.”

Tôi yên lặng nhìn về hướng bức tường sau lưng ông hiệu trưởng, nơi đó có một khung cửa sổ. Tôi nhìn qua cửa sổ, ngoài xa có những cây thông trên sườn đồi nhưng mắt tôi không thấy rõ nét, chúng đứng trong một màn sương. Tôi không biết cách kể câu chuyện này, tôi đã làm mất khoảng cách giữa người kể chuyện và câu chuyện.

“Tôi có lý do để đem cây đàn tới đây cho Marcus, nhưng tôi không thể kể cho ông nghe về lý do đó. Tôi không thể bán cây đàn. Sau này Marcus không biết làm gì với nó, em có thể bán nó đi, không phải tôi. Và câu chuyện của em, tôi ước ao có một người nào kể cho em, một người nào khác, không phải tôi.”

“Cô nghe đây: Marcus bị chứng PTSD rất nặng vì đã trải qua những ngày khủng khiếp. Em bị mất trí nhớ và mất khả năng giao thiệp với người chung quanh. Cô sống ở một nơi gọi là trái đất. Còn Marcus, em tự cô lập mình, sống ở một nơi gọi là mặt trăng, trên đó rất lạnh, rất trống, hoàn toàn vắng người. Để giúp các bác sĩ thần kinh và các nhà phân tích chữa bệnh cho em, chúng tôi cần thu thập tất cả những gì chúng tôi có thể biết về lịch sử của Marcus, chuyện gì đã xảy ra với em. Các bác sĩ chỉ hy vọng chữa được bệnh nếu họ biết phải bắt đầu từ đâu. Sở Thiếu niên và Tòa án cũng cần xác nhận lai lịch của em. Từ hơn ba năm nay, những gì chúng tôi thu thập được là không. Chúng tôi không biết em là ai. Hôm nay cô tới với một món quà rất lạ, rồi cô nói cô biết câu chuyện của Marcus, nhưng không kể được. Cô tưởng chúng tôi sẽ để cho cô ra về trước khi kể nó sao?”

Tôi chơi vơi. Kể lại câu chuyện này là việc quá sức tôi. Tôi không còn quyển sổ của Michael, không còn lời thú tội của ông Kempf, tôi chỉ còn lại sự thật của riêng tôi, tôi biết rằng nó đúng, nhưng nó mong manh, họ chạm vào, nó sẽ vỡ. Sự thật đó, tiếng kêu của một loài chim nhỏ dưới một bầu trời mây vẩn vù u buồn của Anita, là điều tôi không thể chia sẻ được với ông hiệu

trưởng, các bác sĩ, các nhân viên sở Thiếu niên và các thẩm phán ở tòa án. Tất cả những người tôi gặp trong làng đều chống lại Anita, với họ, chị nghiện rượu và lang chạ. Tôi đưa em trở về cái quê hương ấy, với một người cha sát nhân nay đã bán thân bất toại, với một người mẹ đã bị giết hai lần, một lần bởi người cha đó, bằng một con dao, và một lần sau đó bởi những người khác, bằng lời nói. Để làm gì, và điều đó giúp gì được cho em bình phục?

“Ông không muốn nhận dùm cây đàn, thì tôi mang nó về. Ông cứ xem như tôi không hề đến đây sáng nay. Tôi xin lỗi vì một tiếng đồng hồ ông mất để tiếp tôi.”

“Cây đàn – lúc này cô có nói là nó rất quý – hoàn toàn không có nghĩa lý gì hết. Nó chẳng giúp gì được cho Marcus. Em không cần nó. Câu chuyện mà cô biết nhưng không muốn nói, nó có thể cứu em. Đó mới là món quà quý mà chúng tôi muốn nhận thay cho em, không phải cây đàn.”

“Tôi xin lỗi phải làm ông thất vọng. Tôi không có câu chuyện nào để kể.”

Ông hiệu trưởng ngưng một phút rồi bắt đầu lại:

“Cô biết cha mẹ ruột của Marcus phải không?”

“Không.”

“Cây đàn này từ đâu ra?”

“Nó là của tôi?”

“Cô mua nó hay ai tặng nó cho cô?”

“Một người bạn gái rất thân tặng cho tôi?”

“Người bạn gái đó là ai?”

“Nếu ông muốn thì hãy gọi cho cảnh sát, nhờ họ giữ tôi lại, hỏi cung chuyên nghiệp hơn. Nhưng tốt hơn ông nên tin tôi rằng tôi không có câu chuyện nào về Marcus có thể giúp em bình phục cả. Tôi chỉ là một người lạ.”

“Nếu cô nhất định không chịu giúp chúng tôi thì cô mang cây đàn về đi và nhớ là chúng tôi không có lý do gì để tiếp cô một lần nữa dưới mái nhà này. Đừng đến nữa.”

“Tôi không có ý định trở lại. Nhưng xin ông cho tôi gặp Marcus một lần này thôi.”

“Để làm gì?”

“Ông không cho thì thôi vậy.”

Tôi đứng dậy, khiêng cái hộp đàn đi ra khỏi cửa. Khi tôi ở ngoài hành lang rồi, ông hiệu trưởng mới nói:

“Nếu cô không chê thức ăn ở căn tin thì tôi xin mời cô buổi trưa.”

Ông giúp tôi đem cây đàn trở vào phòng. Ông khóa cửa và chúng tôi đi đến căn tin.

Phòng ăn có những khung cửa rộng nhìn ra những ngọn đồi, bên ngoài trời không có nắng, những ngọn đồi ở xa tan dần vào làn sương nhạt. Ông hiệu trưởng hỏi tôi từ đâu đến, tôi nói tôi không có một quê hương nào, hoặc có, mà tôi không biết. Tôi định nói tôi cũng lớn lên từ những viện mồ côi, nhưng tôi không nói. Trong bữa ăn, chúng tôi yên lặng.

Sau bữa trưa, ông hiệu trưởng đồng ý cho tôi gặp Marcus. Ông đưa tôi đến phòng học, chúng tôi đứng ngoài hành lang nhìn vào. Marcus vẽ màu sáp lên những tấm thẻ, và sắp xếp chúng theo một thứ tự nào đó. Trông em hơi buồn, nhưng bình thường và đáng yêu hơn tôi tưởng. Ông hiệu trưởng xin phép cô giáo cho em ra khỏi lớp. Chúng tôi đi về phòng em. Ông hiệu trưởng giới thiệu tôi:

“Đây là cô An Mi.”

Marcus không nhìn tôi. Em đến ngồi ở mép giường. Em thấy bất an vì có người lạ. Đôi mắt của em đẹp, em thu hút tôi, có lẽ vì cái khoảng không buồn buồn của em, có lẽ vì em sống ở một nơi lạnh và vắng, ở mặt trăng, như ông hiệu trưởng nói. Tôi cũng thấy bất an.

Không hỏi ý tôi trước, bắt ngờ ông hiệu trưởng nói:

“Cô An Mi có mang đến một cây hồ cầm để chơi nhạc cho em nghe. Em có muốn nghe

không?”

“Có.”

Marcus trả lời có vì nói có dễ hơn nói không. Tôi biết em chẳng suy nghĩ gì.

Ông hiệu trưởng đi lấy cái đàn. Chỉ còn lại tôi và Marcus trong phòng. Em tránh mắt tôi, mãi nhìn cái khung cửa nơi ông hiệu trưởng đã đi ra.

Tôi lấy đàn ra và lên dây. Trong hộp đàn có quyển sách nhạc của Anita. Tôi mở ra tìm một đoạn quen của Dvorak, một đoạn Anita đã chơi và ghi chú bằng viết chì lên bản nhạc. Không có giá để bản nhạc, tôi nhờ ông hiệu trưởng đặt ghế ngồi đối diện tôi, cầm bản nhạc để mở trước mặt tôi.

Marcus không bao giờ nhìn tôi, nhưng khi bản nhạc hết, em chợt quay đầu nhìn cái đàn chăm chăm. Tôi hỏi em:

“Em có muốn lại gần đây xem cây đàn không?”

Marcus lắc đầu. Tôi dựng cây đàn vào tường và trở lại ngồi trên ghế. Tôi muốn nhìn em, nhưng tôi đành lơ đãng nhìn ra cửa sổ, vì tôi biết em tránh ánh mắt tôi. Marcus ngồi nhích dần tới chân giường, nghĩ ngợi một lúc rồi đứng dậy đi tới chỗ tôi dựng cây đàn. Những ngón tay em chạm lấy đường cong của thân đàn, rồi em vuốt nhẹ lên mặt gỗ. Có một thoáng gì như là ánh sáng trong mắt em. Trong một giây, dường như em vừa tìm được một vật của quá khứ, một dấu vết dẫn em về một tuổi thơ có mẹ.

Nhưng cũng có thể chỉ do tôi tưởng tượng mà thôi.

Ông hiệu trưởng hỏi Marcus:

“Con thấy bài nhạc có hay không?”

Marcus không trả lời.

“Con có muốn mai mốt cô An Mi đến đàn cho con nghe nữa không?”

Marcus nói nhỏ:

“Không.”

Rồi em lập lại ba lần, mỗi lần em lại nói lớn hơn lần trước một chút:

“Không. Không. Không.”

Em muốn người ta hiểu thật rõ câu trả lời.

Ở văn phòng tôi nói với ông hiệu trưởng:

“Xin ông giữ giùm cây đàn cho Marcus. Ông nói là ông không biết cất nó ở đâu, nhưng tôi biết nếu ông muốn, ông sẽ tìm được chỗ.”

“Tôi không muốn.”

“Tại sao?”

“Trao được cây đàn cho tôi rồi cô sẽ không quay lại đây nữa.”

“Nếu tôi cứ để nó đây và đi về thì sao?”

“Tôi sẽ đi theo cô.”

Tôi không nói gì.

“Hãy hứa là cô sẽ trở lại.”

Tôi vẫn không nói gì.

“Tôi sẽ nói chuyện với bác sĩ của Marcus để nghe ý của ông ấy về chuyện này. Cô sẽ trở lại, cô hứa với tôi đi.”

“Tôi phải đi xa. Trước khi đi tôi mang cây đàn đến cho em. Nếu các ông không nhận thì tôi vẫn phải đi.”

“Tôi biết là cô sẽ trở lại. Và cô biết rằng tôi chờ. Marcus cũng vậy. Chúng tôi luôn luôn chờ cô trở lại.”

Chương 16. Đêm dài không chiêm bao

Tôi về đến khách sạn lúc 7 giờ chiều. Tôi bỏ bữa ăn tối, đi ngủ sớm. Lúc nằm mơ màng giữa thức và ngủ, tôi cảm thấy tôi sẽ nằm mộng thấy Anita. Tôi tin chắc chị sẽ về, và nếu trên đời này không có hồn ma thì một Anita làm bằng ký ức của tôi về chị sẽ về trong giấc ngủ. Chị phải đến, để tả cho tôi biết tình yêu và nỗi buồn khi chị gặp lại đứa con trai nhỏ ở Nhà nuôi trẻ. Tôi biết chị đã cùng với tôi đi đến đó. Từ lúc tôi nhìn thấy cây đàn hồ cầm ở dưới hầm nhà chị, chị không bao giờ rời tôi. Chị ở bên tôi, hay ở trong tôi, hay tôi đã tan biến vào chị, từng khoảnh khắc.

Lúc nhìn thấy Marcus, tôi không biết tình cảm của mình. Tôi nhìn thấy một đôi mắt đẹp, một gương mặt buồn bã đang ở rất xa, một nỗi bất an không tên, và tất cả những thứ khác đều không tên. Tôi cũng thấy bất an, nhưng không phải vì em không nhìn tôi, mà vì tôi không biết tình cảm của mình. Tôi biết em là đứa con trai nhỏ của Anita, nhưng tôi không biết với tôi em là ai. Tôi có yêu mến em không? Lúc ông hiệu trưởng đi lấy cây đàn, để Marcus và tôi một mình trong phòng, cả hai đã giả vờ nhìn vào một thứ gì đó để không thấy người kia, cái khoảng cách giữa chúng tôi đã được canh giữ rất cẩn thận. Nếu ông hiệu trưởng đi lâu hơn nữa, khoảng cách ấy sẽ bớt đi hay sẽ lớn lên mỗi giờ? Tôi sẽ thoáng thấy chút thương mến, hay chỉ có xa lạ?

Anita, chị phải về, phải nói cho tôi biết. Khi người mẹ gặp lại con mình sau cuộc chia lìa tang thương ấy, tình cảm của người mẹ như thế nào. Về để chỉ cho tôi thấy tình mẹ con, điều tôi chưa từng thấy. Về để nhập vào tôi, tự nhốt mình trong cái lồng ngực của tôi để nhớ lại hơi thở và cảm xúc. Về để yêu Marcus bằng trái tim còn đập của tôi, khóc bằng đôi mắt còn có tuyến nước mắt. Nói cho tôi biết nó như thế nào: những thương lo se sắt, những rung động mãnh liệt, những đau đớn buốt người, những ước vọng được ôm siết lấy tấm thân cậu bé trong lòng. Tôi đã lặn lội một mình đi tìm em suốt hai năm. Tôi đã đem về những bức ảnh của em cho người thân. Cha của em nói biết đâu nó là con của người khác. Anh của em không muốn nhìn những tấm ảnh đó. Mẹ em thì chết rồi. Tôi phải làm gì với em bây giờ? Về để dạy cho tôi yêu Marcus, tình yêu là điểm bắt đầu của mọi cuộc hành trình.

Hãy dạy cho tôi biết tình yêu, và câu chuyện của tôi sẽ có một kết thúc tốt đẹp như bất cứ một cuốn tiểu thuyết tốt đẹp nào. Tôi sẽ trở lại Nhà nuôi trẻ, với tiếng đàn của mình và với câu chuyện của Marcus mà bây giờ chỉ còn một mình tôi biết, tôi giúp em, giúp các bác sĩ giúp em, nhật lại những vết tích của tuổi thơ mình một cách cẩn trọng. Dần dần – em có thời gian, em không phải vội – Marcus hiểu được lai lịch của mình và chấp nhận nó. Rồi em chấp nhận chính mình, chấp nhận nơi chốn mà em đã đi đến và đang đứng trong đời. Em nhặt nhạnh từng chút sự an tâm, từng chút lòng tin, để trở lại thế giới của loài người. Tôi gắn bó với em, và qua em gắn bó với cuộc đời. Vai tôi nhận một ít trách nhiệm, tim tôi chứa một ít tình thương, đủ để chính tôi cũng trở lại thế giới của loài người. Tôi sẽ tổ chức lại cuộc đời của mình trên mặt đất: một mái nhà và địa chỉ không hay thay đổi, một công việc làm, một mục đích sống, một nề nếp, một sự tuân thủ cần thiết các giá trị bình thường. Tôi thực hiện được các điều kiện Sở thanh thiếu niên đòi hỏi để tôi có thể nhận Marcus làm con nuôi. Tôi tạo được một nơi chốn bình yên để đón em về. Tôi sẽ khai thuế và đóng bảo hiểm, có thể sẽ lấy chồng, sẽ đi họp phụ huynh, có người quen trong thành phố. Chiều chủ nhật tôi sẽ mời họ đến nhà dùng cơm. Khách sẽ mang đến một bó hoa, hoặc một chai rượu. Chúng tôi sẽ nói chuyện, nói chuyện. Nói chuyện cho đến khi tất cả khoảng không của thế gian đã được rót đầy bởi tiếng người muôn đời rì rào, niềm im lặng bất an đã chết. Tôi sẽ đọc truyện cho Marcus, sẽ đi dạo với em ở ven sông, có thể tôi sẽ dạy nhạc cho em mỗi tuần hai buổi. Tôi sẽ là cha nuôi của Marcus, làm cho em những điều cha nuôi tôi đáng lẽ đã làm cho tôi, nhưng ông không làm, ông bỏ cuộc nửa chừng, vì quá buồn. Tôi

sẽ là mẹ ruột của em, làm cho em những gì Anita đáng lẽ đã làm cho em, nhưng chị không làm, chị bỏ cuộc nửa chừng, vì chị muốn bỏ đi. Những con đường đời đi qua vùng núi đá và chốn đầm lầy, đi qua những đêm bão rớt và những ngày không gió, họ đã bỏ dở, và tôi sẽ bắt đầu lại nơi họ đã để cho buông rơi vào yên lặng.

Tôi thức giấc lúc quá nửa đêm, có lẽ 2 hay 3 giờ sáng. Tôi nằm mở mắt nhìn lên khoảng trần nhà vôi trắng mờ mờ tối phía trên. Tôi cố nhớ lại giấc ngủ mới qua, cố nhớ lại những giấc mơ trong đó. Anita không về. Hình như trong một giấc mơ rất ngắn, tôi thấy chị rửa mặt cho Marcus, chị vuốt mặt em bằng bàn tay đầy nước. Chỉ có một hình ảnh, không có một tâm trạng, một lời lẽ, một ý nghĩa nào đi kèm với nó. Có thể là hình ảnh ấy tôi đã thoáng nhớ từ một cuốn phim nào đó đã quên, nó chập chờn trong giấc mộng và tôi cho rằng gương mặt của cậu bé ấy là của Marcus, và bàn tay là của Anita.

Tôi đến đây từ một miền đất tôi không biết. Tôi mồ côi, không có quá khứ, tình yêu, ước mơ, tôi không có một cái tên, chân dung hay linh hồn. Tôi là một gian nhà trống. Tôi không bị chứng mất trí nhớ như Marcus, nhưng tôi không có gì để nhớ. Ký ức về người cha nuôi tự tử trong nhà thờ và người chồng lái xe đi vào một đám sương mù trên núi không phải là thứ ký ức làm nên linh hồn. Tôi đã quên lãng nó. Tôi không có một câu chuyện nào để sống trong đó. Tôi đang nhặt lấy câu chuyện của Anita, tưởng nó là của mình. Chị có kỷ niệm, có tình yêu cho các con, cho âm nhạc và những giấc mơ về những nơi chốn mà chị định đi đến. Những vùng đất chưa có tên nhưng đã trở thành một thứ quê hương mong ước cho trái tim đầy ước vọng. Tôi sẽ lấy tên chị, mơ những giấc mơ của chị, nuôi đứa con nhỏ của chị, chơi cây đàn của chị. Tôi sẽ sống cuộc đời mà Anita đã bỏ dở, tiếp tục nó với đôi chút phương hướng và sự yên lành.

Có lẽ đã gần ba giờ sáng, cái giờ yên vắng lúc đêm chưa qua. Tôi còn bập bênh ở một nơi thình vảng, trôi trong nỗi yên ả của khoảng không và sự vô cảm. Nhưng đêm sẽ qua, nó đang mất đi. Mặt trời sẽ lên và tôi sẽ phải biết làm gì với cái ngày sắp tới đó. Tôi chợt nhận ra rằng mình không biết làm gì vào ngày mai này và tất cả mọi ngày mai sau đó. Nỗi thảng thốt chợt đến, chợt bùng ra. Mới đây tôi còn yêu thương Anita biết là bao, mới đây tôi còn nghĩ chúng tôi là hai chị em, hơn như vậy nữa, tôi nghĩ tôi sẽ bỏ cái tên An Mi, Anna Michaela Wienandski, để lấy tên Anita. Nhưng chợt có một thứ tiếng nói vang lên từ một góc nào đó, tiếng nói thuộc về cái phần lạnh lẽo nhưng mạnh mẽ hơn sự kiểm soát của ý thức tôi, nó quyết liệt đánh đuổi Anita. Tôi không phải là chị, không thể là chị, muôn đời tôi không thể là ai khác tôi. Thân thể tôi, tâm trí tôi, dù nó vắng ngắt, nó cũng không cho hồn ai đến ngụ. Dù Anita có một linh hồn và không có mái nhà nào, dù chị không biết về đâu, cũng đành. Dù chị có một câu chuyện chưa kể hết, cũng đành. Chị phải bắt đầu hiểu cái chết là gì. Nó có nghĩa là không còn ai tiếp tục làm điều mình bỏ dở, nó nghĩa là câu chuyện bị cắt ngang một cách tuyệt đối. Không có ai sẽ tìm cho nó một ý nghĩa, một kết luận nào nữa.

Tôi mở nắp hộp đàn, lấy ra cây hồ cầm. Tôi muốn chơi một khúc, tôi nghĩ tới một đoạn andante của Bach. Làm sao tôi biết được Anita đã từng chơi nó không. Tôi nhớ ra rằng bây giờ còn là đêm, có thể phòng bên cạnh sẽ nghe thấy tiếng đàn và thấy phiền. Tôi dựng cây đàn ở tường, bên cạnh bàn viết và chiếc ghế, rồi trở lại giường nằm. Có lẽ tôi nên ngủ một chút. Tôi nhắm mắt lại. Giấc mộng chập chờn tới, tôi vừa nằm mơ, vừa biết mình đang ở trong phòng khách sạn và biết đêm đang sắp qua rồi. Chợt tôi nghe tiếng đàn, bản nhạc lúc này tôi nghĩ trong đầu và định chơi. Tiếng đàn không lớn, nhưng rất rõ. Tôi quay mặt về chỗ tôi đã dựng cây đàn và tôi thấy – tôi không biết hình ảnh của Anita đến với tôi bằng thị giác hay cảm giác – chị đang ngồi đó, cầm cái cung và đang kéo đàn, tóc chị mong manh buông xuống và lẫn vào bóng tối. Tôi vừa bị quyến rũ, vừa thấy sợ ghê gớm. Tôi muốn vùng ngồi dậy và thoát khỏi cơn mơ – vì tôi biết chị thuộc về giấc mơ, dù chị đang ngồi trong gian phòng thật và ánh sáng thật – nhưng có một cái gì làm tôi không cử động được. Tiếng đàn vang lên từng câu, u buồn và đẹp

để rợn người. Tôi nằm im, nín thở vì xúc động và vì sợ, nhưng có lẽ nỗi sợ to lớn hơn.

Cuối cùng tôi ngồi dậy được. Chị Anita không còn đó. Không gian như còn một chút hương u hoài và lạnh lẽo của cõi âm. Cây đàn vẫn dựng ở tường, bên cạnh bàn viết. Nó đầy hồn ma và đầy những bất trắc, đêm đêm nó có thể vang lên bất cứ lúc nào, dù tôi có chạm tới nó hay không.

Tôi thấy buồn bã và có một tình cảm giống như là tuyệt vọng, hoặc là sợ hãi, tôi không biết, không còn phân biệt được nữa. Tôi đến bàn viết, lấy giấy viết một cái thư rất ngắn cho ông hiệu trưởng Nhà nuôi trẻ.

Gia đình Kempf ở số 17 đường Moosbach, Treuwasser.

Cha của Marcus, Herman Kempf, hiện đang được điều trị ở Trung tâm Phục hồi thuộc bệnh viện tỉnh. Em có một người anh trai tên là Michael Kempf.

Cây đàn này của Anita Kempf, mẹ của Marcus. Có lẽ bà đã chết. Có lẽ chồng bà giết bà. Có lẽ Marcus đã trông thấy và bỏ chạy vào rừng vào một đêm tháng giêng, trời lạnh âm nhiều độ. Em mất trí nhớ có lẽ từ hôm đó.

Đây là một cây đàn trình diễn, có lẽ được làm ở một tỉnh phía đông, có lẽ Leipzig, cách đây 150 năm. Trị giá nó chừng 40 ngàn Đức mã, nhưng cũng có thể 80 ngàn. Mong ông hiệu trưởng gìn giữ nó giùm cho em Marcus với nhiều cẩn trọng.

Lúc đọc lại, tôi gạch bỏ tất cả các chữ “có lẽ” trong bức thư. Tôi bỏ nó vào bao thư, dán lại, đề tên và địa chỉ ông hiệu trưởng bên ngoài. Tôi cất cây đàn vào hộp. Tôi nhớ tới bàn tay của Marcus lúc em đến gần chạm lấy cây đàn và tôi thấy buồn cho em khủng khiếp, đến nỗi trong một giây tôi nhắm lẩn nỗi buồn ấy với tình yêu. Tôi bỏ phong thư vào hộp đàn và đẩy nắp lại.

Tôi nhìn đồng hồ, 3 giờ 40.

Tôi không thể giữ cây đàn này thêm một phút nào nữa. Nó làm tôi sợ. Tôi mặc áo vào và khiêng cái hộp đàn xuống quầy tiếp tân khách sạn.

Ở dưới đó vắng tanh. Tôi nhấn cái chuông ở quầy, và đứng chờ. Và nhấn chuông, và chờ. Cuối cùng có một cô gái đi ra.

Tôi nói:

“Tôi muốn nhờ khách sạn gọi cho dịch vụ đóng thùng và gửi cây đàn đến địa chỉ này...”

“Thưa bà, xin bà chờ đến mai, bây giờ mọi người chưa ai đi làm.”

“Cô nhận giùm tôi, rồi bao giờ họ gửi cũng được, đây là địa chỉ.”

“Bà để cây đàn ở đây, rồi sáng mai xuống, người ta sẽ gọi điện cho các hãng chuyển hàng và cho bà biết giá. Bà sẽ chọn gửi bằng cách nào”

“Tôi phải trả phòng và đi ngay bây giờ. Tàu của tôi sắp đi.”

“Tôi không thể nhận đâu, lỡ các hãng chuyển hàng không nhận vì nó to quá thì sao. Hoặc là giá tiền cao quá.”

“Cô giúp tôi giùm. Gửi cách nào cũng được, giá nào cũng được, tôi cần phải gửi nó trước khi lên tàu.”

“Bà chờ một chút để tôi hỏi.”

“Hỏi ai?”

“Hỏi người trưởng ca trực đêm nay. Bốn phận của tôi chỉ là nhận và giao chìa khóa.”

Cô gái đi vào trong. Một lúc sau, cô đi ra.

“Được rồi, chúng tôi giúp bà lần này. Nhưng lần sau xin bà làm việc với ca trực ngày. Ca đêm chúng tôi rất ít người, và có nhiều chuyện chúng tôi không thể giải quyết được.”

Tôi giúp cô mang cây đàn vào bên trong quầy. Tôi đưa thẻ tín dụng, cô gái in xuống giấy và đưa cho tôi ký, để trống khoản tiền cần được trả.

Tôi trở lên phòng, sắp quần áo vào va li, rửa mặt, đánh răng, thay áo rồi trả phòng lúc trời vẫn còn tối. Tôi không định trước sẽ trả phòng sớm như vậy, cũng không hề định trước sẽ làm

gì, nghĩ gì trong ngày sắp tới. Chỉ vì cần đem cây đàn đi khỏi phòng ngay, tôi đã nói dối với cô gái là tôi sắp lên tàu, nên bây giờ tôi phải đi.

Tôi đến sân ga tìm bất cứ một chuyến tàu nào đi đến bất cứ một nơi nào thật xa. Chuyến tàu viễn hành đi lên phía bắc vừa đi không lâu, và bây giờ không có chuyến nào đi xa trong vòng 4 tiếng. Tôi đi ra băng ghế ngồi chờ. Sân ga vắng, sương đêm làm mờ đục ánh sáng trắng của những ngọn đèn giăng trên cao. Cảnh như không thực.

Trong 4 tiếng này tôi sẽ ngồi nghỉ, mọi việc đã xong. Nhưng tôi thấy cơ thể đại đi vì mệt. Cả người tôi bất an, ruột tôi quặn lại, tôi lạnh và buồn nôn. Tôi thấy đau đớn, không còn là nỗi đau đớn trong lòng mà là trên thân thể, khi đầu óc tôi mờ đục không còn ý nghĩ nào. Tôi đang quay về với những chuyến xe lửa cuối cùng, về với khoảng không, với cái chết. Tôi chợt biết sự quay về đó gây đau đớn. Tâm trí tôi đã dừng lại, bất động, không còn có thể nhận lấy nỗi đau đó nữa. Nó đi vào gan ruột, da và thịt tôi. Tôi thấy buốt khắp người.

Tôi lấy taxi mang hành lý trở lại khách sạn. Tôi cần một chiếc giường. Trong một giờ, hoặc là một tháng. Tôi không biết.

Khi tôi bước xuống taxi trước cổng khách sạn tôi thấy cô gái trực đêm ôm chiếc hộp đàn hồ cầm đi ra, nơi có một chiếc xe trắng đang chờ. Một người đàn ông bước ra mở cửa sau của xe, và họ đặt cây đàn vào trong. Người đàn ông lái xe đi. Chiếc xe biến đi khỏi tầm mắt của tôi rất nhanh. Thành phố nằm trong một đám sương mờ trắng.

Trong một phút đó, tôi không thật sự biết mình thấy gì. Nhưng khi xe đi rồi thì tôi nghĩ là tôi biết người đàn ông đó, dù tôi không thấy mặt, nhưng tôi biết dáng người ấy. Tôi cũng đã thấy chiếc xe ấy rồi. Ở đâu?

Tôi bước vội theo cô gái vào trong.

“Cô cho tôi biết, người đàn ông đi chiếc xe trắng lúc này là ai?”

“Anh ấy là một nhân viên khách sạn.”

“Anh ấy tên gì?”

“Kahn.”

“Anh ấy làm ở đây lâu chưa?”

“Tôi không rõ bao lâu, anh ấy vào làm ở đây trước tôi.”

“Tại sao cô đưa cây đàn cho anh ấy. Anh ấy chở cây đàn đi đâu?”

“Chính bà nhờ chúng tôi đi gửi cây đàn mà. Anh ấy hết ca. Trên đường về, anh ấy nhận chở cây đàn ra bưu điện.”

“Tại sao cô để cho anh ấy chở cây đàn ra bưu điện? Tôi nghĩ là một hãng vận chuyển sẽ đến đây lấy nó chứ.”

“Xin bà yên lòng, gửi cách nào thì cũng đến tay người nhận thôi.”

Một chuyện rất sai vừa xảy ra, tôi chỉ biết vậy, tôi lo lắng mà không nói tên cái điều sai ấy ra được. Đánh bỏ dở những câu hỏi. Tôi thấy mình lạnh, và rất yếu.

“Tôi bị lỡ chuyến tàu rồi. Cô cho tôi lấy lại phòng. Tôi cần ngủ một chút”

Cô gái đi lấy chìa khóa đưa cho tôi.

“Bà ở lại chờ chuyến tàu kế? Bà có cần chúng tôi đánh thức?”

“Không. Tôi có đồng hồ báo thức, tôi sẽ tự lo. Cũng có thể tôi đi chuyến ngày mai. Hoặc ở lại vài hôm...”

Không thích cái không gian kín bưng trong chiếc thang máy, tôi đi bộ lên cầu thang. Tôi không suy nghĩ, đầu tôi trống và buốt. Nhưng chợt dừng tôi nhớ lại tôi đã thấy chiếc xe trắng ở đâu. Nó nằm trong sân nhà của Sophie. Và người đàn ông trẻ lái chiếc xe ấy là Michael Kempf. Trong lúc nghĩ như vậy, chân tôi vẫn bước. Dưới chân một bậc thang chợt chao đi, biến mất, và tôi ngã xuống. Tôi ngất đi.

Tôi ngủ dường như rất lâu, không mộng mị. Khi tôi thức dậy, các cô y tá nói tôi đã hôn mê

trong 6 ngày. Một bác sĩ trẻ đến đặt những câu hỏi kiểm điểm ký ức của tôi. Tôi nói với anh ta tôi vẫn còn nhớ tất cả mọi chuyện.

Các bác sĩ nghĩ tôi ngã vì rối loạn tiền đình. Tôi ngã 17 bậc thang. Không có gì nghiêm trọng đã xảy ra. Họ quyết định giữ tôi lại bệnh viện một tuần để quan sát. Tôi nằm và chỉ thấy lênh đênh, chứ không buồn. Tôi không nghĩ tới gì, chỉ nghĩ tới con số 6. Tôi đã ở đâu trong 6 ngày qua? Không có nơi chốn, thời gian và ý thức, cũng không có bóng tối và giấc ngủ. Không có tôi. Rồi chợt nhiên tôi lại ở đây.

Một tuần ở bệnh viện giống như ở một sân ga chuyển tàu, nơi tôi để mất hành lý và mất cả cái tên của thành phố ở cuối chặng đường tiếp theo. Tôi nằm nhìn lên khoảng trần nhà màu trắng phía trên, thường thường không rõ nét, và biết rằng trí nhớ của tôi đang rời xa tôi, những câu chuyện giống như những cây cỏ trong một giòng nước trôi chậm, lặng lẽ và mông lung, chúng dần loang ra và mất đi sự liên lạc. Tôi còn lại những mảnh rời, đôi ba hình ảnh, ấn tượng, hay cảm giác, nhưng tôi đang dần mất đi sự tương quan và ý nghĩa của những mảnh ký ức đó.

Những câu chuyện trước đây 6 ngày đã lùi xa về phía bên kia những đám mây trời. Nỗi buồn của Anita vẫn còn đó, nhưng nó giống như nỗi buồn len lỏi giữa những chữ của một bài thơ in trong một cuốn sách đã cũ. Chị đã chết rất lâu. Lúc còn sống chị có một cây đàn hồ cầm. Nó đâu rồi? Tôi nhớ hình như tôi đã gửi nó cho đứa con trai nhỏ của chị. Nhưng có một điều gì đó đã xảy ra, và cây đàn sẽ không đến tay Marcus. Điều gì? Nếu gắng một chút nữa thôi thì tôi sẽ nhớ ra, nhưng tôi không nhớ. Tôi chỉ man mác biết rằng cây đàn đã mất và Marcus sẽ không bao giờ nhìn thấy nó. Còn Marcus, em là ai? Marcus có một đôi mắt đẹp mở vào một khoảng trời xa, và trống. Em không ở thế giới này. Em ở một nơi khác, tôi không thể đến gần. Và tại sao tôi lại muốn đến gần em? Tôi là gì của Marcus? Tôi không là gì của em cũng như tôi chưa bao giờ là gì của ai trên mặt đất. Trong cuộc đời êm đềm ngoài kia, những đồ vật, những khoảng khắc, những con người được gắn lại với nhau bằng tình yêu và ý nghĩa. Marcus và tôi là những kẻ luôn luôn đứng ở bên ngoài những cánh cửa của cuộc đời ấy. Chúng tôi là những đứa trẻ mồ côi không quen biết gì nhau.

Bây giờ tôi thấy buồn vô hạn vì tôi đã làm mất cây đàn của em rồi. Nhưng tôi không nhớ ai đã lấy nó, và họ mang nó đi đâu. Không phải tôi làm mất một cây đàn đã được làm từ hai trăm năm trước, nếu tìm được đúng người, có thể bán được ngàn ấy tiền. Tôi đã làm mất câu chuyện của em, điều một ngày nào đó đáng lẽ sẽ trở thành một thứ keo gắn những mảnh vỡ của cuộc đời em lại, và gắn em vào mặt đất này, vào cuộc đời ở đây dù nó rất buồn, chứ không ở một nơi xa và hoàn toàn vắng như mặt trăng.

Một tuần đã qua, anh bác sĩ trẻ đã phỏng vấn để kiểm điểm trí nhớ của tôi hứa đưa tôi ra nhà ga. Anh ấy hỏi giờ chuyển tàu của tôi. Tôi nói tôi sẽ ra ga và chờ chuyển tàu kế đó, tôi không cần biết trước vào giờ nào. Anh hỏi tôi, không có người nào đợi tôi ở nơi tôi đến hay sao. Tôi không trả lời anh.

Đêm cuối ở bệnh viện, trong lúc ngủ chập chờn, tôi nghe có ai gọi tôi. Tôi thức dậy, lắng nghe, cố nhớ lại giọng người gọi là ai. Lâu lắm rồi không có ai nhắc đến tên An Mi, bây giờ có tiếng người gọi tôi, và cũng không phải bằng tên này. Nhưng sao tôi lại biết gọi tôi? Đêm sâu hơn, tôi lại nghe tiếng gọi đó một lần nữa, khẩn khoản hơn, và tôi vẫn không biết người gọi là ai. Hẳn nhiên người đó không có trong phòng. Hẳn nhiên, người đó đứng gọi tôi từ một nơi nào đó trong ký ức. Người đó muốn nhắc tôi nhớ một chuyện gì đó, đi tới một nơi nào đó. Tôi quay nhìn nhưng không thấy mặt ai. Giọng người ấy lạ, nhưng rất thân, tôi tưởng như tôi đã luôn luôn biết người ấy và bây giờ tôi sắp nhớ ra người đó là ai, chỉ chờ một lớp sương mỏng tan đi, thì tôi nhớ. Nhưng tôi càng cố nhớ thì làn sương man mác ấy càng mông lung hơn.

Chương 17. Và khi tro bụi rơi về

Tôi muốn viết một câu cuối cùng chiều nay, nhưng trong hành lý của tôi không có một một trang giấy trắng nào. Tôi sẽ không đi tìm một quyển sổ nào nữa. Lần trước, tôi mong mỏi, tôi nghĩ mình nhất thiết phải viết, và không hề nghĩ viết cho ai. Đến khi có được những trang giấy thì tôi không có gì để viết. Những trang giấy chỉ làm cho tôi hiểu rằng cả cuộc đời của tôi chỉ ghi lại được có mấy giòng chữ quanh quẽ, không đủ để làm đầy nửa trang của một quyển sổ có bìa da rất đẹp. Rồi tôi bắt đầu đọc câu chuyện của một người khác, mượn nó làm câu chuyện của mình để sống trong hai năm. Ở đoạn cuối, hình như người đã đưa câu chuyện ấy cho tôi đến lấy nó lại. Như thế nào, tôi không nhớ. Hình như người ấy chở câu chuyện ấy đi bằng một chiếc xe màu trắng. Hình như thành phố phủ đầy sương. Hình như không có thành phố nào, chỉ có một vùng sương.

Trước khi chết, tôi muốn trở về với câu chuyện thật của mình. Tôi vẫn còn muốn viết một câu nào đó, một câu nửa thôi, một dấu vết để lại. Con sói đã đi qua cánh đồng tuyết, sức nặng của nó đã làm cho tuyết lún xuống thành những vết cô độc trải dài về cuối tầm mắt. Tôi muốn mình cũng có cái sức nặng của thân thể con sói, sức nặng đủ để lưu lại những dấu chân, cho dù khi mặt trời lên những dấu chân ấy sẽ mất. Tôi không muốn mình không trọng lượng và rồi sẽ tan như khói. Không còn gì, như tôi chưa từng đi qua cuộc đời này.

Dường như tôi cũng có một câu chuyện thật ở nơi vùng trí nhớ không có ánh sáng, tôi không nhìn thấy nó. Như Marcus không bao giờ còn nhìn thấy cây đàn hồ cầm của mẹ em để lại. Tôi cố nhớ lại cuốn phim của đời mình, trong đó có những con đường, những nhà cửa, người quen và công việc. Có một điều gì đó quan trọng hơn nhiều đã ở đó, nhưng nó ở bên ngoài nơi khung hình không vươn tới. Trí nhớ của tôi là người quay phim mê muội đã hướng ống kính tới những điều hiển nhiên dễ hiểu của cuộc sống, cố tìm một chút mạch lạc hơn là những thứ khó lấy nét như dấu chân của loài sói vào lúc ngày chưa đến.

Người tôi yêu lái xe vào một đám sương mù. Tôi còn lại sau khi anh ấy đi rồi, chút mạch lạc gắng lắm mới có được của đời người cũng gầy đổ vào cái ngày không nắng đó. Tôi cũng muốn chết như anh. Từ xưa đã có bao nhiêu người tự tử để được ở bên người mình yêu nơi cuộc đời bên kia, có một cái gì rất đẹp để và u uất trong chuyện đó. Đáng lẽ quyết định quyền sinh của tôi cũng có một lý do lãng mạn như vậy. Nhưng tôi không có linh hồn. Nhà thờ đã dạy cho tôi điều đó năm tôi 13 tuổi. Giữa linh hồn vĩnh viễn bị đốt cháy trong lửa địa ngục và không có linh hồn, tôi chọn không có linh hồn.

Tôi sẽ ra đi không để lại dấu chân in trên cánh đồng tuyết. Tôi biết rằng ở nơi tôi sinh ra người ta để tang nhau bằng màu trắng. Có lẽ họ hiểu cái chết như vậy, chết là trở về với cánh đồng lúc chưa có loài sói đi qua, một cánh đồng không có dấu chân ai.

Tôi đi đến toa nhà hàng để mua nước suối cho buổi tối. Cô phục vụ nói họ mới cất hàng từ ga vừa qua và chưa kịp mở các thùng giấy ra. Cô hứa sẽ mang nước đến cho tôi sau. Tôi nói để tôi đi lấy cũng được, trong phòng tôi vẫn còn lưng chai nước.

Tôi ăn trưa muộn, ăn rất ít, uống nửa ly rượu vang. Tôi trở về phòng ngủ của riêng mình. Để có thể làm những chuyện cần làm để được chết, người ta không cần nhiều mấy sự can đảm, hay lòng thù ghét cuộc đời, hay tuyệt vọng. Người ta làm chuyện đó bởi vì không có chuyện gì khác để làm.

Tôi cài chốt cửa bên trong. Tôi uống hai viên thuốc chống nôn và sẽ chờ 45 phút trước khi uống 20 viên thuốc an thần. Thuốc chống nôn sẽ làm tôi buồn ngủ, nên tôi không đi nằm. Tôi mặc áo ấm, đến đứng ở cửa sổ. Tôi hạ cửa xuống. Tôi đứng yên vịn lấy thành kính của khung cửa xe lửa, cho gió thổi vào mặt để mình không ngủ và tôi biết tôi sẽ đứng đó trong ba phần tư

giờ đồng hồ lạ lùng nhất đời người, trong cái không gian và khoảnh khắc ở giữa cuộc đời và không còn cuộc đời, giữa nỗi buồn và không còn nỗi buồn, giữa những mảnh vỡ và sự nguyên vẹn tuyệt đối của thình không.

Tôi nhìn ra bên ngoài. Xe lửa đi qua những cánh đồng vào một ngày đông đã qua và xuân chưa tới, một ngày không có mùa và dường như không có ánh sáng cũng không có bóng tối. Một ngày màu xám, thứ màu xám lặng lẽ và bất tận không chứa trong nó một nỗi mong đợi nào. Ven những cánh đồng đã gặt có những bờ cỏ dại. Không phải là cây cỏ với những cành và những lá lao xao, mà chỉ là những cái bóng lơ mờ in trên cái nền xám của khoảnh thời khắc lặng lẽ không phải ngày và không phải đêm. Tôi sắp ra đi yên bình như vậy sao? Ra đi vào một hôm đất trời và cỏ cây không còn hơi thở. Thời gian đã chết.

Tôi nhìn đồng hồ, mới qua hai mươi phút. Tôi còn phải chờ hai mươi lăm phút nữa. Chợt dừng tôi thấy tôi không muốn chờ đợi thêm một phút nào nữa. Sự thanh bình này mong manh. Tôi sợ nỗi buồn chia ly tràn tới.

Tôi dốc hết 20 viên thuốc vào lòng bàn tay. Nước trong cái chai cuối cùng rót ra chỉ còn được nửa ly. Tôi chia những viên thuốc uống ra, uống với ba ngụm nước. Tôi không đóng cửa sổ, lên giường nằm nhắm mắt trong bóng tối nguyên vẹn cuối cùng.

Nhà tôi ở gần một chiếc cầu bắc qua một con sông nhỏ. Cạnh nhà có một con lạch chảy ẩn dưới đám cỏ hoang và lau sậy, chúng tôi chỉ nghe tiếng nước chứ ít có chỗ nhìn thấy giòng nước. Nhưng tôi đã biết vạch lau cỏ để đặt những chiếc lờ cá dưới lạch. Cha tôi đi lính đã ba năm không có nhà. Nhà chỉ có mẹ và hai đứa con gái nhỏ. Mẹ tôi trồng lát, đan chiếu, lâu lâu lại gánh chiếu ra chợ bán một lần. Tôi phụ mẹ nhổ lát, chẻ lát, phơi lát. Hai bàn tay lúc nào cũng sưng. Những khi mẹ tôi buồn, tôi nói: Mẹ đừng khóc, Tết cha về. Tôi nói vậy dù tôi không nhớ mặt cha tôi, không biết ông về nhà thì như thế nào. Việc chính của tôi là trông em. Tôi đi học thì nó ở nhà với mẹ, nhưng nếu mẹ đi chợ xa thì tôi dẫn nó đến đứng ở cửa lớp khi tôi vào học. Tôi cho nó ăn cơm, và tôi đi bắt cá, cắt cỏ hay chạy lông nhông với lũ con nít trong làng, lúc nào con nhỏ em cũng ở sau tôi bốn bước, gần hơn tôi la vì nó làm tôi vướng, xa hơn tôi cũng la vì không trông nó được. Nếu đói, hay bị kiến cắn, hay nước mũi chảy không thở được, nó chỉ cần đứng yên một chỗ mà gọi, tôi sẽ chạy lại lo cho nó. Buổi tối, ba mẹ con ngủ trên bộ ván. Năm cả ba người một hàng thì chật, phải có một đứa quay đầu ngược lại. Tôi muốn nằm cạnh mẹ, ôm mẹ, nhưng con bé em nhỏ hơn, tôi phải nhường chỗ đó cho nó. Tôi nằm xoay đầu về phía chân, thấy tức mẹ và hơi oán con bé em. Nhưng tôi chưa kịp ngủ thì nó cũng xoay đầu lại nằm bên tôi. Nó ôm tôi dù tôi toàn xương không êm ái như người của mẹ. Nếu tôi xoay lưng về phía nó, nó áp mặt nó vào lưng tôi mà ngủ.

Một tối có tiếng đại bác rơi trong xóm. Chúng tôi đã quen. Chúng tôi chui xuống gầm ván, mẹ tôi đã chất mấy bao cát chung quanh bộ ván. Tiếng đại bác xé gió rít trong đêm rồi rơi xuống đầu đó rất gần, chúng tôi nằm co người cầu Phật cho đạn rơi nơi khác, đừng rơi trên đầu mình. Một tiếng rít sát bên rồi một tiếng ầm lớn, một quả đạn rơi bên cạnh tường, nhà tôi sập. Mẹ tôi nhắc tôi ra khỏi gầm bộ ván, đẩy tôi và gọi: Chạy đi An, chạy đi! Tôi nhắm mắt chạy, không biết gì nữa. Đạn vẫn rơi khắp nơi. Một trái nữa vừa rơi xuống ngay nhà tôi. Chạy thất thần được một quãng tôi mở mắt ra, quay đầu lại nhìn. Tôi không thấy ai bên mình. Tôi có một mình. Tôi loạn cuồng quay đầu chạy ngược lại nhà mình. Căn nhà đã sập hoàn toàn. Mọi người đã chết, chỉ còn mình tôi. Tôi chạy lại ôm xác mẹ, và trong nỗi kinh hoàng, tôi không biết làm gì nữa bây giờ.

Ngày còn nhỏ tôi nhớ câu chuyện đêm hôm đó. Mấy ngày sau, ở trạm y tế, người ta hỏi về gia đình tôi. Tôi nói tất cả người thân của tôi đã chết hết rồi, họ hỏi tôi có thấy xác của người thân không, tôi nói có. Tôi được đưa vào nhà thương để mổ lấy ra những miếng miếng đạn ở lưng và ở vai. Tôi còn nhớ, nhà thương là một chiếc tàu. Tôi không bao giờ còn trở về căn nhà của mẹ

tôi nữa. Người ta đưa tôi qua Đức, về với gia đình cha mẹ nuôi.

Ở Đức, tôi không kể câu chuyện đêm đó cho ai nghe, tôi không muốn câu chuyện ấy có thật. Tôi quên mẹ và em, quên tuổi thơ, tôi chưa bao giờ nghe tiếng đạn đại bác rít trong không rồi rơi xuống nơi chúng tôi sinh ra, lớn lên, đã đêm đêm áp má vào lưng nhau mà ngủ.

Bây giờ, trong giờ phút lênh đèn sắp trôi ra ngoài sự sống, tôi nhớ lại tất cả. Không phải tôi nhớ, mà tôi thấy lại tất cả những điều tôi đã quên hơn hai mươi năm rồi. Tôi sống lại những khoảnh khắc năm xưa với tất cả tình cảm của một đứa bé bảy tuổi. Và bỗng dưng tôi biết một điều tôi chưa bao giờ biết, vào năm đó và tất cả những năm về sau của cuộc đời.

Tôi đang ôm xác mẹ tôi. Đạn đang tiếp tục rú những tiếng kinh hoàng trong không. Tôi đang gần ngất đi. Tôi biết tôi sẽ nằm với mẹ như vậy cho tới khi tôi chết. Nhưng tôi nghe có tiếng gọi từ đâu đó: "An ơi, chạy đi"! Tôi không biết ai gọi những tiếng đó, không hiểu nghĩa của nó, tôi không suy nghĩ, không có ý thức, nhưng cái tiếng gọi đó có một thứ sức mạnh lạ lùng khiến tôi đứng dậy và chạy đi, chạy đi mãi...

Bây giờ, đã một nửa bước vào cái chết, tôi chợt biết cái điều tôi chưa từng biết và chưa từng quên, rằng tiếng gọi đó là của đứa em gái nhỏ. Lúc tôi quay lại căn nhà và nhìn thấy xác mẹ, nó còn sống. Nó còn ở đâu đó trong căn nhà sập, không chạy đi vì nó còn chờ tôi nắm tay nó dẫn theo mình. Con bé luôn luôn biết mình phải ở sau chị nó bốn bước và không được rời xa hơn vì xa hơn thì tôi không trông được. Vậy mà tôi đã chạy đi một mình, bỏ lại con bé em ba tuổi với xác mẹ, trong căn nhà sập, trong lúc đạn đại bác tiếp tục rít trong không khí. Nó gọi "An ơi, chạy đi!" Bây giờ tôi mới hiểu nó gọi An ơi, tới đây dẫn em chạy khỏi đây đi! Nhưng nó không nói ra tất cả các chữ vì quá dài. Cũng có thể nó bị kẹt ở dưới bức tường nhà vừa đổ. Tôi đã không đến cứu nó ra. Tôi chỉ nhắm mắt một mình chạy đi. Tôi chạy đi mãi, đi mãi, 25 năm chưa bao giờ quay đầu lại với đứa em nhỏ chờ tôi đến cứu nó khỏi nỗi kinh hoàng.

Tôi chợt hiểu ra tất cả. Tại sao trong tất cả những năm của đời mình tôi đã không tìm được cái thứ keo để gắn lại các mảnh của cuộc đời lại với nhau và gắn chính mình vào với thế giới loài người. Tôi đã cố hết sức mình, nhưng mọi thứ đều rời rạc, tan tác và tôi mãi là một thứ rong rẽ không bám được vào một thứ gì để thôi trôi nổi. Bởi vì trong cái khoảnh khắc kinh hoàng nhất của cuộc đời, vào lúc người ta cần nhau nhất để cứu nhau ra khỏi tai ương, trí óc tôi đã chọn xóa đi cái khoảnh khắc ấy ngay khi nó đang xảy ra, đã chọn không nhận ra tiếng đứa em mình đã trông giữ mỗi ngày. Tôi đã bỏ rơi đứa em trong cái khoảnh khắc quan trọng nhất của cả đời tôi và đời nó, bỏ rơi nó trong cơn sợ hãi, trong hiểm nguy, trong bóng tối vô tận.

Tôi đã chạy đi một mình. Trong phần đời còn lại của tôi tôi vẫn mãi là con bé chị không nhận ra tiếng em mình, nhắm mắt chạy đi mãi không quay đầu lại, không bao giờ mở mắt ra. Trong câu chuyện của Anita, tôi tưởng tôi là Marcus bị bỏ rơi. Bây giờ tôi chợt hiểu ra mình là Michael đã chọn lấy sự mất trí nhớ để đổi lấy sự ấm êm trong căn nhà của Sophie.

Tôi đang trôi gần đến cái chết, đang lênh đèn trên giòng nước chảy xuống triền núi. Một chút nữa, nơi mặt đất dừng lại, giòng nước sẽ rơi xuống vực và bên dưới là thung lũng nằm trong bóng tối mê mông. Tôi đang trôi và đang mất đi, đang trôi mãi về nơi mặt đất sẽ dừng lại.

Trong lúc ý thức đang tắt dần tôi lại nghe tiếng gọi tôi. Đêm cuối trong nhà thương tôi đã nghe tiếng gọi ấy, tôi ngỡ là tiếng gọi từ một nơi nào trong ký ức, một nơi sương trắng đã phủ lên. Bây giờ thì tôi nhận ra tiếng của em tôi, không phải từ ngày xưa mà trong lúc này. "An ơi, An ơi, chị có đó hay không?" Em tôi còn sống. Nó đang ở một nơi trên trái đất từng là quê hương tôi. Nơi đó nghèo khó hơn nơi này. Nơi đó tôi đã được sinh ra, lớn lên, đi đặt những lờ cá gần nơi những người đàn ông đi đặt mìn.

Tôi biết tôi phải về đi tìm em mình. Và tôi phải trở lại Weienthal, nơi có người đợi tôi. Tôi

không thể chết, ngàn lần không muốn chết. Xin cho tôi sống nhìn thấy em tôi một lần, cho tôi giải mối oan này, quay về với cuộc đời, với sự sống tôi chưa từng được biết và khát khao đến nao lòng. Cho tôi sống những ngày và những đêm của mình, chứ không sống bằng thời gian và trí nhớ của người khác. Cho tôi gặp lại em tôi dù chỉ một lần, một lần thôi là ơn trời vô tận.

Trong lúc đang trôi trong cả một giòng nước, lạ lùng thay, tôi thấy miệng tôi khô đắng và tôi cần một ly nước. Nếu uống được một ly nước trong lúc này, tôi sẽ sống.

Chai nước ở cạnh giường đã hết. Tôi gắng hết sức mình đi đến cửa gian phòng, nhưng cửa đã cài và tôi yếu quá không mở được. Tôi ngã xuống sàn tàu. Tôi nghe tiếng người gọi tôi rõ hơn. Tiếng gọi từ phía bên kia cánh cửa. An ơi, An ơi.

“Thưa bà, tôi mang chai nước suốt đến cho bà đây.”

Tôi cố gọi bằng tất cả sức mình còn lại: “Cứu tôi! Xin cứu tôi với!” Tôi không biết tiếng gọi có thoát ra ngoài cổ họng mình và cô gái ở phía bên kia cánh cửa có nghe thấy không. Tôi cố vùng vẫy cho khỏi lịm đi, nhưng tôi không còn điều khiển được thân thể và ý thức của mình. Bóng đêm đang tràn tới, mênh mông.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>